

# THÔNG

# LUẬN

ISSN 1145-9557

## NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận

## Một mùa xuân dân chủ mới tại Trung Quốc

Sau một năm thai nghén kể từ khi vị hoàng đế cuối cùng Đặng Tiểu Bình qua đời tháng 2-1997, một mùa xuân dân chủ đã ra đời tại Trung Quốc. Các tài liệu cổ võ cho dân chủ lưu hành tự do và mạnh mẽ, sách nghị luận chính trị trở thành loại sách bán chạy nhất, các cuộc hội thảo dân chủ mở ra trong hầu hết mọi trường đại học khắp nơi. Một thử nghiệm bầu cử tự do cụ thể được đề nghị tại tỉnh Hồ Nam. Phong trào dân chủ nở rộ tại Trung Quốc và được sự khuyến khích của đảng và nhà nước cộng sản, hứa hẹn những thay đổi rất ngoạn mục và trọng đại.

Một cách rất nhanh chóng và vũ bão, cuộc vận động dân chủ Trung Quốc vượt tầm tay của vài khuôn mặt dân chủ quen thuộc. Nó bao gồm cả thủ tướng Chu Dung Cơ và chủ tịch Giang Trạch Dân và các định chế: chính quyền tỉnh Hồ Nam và nhất là Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội, cơ quan nghiên cứu chính trị cao nhất của chế độ cộng sản Trung Quốc. Đảng và nhà nước cộng sản đã khôn ngoan nắm lấy vai trò chủ động thay vì chống lại một phong trào không còn chống lại được nữa. Một ủy ban quốc hội Trung Quốc đang bàn thảo một luật chính đảng mà tác dụng sẽ làm thay đổi hẳn sinh hoạt chính trị trong nước. Một dự án khác đang được nghiên cứu nhằm phi chính trị hóa quân đội, cắt đứt quan hệ của quân đội với đảng cộng sản và đặt quân đội dưới quyền kiểm soát duy nhất của nhà nước.

Mùa xuân dân chủ này không giống mùa xuân dân chủ năm 1989. Năm 1989, phong trào dân chủ đột phát từ sinh viên, thiếu hẳn chuẩn bị về kế hoạch và lý luận. Năm 1998, phong trào dân chủ được sự đồng thuận trong đảng và do đảng chủ động. Nó có chuẩn bị, có lý luận và kế hoạch thực hiện. Điểm khác biệt quan trọng khác là lần này phong trào dân chủ

có ý thức rất rõ rệt: nó không còn lẩn tránh với các giá trị Trung Hoa hay giá trị Châu Á, v.v... Mọi phát biểu đều nói lên rõ rệt là phải tiến tới dân chủ kiểu phương Tây, đặt nền tảng trên các văn kiện nhân quyền của Liên Hiệp Quốc mà Trung Quốc vừa tuyên bố đồng ý ký kết toàn bộ.

Sau gần hai mươi năm thử nghiệm dò dẫm, ban lãnh đạo Trung Quốc đã nhận thức được rằng đường lối kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quái thai đang đe dọa gây ra nổ bùng tại nông thôn. Lý do là kinh tế thị trường áp đặt một số tự do tối thiểu, đưa đến sự nổi lòng kiểm soát tại các địa phương, và vì thiếu cơ chế dân chủ pháp trị, nó đưa tới lạm quyền và tham nhũng tại các vùng xa xôi. Đây chẳng phải là một khám phá lý thuyết độc đáo gì mà chỉ là một nhận xét thực tế: hỗn loạn tại các địa phương là yếu tố thường trực của mọi chế độ kinh tế thị trường không dân chủ, như người ta đã từng thấy tại khắp nơi trên thế giới. Đảng cộng sản Trung Quốc đã chỉ nhận ra dân chủ là yêu cầu bắt buộc.

Trung Quốc có mọi yếu tố địa lý và nhân văn để thành siêu cường số một của thế giới. Trên thực tế, Trung Quốc đã từng là siêu cường số một của thế giới. Ngay từ khi Châu Âu còn bán khai, Trung Quốc đã đủ kiến thức về thiên văn để chế tạo ra lịch, đã có kỹ thuật canh tác cao đưa tới sự gia tăng nhanh chóng về dân số, đã khám phá ra la bàn và thuốc nổ. Tư tưởng Trung Hoa đã đạt tới cực thịnh với một trình độ lý luận trừu tượng rất cao ngay từ thời Đông Châu Liệt Quốc, hơn 2500 năm về trước. Nhưng từ đời nhà Hán trở đi, với sự áp đặt một khuôn mẫu tư tưởng duy nhất, khuôn mẫu Khổng giáo nhà Hán, Trung Quốc đã khựng lại và dậm chân tại chỗ trong vòng hơn 20 thế kỷ để rồi tụt hậu thê thảm. Có dân chủ, Trung Quốc sẽ vươn lên mạnh mẽ. Dân chủ đã biến miền đất hoang đại tại Bắc Mỹ và những người di dân

trong đại đa số thất học thành siêu cường số một thế giới sau hơn một thế kỷ lập quốc. Dân chủ đã biến Ấn Độ, lục địa của đảng cấp, nghèo đói và mê tín dị đoan thành một quốc gia lớn đầy sức bật trong vòng một nửa thế kỷ. Dân chủ cũng sẽ mau chóng đưa Trung Quốc tới phồn vinh.

Cho tới nay đảng cộng sản Việt Nam đã chỉ biết cóp nhặt một cách không sáng tạo những chọn lựa của Trung Quốc. Không phải là đảng cộng sản Việt Nam lúc nào cũng ngoan ngoãn thần phục Trung Quốc, lý do thực sự là vì Trung Quốc và Việt Nam cùng một văn hóa, cùng một cách suy nghĩ, hai đảng cộng sản Việt Nam và Trung Quốc lại cùng chia sẻ một sự tâm tối nên thường đi đến những kết luận như nhau, và vì Việt Nam kém Trung Quốc một bậc nên lúc nào cũng đi sau. Hiểu như thế thì không gì bảo đảm rằng những biến chuyển tốt đẹp ở Trung Quốc cũng sẽ diễn ra nhanh chóng tại Việt Nam, bởi vì những thay đổi đang diễn ra ở Trung Quốc là một đoạn tuyệt dứt khoát với cách suy nghĩ trước đây.

Những người dân chủ Việt Nam vì vậy không thể nằm chờ trái sung Trung Quốc mà phải gia tăng phấn đấu. Lực lượng dân chủ Việt Nam cho tới nay mạnh hơn lực lượng dân chủ Trung Quốc. Các khuôn mặt dân chủ Việt Nam đông đảo hơn về tỷ lệ so với Trung Quốc, cộng đồng người Việt hải ngoại tích cực hơn cộng đồng người Hoa hải ngoại về mặt vận động dân chủ. Việt Nam cũng đi trước Trung Quốc về khái niệm dân chủ đa nguyên. Điều bất hạnh là chúng ta đã có một đảng cộng sản cầm quyền cực kỳ ngoan cố.

Đã đến lúc, bằng một tiếng nói mạnh mẽ và đồng thanh, những người dân chủ Việt Nam nói lên trước nhân dân Việt Nam và thế giới ý chí đấu tranh cho dân chủ.

*Thông Luận*

## Hoa Kỳ, Trung Quốc và Đài Loan

Một phái đoàn ngoại giao Hoa Kỳ đã lên đường đi Bắc Kinh vào ngày 9-4-1998, do Thứ Trưởng Ngoại Giao đặc trách các vấn đề chính trị, Thomas Pickering, dẫn đầu, để chuẩn bị chuyển công du Trung Quốc của Tổng Thống Clinton được dự trừ vào tháng sáu tới. Ngoại Trưởng Hoa Kỳ, Madeleine K. Albright cũng đi Bắc Kinh sau đó để chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Trung Mỹ.

Đây là cuộc công du rầm rộ nhất của Tổng Thống Hoa Kỳ. Một phái đoàn gồm 1200 nhân vật sẽ tháp tùng Clinton, trên ba chiếc Boeing 747. Cuộc công du này sẽ kéo dài ít nhất là một tuần lễ.

Mối quan hệ ngoại giao Hoa Kỳ và Trung Quốc đã được cải thiện từ sau khi Trung Quốc được vào Liên Hiệp Quốc, mặc dầu việc này đã bị Hoa Kỳ chống đối.

Vào năm 1971, Kissinger, cố vấn an ninh của Tổng Thống Nixon, sang Trung Quốc và đề nghị hai phương án lựa chọn ở Liên Hiệp Quốc: một là việc gia nhập Liên Hiệp Quốc của Trung Quốc cần được 2/3 số phiếu của Đại Hội Đồng tán thành, hai là quyền đại diện song phương của Trung Quốc và Đài Loan. Ngày 25-10-1971 Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc bác bỏ đề nghị của Hoa Kỳ và thông qua đề nghị của Albanie, Algérie và 21 nước khác đưa ra, với 76 phiếu thuận, 35 phiếu chống và 17 phiếu trắng tán thành Trung Quốc thay thế Đài Loan tại Liên Hiệp Quốc.

Sau khi được vào Liên Hiệp Quốc, chính phủ Trung Quốc và Hoa Kỳ đã ký ba bản thông cáo chung. Thông cáo chung ký ở Thượng Hải ngày 28-2-1972. Thông cáo chung về việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, ký ngày 01 tháng Giêng 1979. Theo thông cáo này, chính phủ Mỹ thừa nhận chính phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa như một chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc, cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan, và đình chỉ các hoạt động đàm phán với Đài Loan về bảo đảm an ninh lẫn nhau. Chính phủ Hoa Kỳ cũng đã tuyên bố rút các lực lượng vũ trang ra khỏi Đài Loan trong vòng 4 tháng. Thông cáo thứ ba đề cập đến vấn đề bán vũ khí cho Đài Loan, ký ngày 17-8-1982.

Vấn đề lấy lại Đài Loan là một tham vọng Trung Quốc đã có từ lâu. Tham vọng này càng được tăng cường trong thời điểm hiện tại vì Giang Trạch Dân (Jiang Zemin) muốn đi vào lịch sử Trung Quốc như là người đã đem Đài Loan về cho tổ quốc, cũng như Đặng Tiểu Bình là người đã đem Hồng Kông về đất mẹ, đánh dấu sự kết thúc

của mối nhục dân tộc hơn một thế kỷ.

Ngày 1-1-1979, Ủy Ban Thường Vụ Hội Nghị Đại Biểu Nhân Dân Toàn Trung Quốc (Quốc Hội) đã gửi thông điệp cho Đài Loan kêu gọi "chấm dứt sự đối đầu nhằm thống nhất đất nước trong thời gian gần nhất". Trong khi đó, Phó Thủ Tướng Đặng Tiểu Bình, trong một cuộc công du tại Hoa Kỳ, đã tuyên bố với các dân biểu Quốc Hội Hoa Kỳ, quan điểm "thống nhất trong khuôn khổ một nhà nước, hai chế độ".

Trước ngày Quốc Khánh Trung Quốc năm 1981, Diệp Kiếm Anh, Chủ Tịch Ủy Ban Thường Vụ Hội Nghị Đại Biểu Nhân Dân Toàn Trung Quốc đưa ra một loạt ý kiến về vấn đề thống nhất Đài Loan được gọi là "9 điểm của Diệp Kiếm Anh". Sau đây là một vài điểm quan trọng.

- Những cuộc đàm phán giữa đảng Cộng Sản Trung Quốc và Quốc Dân Đảng cần được tiến hành trên cơ sở cùng có thiện chí, nhằm làm cho hai đảng lần thứ ba có thể hợp tác vì mục đích cao cả: thống nhất hoàn toàn đất nước (điểm 1).

- Sau khi thống nhất đất nước, Đài Loan có quy chế của khu hành chính đặc biệt, sẽ có quyền tự trị cao, có thể duy trì lực lượng vũ trang của mình, chính phủ trung ương không can thiệp vào hoạt động của chính quyền địa phương (điểm 3).

- Những người đang có vị trí trong chính quyền và đại biểu các nhóm phái khác nhau ở Đài Loan vẫn giữ vị trí trong các tổ chức chính trị dân tộc của họ và sẽ tham gia vào việc quản lý đất nước (điểm 5).

- Sau khi thống nhất, hệ thống kinh tế - xã hội đang tồn tại sẽ được giữ nguyên kể cả các mối quan hệ về kinh tế và văn hóa nước ngoài. Quyền sở hữu và kế thừa của riêng, nhà cửa, ruộng vườn, nhà máy và vốn đầu tư nước ngoài được tôn trọng (điểm 6).

- Hoan nghênh việc tham gia đầu tư và công việc kinh doanh của các nhà công nghiệp và các nhà kinh doanh Đài Loan vào các lĩnh vực kinh tế trong lục địa, quyền chính đáng và lợi tức của họ cũng như các quyền lợi khác được bảo đảm (điểm 8).

Vào tháng 6-1983, Đặng Tiểu Bình, Chủ Tịch Ủy Ban Hiệp Thương Chính Trị Trung Ương, xác định rõ hơn nữa thể chế của khu hành chính đặc biệt dành cho Đài Loan trong sáu điểm: 1) Đài Loan có thể có một hệ thống kinh tế-xã hội riêng, khác với trong lục địa. 2) Đài Loan có thể sử dụng và nắm quyền tự pháp độc lập, quyền quyết định cuối cùng khi xét xử không cần phải được Bắc Kinh thông qua. 3) Đài Loan có thể duy trì lực lượng vũ trang riêng chừng nào nó không trở ngại thành mối đe dọa cho lục địa. 4) Các đảng phái chính trị, chính

phủ và lực lượng vũ trang ở Đài Loan tự quản lấy hoạt động của mình. 5) Không có quân đội, không có nhân viên hành chính từ lục địa đóng ở Đài Loan. 6) Sẽ dành chỗ cho Đài Loan trong chính phủ trung ương.

Để đối đầu với chính sách của Trung Quốc "một nhà nước, hai chế độ", xem Đài Loan như là một tỉnh của Trung Quốc, Taipei đưa ra chính sách "một Trung Quốc, hai thực thể", nghĩa là Đài Loan ngang hàng với Trung Hoa lục địa, đó là hai thực thể của một chế độ chính trị mà có lẽ Đài Loan mong muốn là một liên bang. Ngoài ra, thực tại chính trị nội bộ Đài Loan không thuận với xu hướng thống nhất với Trung Quốc. Đảng Dân Chủ Cấp Tiến (Democratic Progressive Party), đảng đối lập, chủ trương Đài Loan độc lập, càng ngày càng mạnh và có hy vọng thắng cử trong cuộc tổng tuyển cử vào năm nay. Gần đây, nhân dịp khủng hoảng tài chính và tiền tệ tại các nước châu Á, Đài Loan đã tranh thủ ngoại giao với các nước này bằng những hứa hẹn trợ giúp.

Trước thái độ cứng rắn đó, Hoa Kỳ đã làm áp lực để Đài Loan thương thảo với Trung Quốc. Từ một năm nay, nhiều nhân vật quan trọng của chính phủ Mỹ hay giới đại học đã thăm viếng Đài Loan để khuyến cáo trong chiều hướng này. Trong những người đi du thuyết này, người ta để ý đến sự hiện diện của William Perry, cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng, của Joseph Ney, Khoa Trưởng Kennedy School của Đại học Harvard. Cuộc viếng thăm được tổ chức quy mô của Tổng Thống Clinton vào tháng sáu tới là một tín hiệu cho Đài Loan biết rằng lịch sử đã sang trang, Hoa Kỳ sẽ không gọi hạm đội vào eo biển Đài Loan để hù dọa làm áp lực lên Trung Quốc như cách đây hai năm.

Tóm lại, Đài Loan sẽ có nguy cơ biến thành điểm nóng của Thái Bình Dương vào năm 2000. Một mặt Trung Quốc muốn lấy lại Đài Loan trong thời gian ngắn, ngay cả bằng vũ lực nếu cần, nhất là Hoa Kỳ đã có chính sách ngoại giao "Tàu hỏa" cuộc tranh chấp này. Mặt khác, tại Đài Loan, với sự thắng thế trong tương lai của đảng Dân Chủ Cấp Tiến, khuynh hướng "một Trung Hoa, hai thực thể", chống lại chính sách xem Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc, nhất là trong hoàn cảnh một nước Trung Quốc độc tài cộng sản, càng được gia tăng cường độ.

Giải pháp hòa bình độc nhất để thống nhất đất nước là Trung Quốc trở thành một nước dân chủ. Không những riêng nhân dân Đài Loan sẵn sàng hò hét trở về một nước mẹ dân chủ, mà biến cố này sẽ được cả thế giới ngả mũ đón mừng, nhất là dân tộc Việt Nam.

Huyền Hùng

## Quan hệ kinh tế Việt - Mỹ : Đường còn dài

Tổng thống Mỹ Clinton đã ký đạo luật cho phép Việt Nam được miễn nằm trong đối tượng của tu chính án Jackson-Vanik trong luật thông thương của Mỹ, mở đường cho việc bình thường hóa hoàn toàn quan hệ kinh tế Việt-Mỹ. Nhưng tạp chí kinh tế Tuần San Thời Báo Sài Gòn, số ra ngày 21-3-1998, đã đăng tít "Cuộc hành trình chưa chấm dứt" phản ánh mối lo đường đi đến chỗ Việt Nam được Mỹ đồng ý cho hưởng qui chế tối huệ quốc (MFN) còn dài.

Đường như lời bàn của tờ báo "cho đến khi Việt Nam được hưởng qui chế tối huệ quốc lúc đó mới có thể nói quan hệ kinh tế của hai nước mới được gắn bó sâu sắc", phía Việt Nam hy vọng vào việc được hưởng qui chế tối huệ quốc trong năm nay. Để gỡ lại ảnh hưởng xấu của khủng hoảng tài chính Châu Á từ năm ngoái làm đầu tư nước ngoài vào Việt Nam giảm 50% so với năm trước, làm cho sức cạnh tranh xuất khẩu của Việt Nam bị giảm hẳn so với các nước láng giềng.

Như chúng ta biết, tu chính án Jackson-Vanik được đưa ra trong thời chiến tranh lạnh. Nó nhằm giới hạn việc cho hưởng qui chế tối huệ quốc và cấp tín dụng chính phủ của Mỹ cho các nước xã hội chủ nghĩa theo Liên Xô vốn giới hạn việc cho người có tư tưởng tự do, gốc Do Thái, v.v... ra nước ngoài. Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, Liên Xô (sau đó thành Nga và 9 nước cộng hòa khác) được miễn nằm trong đối tượng này. Nhưng đối với Việt Nam, ngay sau cả 1995 là năm Mỹ chính thức bang giao lại, Mỹ vẫn xem nước này thuộc trong nhóm ít nước nằm trong đối tượng của tu chính án này (cùng với Cuba, Bắc Triều Tiên, Nam Tư).

Theo lời tuyên bố của Nhà Trắng về quyết định lần này: "Trong 15 năm nay Việt Nam có tiến triển trong vấn đề di dân. Từ 1979 đến nay, chừng 480.000 người được phép di dân qua Mỹ". Quyết định này đã cho phép hai cơ quan của Mỹ hoạt động được ở Việt Nam: Ngân Hàng Xuất Nhập khẩu Mỹ (EXIM) và Cơ Quan Đầu Tư Dân Sự Hải Ngoại (OPIC) cho vay vốn và bảo hiểm cho các dự án đầu tư của các xí nghiệp Mỹ tại Việt Nam.

Theo Việt Nam Thông Tấn Xã, lượng mậu dịch giữa Mỹ và Việt Nam trong năm 1997 hơn 1 tỷ đô la, lượng đầu tư của Mỹ

được cấp gấp phép khoảng 1,25 tỷ đô la, đứng hàng thứ 9 trong các nước đầu tư vào Việt Nam. Các xí nghiệp Mỹ hoạt động ở Việt Nam là các công ty điện tử, viễn thông, ô tô. Trong khi đó các sản phẩm Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ là cà phê, cao su, y phục, vải, v.v... khoảng 400 triệu đô la. Quyết định "giải cấm" lần này qua hiệp định ký kết giữa OPIC và Việt Nam ngày 26-3 cho biết đã có 19 hãng Mỹ xin phép được trợ cấp. Qua đó lượng đầu tư từ phía Mỹ vào Việt Nam sẽ tăng khoảng 900 triệu đô la. So với việc công ty Honda Nhật đã hoạt động sản xuất xe gắn máy ở ngoại ô Hà Nội thì lượng đầu tư của Mỹ còn khiêm tốn hơn Nhật.

Nhưng Hà Nội rất phấn khởi. Bộ trưởng ngoại thương Trương Đình Tuyên trên đài truyền hình ngày 19-3 hớn hờ: "Ngoại thương hai chiều giữa Mỹ-Việt chắc chắn sẽ mở rộng". Ông cũng nêu ra cuộc thương lượng lần thứ 5 về hiệp định kinh tế với Mỹ và nói một cách lạc quan "có thể ký vào cuối năm nay" để làm tiền đề cho việc hưởng tối huệ quốc.

Trong lúc đó, theo nguồn tin ngoại giao, phía Mỹ ở Hà Nội lạnh nhạt hơn: "Đúng là việc miễn Việt Nam khỏi đối tượng của tu chính án Jackson-Vanik là một tiền đề cần cho việc Việt Nam được hưởng qui chế tối huệ quốc, nhưng được hưởng qui chế tối huệ quốc của Mỹ thuộc thứ nguyên tắc khác". Phía Mỹ dự đoán cuộc đàm phán sẽ khó khăn về quan thuế với hàng xuất khẩu và các luật lệ thương mại.

Các đoàn thể nhân quyền của Mỹ, nêu lên trường hợp các tù nhân lương tâm và những người đối lập gặp khó khăn trong việc đi ra nước ngoài, đã phản đối mạnh mẽ quyết định này của chính phủ Mỹ. Thượng nghị sĩ Jersse Helms, chủ tịch ủy ban ngoại giao Thượng Viện Mỹ, đã phê phán tổng thống Clinton: "Ông ta định bỏ rơi nhân dân Việt Nam thêm một lần nữa".

Cuộc hành trình để bình thường hóa quan hệ Việt-Mỹ về cả hai mặt kinh tế và chính trị, khác với trông đợi ở phía chính phủ Việt Nam, vẫn còn dài.

*Nguyễn Minh*

**Hãy đọc và cổ động  
Thông Luận**

**Hãy ủng hộ  
những người mắc nạn vì dân chủ!  
Hãy hưởng ứng  
Nghĩa hội Đoàn Viết Hoạt!**

Được thành lập từ 1994 với mục đích bảo vệ các tù nhân chính trị và những người bị cô lập vì lập trường dân chủ, Nghĩa hội Đoàn Viết Hoạt đã can thiệp với các chính phủ và các tổ chức thiện nguyện và giúp đỡ về mặt vật chất gia đình các nạn nhân. Trong bốn năm qua, Nghĩa hội Đoàn Viết Hoạt đã giúp gia đình này gần 150 ngàn quan Pháp.

- \* Hội viên tích cực: 200 FF (hay 40 USD) mỗi năm.
- \* Hội viên ân nhân: 500 FF (hay 100 USD) mỗi năm

Địa chỉ liên lạc:

Tại Pháp: Vietnam Libertés, 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes.  
Ngân phiếu xin đề: Vietnam Libertés.

Tại Đức: Herr Nguyen Thanh Luong, Habsburgerallee 104-60385 Frankfurt am Main, Germany. Ngân phiếu xin đề: Nguyen Thanh Luong.

Tại Úc: Mr TS DUONG, PO Box 99 First Floor, 16-20 Greenfield Pde, Bankstown - NSW 2200 - Australia.  
Ngân phiếu xin đề: T.S. DUONG.

### ***Giới thiệu sách***

1. *Ngô Đình Diệm: lời khen, tiếng chê* của Minh Võ, San Diego, 1998, Thông Vũ xuất bản, 287 trang.

Giá bán: Hoa Kỳ 15 USD, ngoài Hoa Kỳ thêm 5 USD cước phí. Liên lạc: VN Printing, 4110 36th Street, San Diego, CA 92104, USA.

Đây là một công trình khảo cứu có giá trị. Sách không những đề cập đến những lời khen, tiếng chê về ông Ngô Đình Diệm, mà cả đến 26 nhân vật liên quan trong thời kỳ 1954-1963 (12 người ngoại quốc và 14 người Việt).

2. *Hành trình nhật ký* của Phạm Quỳnh (gồm những bài viết đã được đăng trên tạp chí Nam Phong từ năm 1918 đến năm 1922) do nhà xuất bản Ý Việt phát hành. Sách dày 564 trang, giá bán là 120 FF hay 18 USD. Địa chỉ liên lạc: Ý Việt, 45 avenue Général Leclerc. 91330 - YERRES - FRANCE

# Đảng cộng sản Việt Nam thay đổi lãnh tụ theo phương thức "Vũ Như Cần"

Tôn Thất Thiện

## Ước mơ cải tổ

Trong số những người muốn thấy Việt Nam sớm được hưởng một chế độ dân chủ tự do, có nhiều người, vì lý luận chính trị kiểu Tây phương, hay vì mơ ước quá mức nên rơi vào "wishful thinking", nghĩ rằng nếu có thay đổi trong hàng ngũ lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam tất sẽ có một sự thay đổi về đường lối chính sách của đảng đó.

Quan điểm trên đây đã làm nẩy nở những chờ mong hay hy vọng về những người được đưa vào các chức vị tối cao của Đảng và Nhà nước: tướng Lê Khả Phiêu (tổng bí thư), Trần Đức Lương (chủ tịch nhà nước), Phan Văn Khải (thủ tướng).

Có người, như ông Hoàng Minh Chính, đã kỳ vọng lớn vào ông Lê Khả Phiêu, mà họ cho là "cởi mở", "biết lắng nghe", và có thể chấp nhận một sự đổi thay trực tiếp với đối lập trong và ngoài nước trong "một cuộc hội đàm ba thành phần" kiểu "hội nghị Diên Hồng".

Về ông Trần Đức Lương, có người am hiểu nhiều về nội bộ Đảng cộng sản Việt Nam, cho rằng ông này chỉ được đặt vào ghế chủ tịch vì trong tình trạng Đảng phân chia, ông ta là người có ít nguy hiểm nhất vì ông không có cá tính mạnh.

Về ông Phan Văn Khải, có người nói là nhiều người, nhất là trong giới ngoại quốc, đặt nhiều tin tưởng vào ông, mà họ coi là có "xu hướng cải tổ mạnh". Họ tin rằng với ông ta ở ghế thủ tướng, đường lối chính sách kinh tế Việt Nam chắc chắn sẽ có những sự thay đổi đáng kể.

Trong mấy tuần đầu sau ngày mấy ông trên đây nhậm chức, dư luận xôn xao chờ đợi họ "ra tay", công bố chính sách và lộ chân tướng.

## Lãnh tụ cộng sản lộ chân tướng

Nay thì sự việc đã rõ ràng. Đường lối chính sách mà những người trên đây hy vọng là sẽ "mới", hay ít nhất là có đổi thay, một phần nào đó, hay về một vài khía cạnh nào đó đã được các ông lãnh đạo mới công bố:

- Tổng bí thư Lê Khả Phiêu, trong một cuộc phỏng vấn với báo Nhân Dân ngày 5-1-1998;

- Chủ tịch Trần Đức Lương, trong dịp tiếp xúc với công an ngày 9-3-1998;

- Thủ tướng Phan Văn Khải, trong cuộc họp báo ngày 24-3-1998.

Ông tổng bí thư Lê Khả Phiêu tuyên bố là ông "sẽ chỉ là một phần nhỏ trong tổng lực lượng của Trung ương Đảng và Bộ chính trị", và ông sẽ tiếp tục thi hành chương trình 11 điểm đã được Đại hội VIII thông qua (và ghi trong Cương lĩnh và Báo cáo chính trị của đại hội đó). Các đường hướng, chính sách, chiến lược được ấn định trong hai văn kiện này có giá trị đến năm 2000, và có thể đến năm 2010. Nghĩa là, từ nay đến đó sẽ không có gì thay đổi hết, trừ phi có quyết định khác tại đại hội sắp đến (Đại hội IX, tháng 6 năm 2000). Vũ Như Cần vẫn sống dai và mạnh!

## Chỉ là tù nhân của Đảng

Sự kiện trên đây không có gì phải làm cho ta ngạc nhiên, nếu ta nhớ rằng Đảng cộng sản Việt Nam là một đảng leninist bôn-sévich, hoàn toàn chấp nhận chủ thuyết Lenin, mà phương thức sinh hoạt nội bộ là dân chủ tập trung. Lãnh tụ Đảng cộng sản Việt Nam đã áp dụng phương thức này "một cách sáng tạo" bằng nhấn mạnh nguyên tắc "tập thể chỉ huy, cá nhân phụ trách". Cho nên, dù ông Lê Khả Phiêu, hay một ông Lê Khả Phiêu khác không có tính phiêu lưu, ngồi ở ghế tổng bí thư thì, như ông Nguyễn Hộ và Vũ Thư Hiên nhấn mạnh, cũng như tất cả các đảng viên cán bộ khác, ông ta chỉ là một tù nhân. Ông phải lấy việc bảo vệ Đảng là nhiệm vụ hàng đầu, nếu ông không muốn bị các đồng chí khác kéo bè loại ông ra vì tội "thiếu tinh thần", hay nguy hơn nữa vì tội "chống Đảng".

Qua những tiết lộ của Hoàng Minh Chính và Vũ Thư Hiên, ta thấy rõ rằng dù là đảng viên cao cấp mấy - ủy viên trung ương đảng, ủy viên chính trị bộ, tổng trưởng, sĩ quan cấp tướng - nếu bị gán cho cái tội "chống Đảng" là không những bị loại mà còn bị tù, hay bị thanh toán. Do đó, các đảng viên cộng sản luôn luôn phải chứng tỏ rằng họ đặt vấn đề "bảo vệ Đảng" lên hàng đầu của ưu tiên của mình.

Điều vừa nêu ra là đề tài của ông chủ tịch nhà nước Trần Đức Lương đọc tại hội nghị của công an tại Sài Gòn ngày 9-3-1998. Dù có thiếu cá tính mấy, là một

đảng viên, ông Lương bắt buộc phải chứng minh sự trung kiên của mình. Cho nên, ông đã chỉ thị cho nhân viên công an phải tích cực trong nhiệm vụ bảo vệ Đảng, ngăn cản không cho "gió độc" - nghĩa là tư tưởng dân chủ, tự do kinh doanh - thổi vào Việt Nam, ngăn chặn các hoạt động có tính cách "diễn biến hòa bình", duy trì "ổn định chính trị" - nghĩa là bảo vệ địa vị quyền hành của Đảng cộng sản Việt Nam và trấn áp đối lập - và tuyệt đối thực hành đường lối chính sách của Đảng - nghĩa là, như tướng Lê Khả Phiêu nhắc nhở: Cương lĩnh và Báo cáo chính trị của Đại hội VIII.

Về ông Phan Văn Khải, lãnh tụ "có xu hướng cải tổ mạnh nhất" của Đảng cộng sản Việt Nam, thì ông đã hạ bài cho dư luận thấy trong cuộc họp báo tại Hà Nội ngày 24-3-1998. Cuộc họp báo này đã làm tiêu tan hết hy vọng của những người Việt muốn dân chủ, và nhất là cho các giới ngoại quốc, trong đó có Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) và Ngân Hàng Thế Giới (WB), cùng các giới kinh doanh đang bị kẹt rất nhiều thứ trong công cuộc làm ăn ở Việt Nam mong thấy kinh tế Việt Nam được cởi trói. Ông Khải tuyên bố là chính quyền Việt Nam bác bỏ những "khuyến nghị" (của các cơ quan quốc tế), sẽ không làm gì gấp, tuyệt đối không chấp nhận chủ nghĩa tư bản và tiếp tục đi theo đường lối định hướng xã hội chủ nghĩa... Như một ký giả Mỹ nói: đây là một "biểu diễn" đúng y theo sách". Sách đây là sách của Đảng cộng sản Việt Nam, nghĩa là chủ thuyết leninist bôn-sévich. Có một điểm nữa, không làm cho những ai theo dõi hành vi Đảng cộng sản Việt Nam từ lâu ngạc nhiên, là ông Khải tuyên bố rằng giải pháp Việt Nam giống giải pháp của Trung Quốc. Sau hơn 60 năm, con đường xã hội chủ nghĩa của Bác và Đảng vẫn là con đường xã hội chủ nghĩa của Đảng cộng sản Trung Quốc, do Mao Trạch Đông, rồi đến Đặng Tiểu Bình, vạch ra. Đảng cộng sản Trung Quốc vẫn là kiểu mẫu của Đảng cộng sản Việt Nam!

## Áp dụng mãi phương thức "Vũ Như Cần" ?

Ngoài ra, ông Khải khẳng định rằng Đảng sẽ tiếp tục duy trì sự độc quyền chính trị của Đảng - nghĩa là sẽ không có

Mạn đàm:

## Cái đuôi "xã hội chủ nghĩa"

Trần Thanh Hiệp

một sự cải tổ gì nhằm dân chủ hóa - và không có vấn đề tranh luận gắt gao trong Bộ chính trị về đường lối. Đây là bình luận gián tiếp của ông Khải, thật ra là của nhóm ông Lê Khả Phiêu, về những tin tức về vụ tướng Trần Độ và vài nhân vật khác công khai chỉ trích lãnh đạo Đảng nặng nề mà không hoặc chưa bị trấn áp.

Khẳng định của ông Khải cần được đối chiếu với những tiết lộ trong một tài liệu ký tên "TA" và được phổ biến rộng rãi. Theo ông "TA", một người thuộc phe chống đối nhóm Lê Khả Phiêu, tướng Lê Khả Phiêu đã làm một cuộc đảo chánh: sau khi Trung ương thứ 11 đã nhóm và bầu ban lãnh đạo mới, ông đã dùng phản ứng của quân đội để đe dọa ông Đỗ Mười và ép ông này tổ chức một cuộc họp chớp nhoáng khác, gọi là Hội nghị Trung ương 11B, để đưa ra một danh sách khác, đứng đầu là chính ông ta.

Và tưởng cũng nên ghi rằng sau khi thất cử chủ tịch nhà nước, tướng Đoàn Khuê đã vào liên danh mới này của tướng Lê Khả Phiêu, với chức vụ phụ trách nội an, và trong hội nghị về an ninh họp ở Hà Nội ngày 2-3-1998, ông ta đã kêu gọi tăng cường kiểm soát chính trị.

Sau những sự kiện kể trên, chúng ta phải kết luận rằng Đảng cộng sản Việt Nam vẫn bất chấp, duy ý chí, ù lì và tiếp tục áp dụng phương thức "Vũ Như Cần": mọi việc vẫn y như cũ, và từ nay đến tháng 6 năm 2000, có lẽ lâu hơn nữa, sẽ không có thay đổi gì về đường lối chính sách ở Việt Nam cả, trừ phi có những thay đổi về cơ cấu của Đảng và của quốc gia Việt Nam. Mà ngay cả trong trường hợp này, chúng ta phải chờ đợi đến Đại hội IX (năm 2000), vì tất cả các đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hoàn toàn là tù nhân của Cương lĩnh và Báo cáo chính trị trong thời gian giữa hai đại hội Đảng.

Tuy nhiên, sự duy chí và ù lì của nhóm lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam hiện tại cần phải được đặt trong bối cảnh của tình hình chung của ngày nay: về quốc tế, khủng hoảng kinh tế lớn làm rung động toàn thể Châu Á; về quốc nội, nông dân nổi dậy ở nhiều nơi từ Bắc chí Nam, và đối kháng công khai xuất hiện ngay trong lòng Đảng. Trong một tình hình như vậy, nhóm lãnh tụ Đảng cộng sản Việt Nam đương nhiệm có thể mãi mãi giữ thái độ bất chấp và tự do áp dụng phương thức "Vũ Như Cần" hay không?

**Tôn Thất Thiện**

Ottawa, 30-3-1998

Trong tiếng Việt người ta hay nói "đầu đi, đuôi lọt", giống như trong tiếng Pháp người ta cũng nói "qui peut le plus, peut le moins". Dĩ nhiên, tách riêng ra từng tiếng một mà đối dịch thì nghĩa không giống nhau nhưng gộp chung lại mà so sánh thì hai thành ngữ này có thể tạm coi như cùng mang một nội dung: điều khó khởi đầu mà làm được thì điều dễ theo sau đầu còn khó. Nói cho ngay, nội dung này không phải là loại tư duy cao siêu mà chỉ là sự đúc kết của cách suy nghĩ dựa vào kinh nghiệm sống thực tế và đã được chứng nghiệm bằng thực tế.

Trong biểu văn của một số ít người cộng sản Việt Nam (những người còn đang bằng mọi giá cố bám giữ lấy chính quyền) người ta thấy có một hiện tượng kỳ cục: đầu không đi được mà đuôi lại muốn lọt!

Đầu ở đây là "chủ nghĩa xã hội" còn đuôi là "xã hội chủ nghĩa".

### **Khi người mở đường quá xúc động!**

Điều sắp được nói tới dưới đây không phải là một khám phá mới lạ gì. Người ta đã thấy trước từ lâu rằng ngày tàn của chủ nghĩa cộng sản đã đến. Chỉ có những người cộng sản Việt Nam, đúng hơn, những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam, là không thấy được hoặc không muốn thấy điều đó. Phải đợi cho mãi tận đến giữa thập niên 80, mấy ông mới chịu công khai "mea culpa, lỗi tại tôi mọi đảng!".

Tại sao vậy? Tại vì "đầu" đã không "đi" được! Đã chọn lầm con đường cộng sản rồi mà lại cứ đi theo con đường đó hoài là đi vào cửa tử.

Nhớ lại những năm 20, Nguyễn Tất Thành, người đi đầu mở đường đã chọn lầm đường. Sử sách của Đảng ghi rành rành ra đó: "Bác" quá xúc động khi gặp được chủ nghĩa Mác-Lênin, như người đi đường đói mà được cơm ăn, khát được nước uống (bác tự thú nhận như vậy). Cái lối vi von rất bình dân của "Bác" thật là dễ hiểu nhưng cũng lại chính vì vậy mà về sau "Bác" đã hại biết bao nhiêu người! Hại cả một nước. Đã đành rằng đói thì phải ăn, khát thì phải uống nhưng ăn bậy bạ, uống bừa bãi - không ít người trong đám người tù cải tạo mà các học trò

"Bác" xuống tay dọa dẫm, bất chấp rắn, rết, cóc, nhái, giun, sấu, nước trong, nước đục, nước lành, nước độc xài tuốt luốt nên đã rử nhau sang bên kia thế giới. Hay còn sống sót cùng thân tàn ma dại - thì tất phải chết thôi!

Cái chủ nghĩa Mác-Lênin mà "Bác" khám phá được rồi truyền dạy cho môn đệ tìm đường cứu nước chính là cái "chủ nghĩa xã hội" đó. Trong bước quá độ đi lên chủ nghĩa cộng sản, để tự tôn xưng, nó khoác mi danh "chủ nghĩa khoa học". Bây giờ biết thân phận là phản khoa học nên đã co lại thành "chủ nghĩa xã hội" trống trơn. Chẳng những vậy, vì chính họ cũng không thấy rõ được mặt mũi nó đích thực ra sao nên mới chịu tiếp tục bỏ mộng "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc" và kéo dài vô hạn định cái bước quá độ xa vời hun hút như đường đi không bao giờ tới. Đường đi mà Liên Xô, tổ quốc của xã hội chủ nghĩa, quê hương của Cách mạng tháng Mười, Tòa thánh của phe xã hội chủ nghĩa đã đứt khoát lia bỏ để chạy tháo thân.

Phải chi cụ Hồ đừng quá vội xúc động, các môn đệ của cụ không quá bèn nhảy năm 1930 sáng tạo ra bước nhảy vọt không kinh qua chủ nghĩa tư bản, đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội thì dân Việt Nam không đến nỗi nghèo mạt như hiện nay và ít ra cũng đã cất cánh được như Nam Dương, Thái Lan, Mã Lai nếu không thể sánh vai được với Hồng Kông, Tân Gia Ba, Đài Loan, Đại Hàn.

### **Đuôi lợn đầu dê mong đi cho lọt**

Những môn đệ đời thứ hai của cụ Hồ vẫn còn mang di từ "sáng tạo" của ông cha nên tuồng tích cũ đã được soạn thành bài bản mới. Cái đuôi "xã hội chủ nghĩa" đã được lợn lên làm đầu "chủ nghĩa xã hội". Dưới đây chỉ xin bàn về một cách lợn sòng - trò ảo thuật để đánh tráo - đang diễn ra trên sân khấu chính trị Việt Nam: Đó là "dân chủ xã hội chủ nghĩa". Vào một dịp khác sẽ xin bàn về "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa"

Bản dân thiên hạ ai không biết rằng chế độ chính trị hiện tại ở Việt Nam là độc tài đảng phiệt toàn trị. Nhưng mấy ông chớp bu cộng sản, với sự hỗ trợ của các

nhà luật, nhà báo "hộ đảng" ăn cơm chúa múa tối ngày, cứ một mực nói rằng đó là chế độ dân chủ, dĩ nhiên loại "dân chủ xã hội chủ nghĩa". Phải nói như vậy thì mới cứu mạng được cho chủ nghĩa xã hội vì phải gắn liền nó với "dân chủ" mới được coi là văn minh, mới góp mặt được với cộng đồng quốc tế. Nhưng khổ một nỗi dân chủ không thể đi đôi mà cũng không thể hòa tan với cái thứ chủ nghĩa xã hội mà mấy ông cộng sản chưa đổi mới ở Việt Nam đang chủ trương.

Sự thật tên gọi dân chủ xã hội chủ nghĩa đã có từ hồi Cách mạng tháng Mười, hồi Lê-nin, Sít-ta-lin còn sống. Ở Việt Nam, đầu những năm 50, trong Báo cáo đọc trước Đại hội Đảng tháng 2-1951, ông Đặng Xuân Khu đã nói hai năm rở mười rằng "dân chủ xã hội chủ nghĩa" là "chuyên chính vô sản" (ghi lại để nhớ những gì cộng sản đã nói để tiện bề so sánh) như sau:

*"Khi nào cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì chuyên chính dân chủ nhân dân sẽ trở thành chuyên chính vô sản. Lúc đó nhiệm vụ cơ bản của chính quyền chuyên chính đã thay đổi, cho nên thực chất của nó cũng thay đổi.*

*Hình thức Nhà nước cộng hòa dân chủ nhân dân vẫn có thể tồn tại khi nội dung của nó đã đổi thành chuyên chính vô sản. Nhưng nếu nhiệm vụ và yêu cầu là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì về thực chất chế độ dân chủ nhân dân sẽ trở thành chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa".*

Đã quá rõ cái trò lường gạt về phẩm chất của "Đảng". Lường gạt từ trên xuống dưới. Lường gạt cả nước, lường gạt một cách trắng trợn. Tháng 9 năm 1945, cụ Hồ tuyên bố: *"Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có Hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một Hiến pháp".* Vấn đề không phải là chỉ cần có một Hiến pháp nói chung chung là đủ. Mà phải có một bản Hiến pháp chấm dứt chuyên chế để thiết lập dân chủ; cụ Hồ đã chỉ nói lơ lửng. Để về sau muốn làm gì thì làm. Sau đó dưới chính quyền cộng sản chẳng những Việt Nam có một mà còn có tới 4 Hiến pháp. Cụ Hồ vì chết năm 1969 nên chỉ giữ chức vụ chủ tịch lập hiến được cho hai Hiến pháp đầu, 1946 và 1959. Nhưng điều cần nhấn mạnh là cả 4 Hiến pháp ấy đều là những đạo luật cơ bản để thiết lập chuyên chế. Chủ trương mà năm 1951 ông Đặng Xuân Khu báo cáo với Đại hội

không gì khác hơn là bước khai triển lời tuyên bố năm 1946 của cụ Hồ mà đường may xuyên suốt là chuyên chế. "Dân chủ cộng hoà" là "dân chủ nhân dân" để "thi hành nhiệm vụ lịch sử" của "chuyên chính vô sản", "tiến lên chủ nghĩa xã hội" ở một nửa nước (miền Bắc). Khi chiếm được cả nước vội vàng ra mặt "chuyên chính vô sản". Nhưng vì vô sản thế giới sụp đổ, chuyên chính công khai không ổn nữa bèn "đổi mới" theo bước lùi ngôn ngữ, thay tên gọi chuyên chính bằng danh xưng hiền lành "dân chủ xã hội".

Ngày nay những người vẫn tiếp tục cổ võ cho tư tưởng Hồ Chí Minh có biết những điều này không mà cứ ra sức cổ võ?

Nhắc lại chuyện cũ từ những thập niên 50, 60, 70 là để xét xem sau sự sụp đổ của toàn bộ phe xã hội chủ nghĩa, những người cộng sản Việt Nam đã làm gì để bắt kịp trào lưu tiến hóa? Hãy nói về mặt dân chủ.

Việc làm rất sáng tạo của cộng sản Việt Nam là đi ngược lại với tất cả những đảng cộng sản Liên Xô và Đông Âu đã lột xác. Đảng cộng sản Việt Nam vẫn kiên trì đi theo con đường chuyên chính vô sản tuy đã có những cải dạng hồng che đậy bộ mặt thật của mình: Trót lỗ huênh hoang đầu thập niên 80 tuyên bố bằng Hiến pháp công khai chính thức thiết lập chuyên chính vô sản, đảng của cụ Hồ giữa thập niên này đã được người anh cả Liên Xô sang tai cho là phải đổi mới, nếu không thì tiêu tùng. Suy đi tính lại, đầu thập niên 90 cực chẳng đã, phải xào nấu lại Hiến pháp 1980, thêm bớt chút đỉnh, tạm dẹp cụm từ chuyên chính vô sản, nhưng vẫn giữ nguyên bộ đồ nghề "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý", "dân chủ tập trung", "pháp chế xã hội chủ nghĩa", "tổ quốc xã hội chủ nghĩa" v.v... Bề ngoài thì có vẻ từ bỏ con đường chuyên chính nhưng bên trong thì không hề có bất cứ một thay đổi nào.

Trong giáo trình về Luật Hiến pháp Việt Nam của Trường Đại học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh (chỉ lưu hành trong nội bộ) người ta đọc thấy đoạn sau đây liên quan đến Hiến pháp 1992 là Hiến pháp đương hành: "[...] *Hiến pháp sửa đổi phải khẳng định tính chất Nhà nước ta là Nhà nước chuyên chính vô sản. [...] Trong điều kiện hiện nay việc thể chế hóa nội dung trên cần thận trọng, cần phải có quy định cho thích hợp...*". Đoạn này cất nghĩa tại sao trong Hiến pháp 1992 không thấy ghi "chuyên chính" mà chế độ vẫn chuyên chính. Cái lối nói nước đôi mập mờ đánh lặn con đen ấy, tướng Lê Khả Phiêu vừa mới sử dụng nhân kỷ niệm năm

thứ 68 thành lập "Đảng". Ông viết trên Tạp chí Cộng sản số tháng 3-98: *"Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, [...] vừa là mục tiêu, vừa là động lực để nhân dân ta vượt qua khó khăn [...] vừa là bản chất vừa là đặc trưng của chế độ mới"* nghĩa là dân chủ ngoài mặt, chuyên chính bên trong.

Y đồ chuyên chính tập đoàn cầm quyền cộng sản hiện nay vẫn giữ nhưng có chuyên chính được hay không thì lại là chuyện khác.

Điều người ta có thể biết chắc là quả thật có chuyên chính nhưng không phải là chuyên chính vô sản nữa. Đảng cộng sản Việt Nam đang ngày càng teo lại để chỉ còn là một tập đoàn cầm quyền của một nhóm đảng phiệt, tự phong cho mình mọi quyền hành, tự gán cho mình mọi danh nghĩa, nhất là danh nghĩa tiên phong giai cấp, nhân dân lao động v.v..., tự làm ra luật, tự áp dụng luật, bắt ai cũng được, tha ai cũng được. Nhưng tập đoàn này cứ lấy thúng úp voi, coi bàn dân thiên hạ như đồ ngu, tiếp tục thủ đoạn cố hữu lường gạt phẩm chất ngày xưa. Không khác gì mấy anh bộm, chuyên tráo "bài tây" các chợ nhà quê thừa xưa tưởng vẫn còn đất làm ăn ở những đô thị hậu kỹ nghệ.

### **Gió đã đổi chiều và bắt đầu thổi mạnh**

Thế kỷ thứ 21, thế kỷ của dân chủ thực sự sẽ không có chỗ đứng cho loại độc tài đội lốt dân chủ. Mượn cái đuôi "xã hội chủ nghĩa" chắp vào cái đầu "dân chủ" nhất quyết sẽ không còn lừa được ai nữa. Hướng chi lại còn cứ đi sâu vào mãi con đường tội ác, hãm hại người yêu nước chẳng cứ ở ngoài mà ở cả trong "Đảng", chiếm của công làm của tư, dùng bạo lực để tham nhũng, giam hãm toàn dân trong khổ nhục nghèo đói thì rõ ràng là không còn đến cả lương tri để khôn ngoan tối thiểu, biết chùn tay trước tội ác. Thái Bình, Đồng Nai, Xuân Lộc là những lời cảnh cáo ít đắt giá nhất.

Chỉ có dân chủ thực sự thì mới cứu được nước, cứu được dân, làm cho dân giàu nước mạnh. Loại "dân chủ xã hội chủ nghĩa" dùng độc tài làm dân chủ là lường gạt. Thế giới ngày mai tuy rộng nhưng cũng vẫn hẹp. Và bánh xe công lý của lịch sử đã từ từ chuyển động. Các hồ sơ những tội ác chống hòa bình, chống nhân loại, diệt chủng đang được lần lượt mở ra. Người thời xưa tin tưởng một cách không mấy khoa học nhưng dường như không phải là không có cơ sở thực tế: "Lưỡi trời lồng lộng!"

**Trần Thanh Hiệp**

Thông Luận 115 - Tháng 05.98

# Một suy nghĩ về ngày 30-4-1975

Nguyễn Gia Kiểng

Đã có vô số bài và sách của người Việt Nam cũng như người ngoại quốc về biến cố 30-4-1975. Đó là ngày chấm dứt một cuộc chiến đặc biệt nhất trong lịch sử Việt Nam, là ngày lãnh thổ Việt Nam thống nhất và hòa bình sau rất nhiều năm chia cắt và nội chiến, đó là ngày ra đời của cộng đồng người Việt hải ngoại; đó cũng là ngày mà Việt Nam bắt đầu một tiến trình tự hậu bị đất, và đó cũng là ngày bắt đầu tiến trình sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới.

Chúng ta sẽ không bao giờ phân tích đến nơi đến chốn những nguyên nhân, ý nghĩa và hậu quả của biến cố trọng đại này. Và vì thế chúng ta cần tiếp tục cố gắng tìm hiểu nó. Sau đây là một suy nghĩ trong nhiều suy nghĩ.

Trước hết là một nhận định sai cần được xét lại.

Quan điểm chung của thế giới, kể cả người Mỹ, là nước Mỹ đã thất bại trong cuộc "phiêu lưu quân sự tại Việt Nam". Bề ngoài thì quan điểm này đúng, người Mỹ đã phải rút lui khỏi Việt Nam, chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà họ bảo vệ đã sụp đổ và đầu hàng không điều kiện. Nhưng nếu nhìn về mặt chiến lược toàn vùng và toàn cầu thì kết quả lại khác.

Người Mỹ can thiệp vào Việt Nam trước hết là để chặn đứng sự bành trướng của phong trào cộng sản tại Châu Á và mục đích này hầu như đã đạt được trọn vẹn.

Indonesia từ sau thế chiến II chuyển dần vào quỹ đạo cộng sản. Đảng cộng sản Indonesia, với gần một triệu đảng viên, là đảng cộng sản mạnh thứ nhì tại Châu Á và kiểm soát chính quyền Sukarno. Indonesia là nước đông dân thứ ba tại Châu Á với một vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng. Nếu Indonesia lọt vào quỹ đạo cộng sản thì toàn bộ giao thông giữa Châu Âu và Trung Đông với Châu Á bị phong tỏa và Châu Á hoàn toàn bị khống chế. Indonesia quan trọng gấp nhiều lần Việt Nam, chưa nói riêng miền Nam Việt Nam. Tại đây Hoa Kỳ đã hoàn toàn thắng lợi. Sự biểu lộ quyết tâm và sức mạnh của Hoa Kỳ tại Việt Nam đã đem lại tin tưởng cho quân đội Indonesia chưa hoàn toàn bị đảng cộng sản kiểm soát, quân đội Indonesia trở thành một đe dọa cho đảng cộng sản Indonesia, buộc đảng này phải ra tay trước, tổ chức đảo chánh, để rồi thất bại và bị tàn sát trong vòng hai tuần lễ năm 1965.

Không phải là một sự tình cờ mà chỉ một năm sau khi Hoa Kỳ đổ bộ ào ạt vào Việt Nam, tình hình Indonesia thay đổi hẳn. Sau khi đã lật ngược được thế cờ tại Indonesia, mục tiêu chiến lược chính của Hoa Kỳ tại Châu Á đã đạt được, Việt Nam không còn quan trọng nữa.

Nhưng Hoa Kỳ vẫn tiếp tục can thiệp tại Việt Nam sau đó, bỏ ra hàng chục tỷ đô la mỗi năm vì hai lý do: một là họ tin có thể thắng luôn tại Việt Nam, hai là họ cũng cần củng cố thêm các chế độ đồng minh tại Châu Á. Khối lượng đó là mà Hoa Kỳ đổ vào Việt Nam đã là một sức bật kinh tế quan trọng cho Nhật Bản, Đài Loan, Đại Hàn và Thái Lan. Khi Hoa Kỳ quyết định rút lui khỏi Việt Nam năm 1973, các nước này đều đã vững mạnh. Nhật đã thành một đại cường, Đài Loan và Đại Hàn những nước kỹ nghệ hóa, Thái Lan đã cất cánh.

Cuộc chiến Việt Nam cũng đã làm kiệt quệ Liên Xô và khối cộng sản. Người Mỹ đã phí tổn rất nhiều tại Việt Nam, nhưng họ quá mạnh, nền kinh tế của họ chỉ giảm sút đã tăng trưởng. Liên Xô và khối cộng sản chỉ phí ít hơn nhưng đã chi phí quá sức và bị kiệt quệ.

Chiến thắng ngày 30-4-1975 cũng đã rất độc hại cho khối cộng sản, do tình trạng suy kiệt và tuyệt vọng trong một cuộc cạnh tranh hòa bình, họ phải chọn lựa chiến lược liều lĩnh "thừa thắng xông lên" tương tự như Hitler quyết định tấn công Liên Xô năm 1942 và làm mất đi một cơ hội duy nhất để vươn lên, đó là cuộc khủng hoảng dầu hỏa trong suốt thập niên 1970. Giá dầu từ 6 USD năm 1970 tăng lên đến 35 USD một ba-rin năm 1980, các nước tư bản đều khốn đốn vì dầu lửa trong khi Liên Xô, mà nguồn lợi chủ yếu là xuất khẩu dầu, bỗng dưng thấy thu nhập của mình tăng gấp bốn, năm lần. Liên Xô đã sử dụng ưu thế giai đoạn này và khí thế của chiến thắng Việt Nam để ào ạt tiến công khắp nơi. Các lực lượng cộng sản chiếm chính quyền tại Việt Nam, Kampuchia, Lào, Afghanistan, Ethiopia, Angola, Nicaragua và nhiều nước Châu Phi khác. Liên Xô cũng tài trợ cho nhiều cuộc chiến tranh giải phóng tốn kém khác tại khắp nơi. Để làm hậu thuẫn cho các cuộc tiến công này, họ phung phí đại bộ phận tài nguyên vào việc chế tạo vũ khí: bom nguyên tử, tàu ngầm, chiến xa. Nhưng cuộc tiến công này đã không đánh gục được khối tư bản, và khi cuộc khủng

hoảng dầu lửa chấm dứt, Liên Xô hoàn toàn tuyệt vọng. Gorbachev không phải là người chủ trương giải thể Liên Xô và khối cộng sản, nhưng khi lên làm chủ Liên Xô năm 1985, ông không còn chọn lựa nào khác.

Cho tới nay, nhiều người vẫn mừng rằng cuộc thư hùng giữa hai khối tư bản và cộng sản đã không đưa đến thế chiến. Sự thực thì đã có thế chiến, nhưng là một thế chiến giới hạn ở một số địa phương, trong đó mặt trận Việt Nam là chính. Tình hình không thể khác, nghĩa là không thể có chiến tranh trực tiếp giữa Mỹ và Liên Xô, vì một mặt Liên Xô biết rõ sức mạnh hơn hẳn của vũ khí hạt nhân Mỹ và mặt khác Hoa Kỳ thấy không cần thế chiến cũng sẽ thắng được Liên Xô. Nhưng phải nói đã có chiến tranh giữa hai khối tại Việt Nam và cuộc chiến đã kết thúc một cách kỳ cục: khối cộng sản đã toàn thắng trong một hiệp nhưng bị chấn thương tới mức không còn đủ sức tiếp tục các hiệp sau, và sau cùng đã bỏ cuộc.

Trong cuộc chiến Việt Nam, người Mỹ không phải chỉ đã đạt được mục tiêu chiến lược mà họ còn thắng lợi cả về mặt tâm lý. Trong những năm can thiệp vào Việt Nam, họ đã chứng tỏ được bản chất dân chủ tự do thực sự của họ và đã chinh phục được cảm tình người Việt. Hiện nay tại Việt Nam không còn ai thù ghét Mỹ, trái lại mọi người đều mong mỗi một sự hợp tác tích cực hơn với Hoa Kỳ. Nếu có được một cái nhìn bao quát và sáng suốt hơn, những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã phải thấy rằng chiến thắng của họ chỉ là một nước cờ trong một ván cờ, chẳng có gì đáng để tự cao tự đại.

Chúng ta hiểu rõ bản chất cuộc chiến này chưa?

Lịch sử Việt Nam đầy rẫy chiến tranh, Việt Nam có nhiều chiến tranh hơn bất cứ một dân tộc nào trên thế giới, nhưng cuộc chiến này khác hẳn với những cuộc chiến tranh trước. Nó không phải là một cuộc chiến tranh chống ngoại xâm. Nó là một cuộc chiến mà người ta dự cho quân nước ngoài đến và mong nó đến để đánh. Nó vừa là một cuộc nội chiến vừa là một cuộc thế chiến. Nó cũng là cuộc chiến làm thiệt mạng nhiều người Việt Nam nhất.

Nhưng nét đặc biệt chưa từng có trong lịch sử Việt Nam là đây là lần đầu tiên mà người Việt Nam tàn sát nhau vì ý thức hệ. Cho tới nay tại Việt Nam đã có rất nhiều

cuộc chiến, nhưng các bên lâm chiến tuy tranh giành nhau quyền cai trị vẫn đều đồng ý với nhau về một khuôn mẫu chính trị: chế độ quân chủ tuyệt đối đặt nền tảng trên Khổng giáo. Lần này hai bên không những tranh quyền mà còn tranh giành để áp đặt hai chế độ chính trị đối nghịch: chế độ dân chủ kiểu phương Tây và chế độ cộng sản. Cùng vì thế mà đây là lần đầu tiên người Việt Nam thù ghét nhau vì ý kiến và thành phần xã hội. Lần đầu tiên có một lực lượng Việt Nam chủ trương tiêu diệt một số thành phần xã hội Việt Nam (*trí phủ địa hào đảo tận gốc trúc tận rễ*).

Về bản chất, cuộc chiến này là một cuộc khủng hoảng canh tân. Ý thức hệ quân chủ Nho giáo đã sụp đổ. Phải thay thế nó bằng một chế độ mới và người Việt Nam tàn sát nhau vì không đạt được tới đồng thuận trên một chế độ mới. Phải nói ngay rằng sự kiện một dân tộc tàn sát nhau vì bất đồng ý kiến chứng tỏ lòng yêu nước sa sút, tinh thần dân tộc không còn đủ mạnh để người ta nhìn nhau trước hết như là những đồng bào. Thay vì nhìn người trước mặt là một người Việt Nam, người ta lại chỉ thấy đó là một người quốc gia hay một người cộng sản.

Một cách thô vụng, phe quốc gia, hay chính quyền miền Nam, bảo vệ cho các giá trị tự do và dân chủ của phương Tây. Tự do thiếu sót và xô bồ nhưng vẫn có tự do. Dân chủ gian trá và bệnh hoạn nhưng vẫn có dân chủ.

Một cách tinh vi, phe cộng sản, hay chính quyền miền Bắc, tượng trưng cho thế lực bảo thủ từ chối đổi mới, bảo vệ những giá trị cũ.

Nhìn một cách khách quan và sáng suốt thì chọn lựa của phe quốc gia là đúng, nhưng chuyển hóa về một xã hội dân chủ phương Tây từ một xã hội theo truyền thống quân chủ Khổng giáo từ hai ngàn năm là một thay đổi tư tưởng to lớn, đòi hỏi một bước nhảy vọt tư tưởng để tiến tới một văn hóa dân chủ mà những người lãnh đạo phe quốc gia hoàn toàn không có khả năng. Xét cho cùng đó chỉ là hậu quả của tình trạng dân trí kém, tình trạng mà Phan Chu Trinh gọi một cách bực bội là "dân trí thấp hèn". Trong suốt năm thế kỷ, từ Nguyễn Trãi, chúng ta không có nổi một nhà tư tưởng lớn. Bốn thế kỷ chiến tranh và tang tóc liên tiếp cùng đã làm cho Việt Nam kiệt quệ cả về thể xác lẫn tinh thần khiến cho lý luận triết học và chính trị của ta hầu như không có. Một dân tộc không có lãnh đạo tư tưởng dĩ nhiên là không có định hướng và làm mỗi ngon cho đủ thứ mặt cảm và sai lầm.

Thể chế gắn liền với văn hóa, mà văn hóa phương Tây thì lại khác hẳn với văn hóa cổ hữu của ta. Không những khác mà

còn đối chọi. Văn hóa và nếp sống phương Tây đem đến những đảo lộn vô cùng lớn trong xã hội và trong lòng người, dĩ nhiên nó phải gặp những phản kháng bảo thủ rất mạnh. Đã thế, văn hóa phương Tây còn được du nhập vào nước ta trong điều kiện cực kỳ tồi tệ: chúng ta bị đô hộ. Chính vì cuộc đô hộ này mà quần chúng Việt Nam trước hết nhìn phương Tây như kẻ thù. Cuộc đô hộ của người Pháp một mặt tập quen chúng ta với một số giá trị phương Tây, một mặt cùng tạo ra một tâm lý chống đối phương Tây. Công việc của phe quốc gia lại càng khó. Phe quốc gia cần một cuộc vận động tư tưởng lớn để thuyết phục dân chúng tham gia vào một dự án xây dựng dân chủ. Họ cần những người lãnh đạo thật dân chủ và có khả năng thuyết phục, nhưng những người cầm đầu phe quốc gia hoàn toàn không phải là những người đó. Các thủ tướng của Bảo Đại đều là viên chức của thời Pháp. Ông Ngô Đình Diệm là một cựu thượng thư Nam Triều, cuộc "cách mạng" 1-11-1963 đưa lên một quốc trưởng lính Pháp cũ và một thủ tướng cựu đốc phủ sứ. Ngay cả cái máy chém thời Pháp thuộc đã nhuộm máu biết bao anh hùng dân tộc cũng được lưu dụng rất lâu. Guồng máy chính quyền của họ vẫn chỉ là sự tiếp nối của guồng máy thực dân. Cho tới ngày 30-4-1975 vẫn còn một số lớn những cấp lãnh đạo của Việt Nam Cộng Hòa xuất phát từ guồng máy thuộc địa. Nhiều tướng lãnh quân đội Việt Nam Cộng Hòa, kể cả vị tướng bộ trưởng quốc phòng, xuất phát từ lính Pháp trước đây. Chọn lựa của miền Nam đúng nhưng là một chọn lựa đầy thách đố, trên thực tế nó lại là một chọn lựa không suy nghĩ, không chủ ý, do đó thiếu hẳn sức thuyết phục.

Nhờ hỗ trợ của phương Tây, phe quốc gia đã kéo dài được hơn một phần tư thế kỷ. Thời gian này đã chứng kiến sự trưởng thành của một lớp người mới, có tinh thần dân tộc và có ý thức dân chủ thực sự, nhưng những người này chưa kịp nắm thể chủ động thì chính quyền quốc gia sụp đổ. Những năm cuối cùng của chế độ Việt Nam Cộng Hòa chúng kiến một tình trạng ngược đời. Những người dân chủ khá đông nhưng lại không có vai trò chủ động. Trong guồng máy chính quyền, các cấp trưởng phòng, chánh sự vụ, giám đốc, v.v... thì mần cán và tiến bộ trong khi các tổng giám đốc, bộ trưởng, thủ tướng, tổng thống nói chung lại rất tồi. Trong quân đội, các đại úy, thiếu tá thì giỏi trong khi các tướng lãnh thì bẽ bối. Phe quốc gia theo đuổi một định hướng đòi hỏi một đoạn tuyệt lớn nhưng lại không làm một cuộc cách mạng cần thiết.

Phe cộng sản về bản chất là một lực

lượng thủ cựu. Trước sự sụp đổ của ý thức hệ Khổng giáo, họ đề nghị chủ nghĩa cộng sản, một chủ nghĩa chỉ đòi hỏi những thay đổi tâm lý nhỏ ở một xã hội Nho giáo. Xét cho cùng, chủ nghĩa cộng sản chỉ là một thứ Khổng giáo tân trang. Nó cũng phủ nhận tự do cá nhân, cũng giáo điều, độc đoán, độc tôn, sơ cứng như Khổng giáo. Nó cũng phân chia giai cấp, bài bác thương mại, cũng o bế nông dân. Chỉ cần lấy Marx đặt vào địa vị Khổng Tử, lấy Tư Bản Luận thay vào chỗ Tứ Thư, Ngũ Kinh, lấy Trung ương đảng đặt vào chỗ triều đình, lấy đám đảng viên thay cho lớp sĩ phu là đầu vào đó. Tâm lý cộng sản và tâm lý Khổng giáo là một, do đó nó không đòi hỏi ở xã hội Khổng giáo một thay đổi tâm lý nhứt nhối nào cả. Không phải là một sự tình cờ mà chủ nghĩa cộng sản xuất phát từ phương Tây nhưng lại thành công ở Châu Á và ba trong bốn nước cộng sản còn lại là những quốc gia Khổng giáo trước đây.

Phe cộng sản đề cao những giá trị của xã hội cũ. Trước đây thì "*chí làm trai dặm nghìn da ngựa*", nay thì "*đường ra trận mùa này đẹp lắm*" (bài hát *Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây*). Giá trị chiến tranh này trí thức miền Nam không chấp nhận nữa, họ phản chiến và kêu gọi hòa bình. Những hình ảnh mà phe cộng sản đưa ra cũng chỉ là những hình ảnh cũ. Ông Hồ Chí Minh xuất hiện như một nhà nho khổ hạnh, một người cha già dân tộc, các lãnh tụ của phe cộng sản ăn mặc xuềnh xoàng như hình ảnh của những ông quan thanh liêm cần kiệm thời xưa. Họ phơi bày trước thế giới sự mộc mạc của một nước nghèo chống ngoại xâm: những bàn chông tre, những đôi dép lố, những chiếc nón tai bèo. Thơ văn tuyên truyền của họ chuyên chở những hình ảnh mộc mạc. "*Bàn tay ta làm nên tất cả, với sức người sỏi đá cũng thành cơm*", v.v... Chỉ có bàn tay thôi chứ không có máy cày, cơ giới. Chỉ có cơm thôi chứ không có tivi, tủ lạnh, v.v... Những người ủng hộ họ cũng chỉ đề cao những hình ảnh ấy. "*Dân ta về cày bừa đủ áo cơm no*". Vẫn cái cày, cái bừa. Họ gọi nhau bằng bác, bằng cháu, bằng anh nuôi, chị nuôi quân đội đúng như truyền thống của một chế độ gia tộc truyền thống. Tất cả đều chỉ là những ngôn ngữ và hình ảnh của một nền văn hóa nông nghiệp sơ sài.

Chính vì thế mà họ có một dáng dấp quen thuộc và quần chúng Việt Nam ngay cả có ghét cũng thấy gần gũi với họ hơn là với các cấp chỉ huy của phe quốc gia mặc âu phục, ngồi bàn giấy, đi xe hơi, nói chuyện sắc luật, nghị định pha tiếng Anh, tiếng Pháp. Đó là lý do khiến cho họ ở trong dân như cá trong nước.



Về cơ bản, cộng sản là một lực lượng cải tổ, tiếp nối truyền thống của xã hội quân chủ Nho giáo, chống lại cuộc cách mạng dân chủ mà phe quốc gia đại diện một cách vụng về. Điều ngược đời là nó lại được mọi người, kể cả những người quốc gia, nhìn như một lực lượng cách mạng trong khi phe quốc gia chỉ được nhìn như một lực lượng cải tổ. Tại sao như vậy? Lý do là vì chính quyền quốc gia tiếp nối guồng máy cai trị của người Pháp và chỉ cải tổ dần dần guồng máy này, trong khi phe cộng sản muốn đánh đổ guồng máy này và vì thế xuất hiện như một lực lượng cách mạng. Như vậy nếu lấy chính quyền thuộc địa Pháp làm điểm qui chiếu thì phe quốc gia chỉ cải tổ trong khi phe cộng sản làm cách mạng, nhưng nếu lấy xã hội và văn hóa Việt Nam làm điểm qui chiếu, *nghĩa là nếu có cái nhìn đúng*, thì cộng sản chỉ là một lực lượng cải tổ mà thôi trong khi thể chế dân chủ của phe quốc gia mới thực sự là một đoạn tuyệt có tính cách mạng. Người cộng sản đã chịu đựng vô vàn hy sinh để giành thắng lợi. Hy sinh tạo ra một ảo tưởng vĩ đại. Nhưng thực ra lý tưởng mà họ theo đuổi chỉ rất tầm thường, nó chỉ là sự tiếp nối của một văn hóa chính trị đã lỗi thời và cần phải vứt bỏ.

Chọn lựa dân chủ là đúng. Không những đúng mà còn bắt buộc. Đảng cộng sản đã làm gì kể từ ngày chiến thắng 30-4-1975? Họ đã áp dụng chế độ cộng sản, đã làm cho đất nước tụt hậu thê thảm và phải thay đổi. Chính sách đổi mới của họ trong mười năm qua là gì nếu không phải là sự già từ lúng túng và miễn cưỡng một đường lối mà họ đã làm hao tổn hàng triệu sinh mệnh Việt Nam để áp đặt? Cuối cùng họ đã chỉ làm đất nước mất đi vài chục năm, sau khi đã phải chịu đựng những đổ vỡ kinh khủng.

Tóm lại, cuộc chiến vừa rồi chính là cuộc chiến giữa khuynh hướng canh tân theo các giá trị tự do dân chủ và khuynh hướng thủ cựu dựa trên và tiếp nối các giá trị của xã hội cũ. Lực lượng thủ cựu đã thắng vì tư tưởng chính trị của quần chúng Việt Nam chưa tiến hóa đủ để tiếp nhận các giá trị tiến bộ trong khi những người cầm đầu phe canh tân cũng không đủ tư cách, kiến thức và bản lãnh chính trị để phát cao ngọn cờ dân chủ.

Có nên trách những người lãnh đạo kế tiếp nhau của phe quốc gia không, hay nên bùi ngùi vì sự thiếu hụt tư tưởng chính trị của Việt Nam, trước hết là của trí thức Việt Nam? Một sự kiện bi đát là, ở cả hai phía, trong suốt ba mươi năm xung đột, từ 1945 đến 1975, chúng ta đã không có nổi một bản nghị luận chính trị có giá trị và cũng không có nổi một chính trị gia dân

chủ đúng nghĩa. Trong bối cảnh dân trí đó, sự thắng lợi của lực lượng bảo thủ chống dân chủ chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Dù đó là điều rất đáng ân hận. Cây dân chủ đã chỉ được trồng một cách cẩu thả trên một mảnh đất chưa chuẩn bị.

**P**he cộng sản lúc đó cũng đã được hậu thuẫn của một phản ứng bảo thủ trên khắp thế giới.

Thập niên 1960 chứng kiến một khúc quanh quan trọng của nền văn minh thế giới. Các nước dân chủ tư bản đã hoàn toàn phục hồi sau thế chiến II và phát triển mạnh mẽ, kỷ nguyên kỹ nghệ bắt đầu nhường bước cho kỷ nguyên hậu kỹ nghệ. Kỹ nghệ tự động và tin học đi vào ứng dụng thay đổi hẳn cách làm việc và giao dịch, con người đi vào không gian và chinh phục mặt trăng, các công ty đa quốc gia xuất hiện và bành trướng, truyền thông và du lịch nhảy vọt, nền văn minh Coca Cola và Fast Food lan tràn, trong hoạt động kinh tế dịch vụ trở thành quan trọng hơn sản xuất. Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, các phát minh khoa học kỹ thuật không làm tăng mà còn làm giảm số công nhân. Các tiến bộ vật chất, khoa học, kỹ thuật và tổ chức đã đi nhanh hơn các chuẩn bị về tư tưởng. Tất cả những thay đổi trọng đại đó đảo lộn mọi quan hệ trong xã hội, đảo lộn các trật tự, tập quán, cách suy nghĩ và nếp sống cũ, chất vấn các giá trị cũ, làm lung lay cả những ý niệm từ trước vẫn được coi là bất di bất dịch. Tất cả những đảo lộn đó đặt ra những vấn nạn chưa kịp trả lời về sinh hoạt xã hội, về chỗ đứng của con người trong xã hội, về chỗ đứng của các quốc gia trên thế giới, và cả về môi trường, cho nên đã gây hoang mang, lo sợ và tạo ra một phản ứng chống đối mãnh liệt. Trong suốt thập niên 1960 và đầu thập niên 1970 bùng lên một phong trào toàn cầu coi hiện đại hóa và phát triển kinh tế như những tai họa cần phải chặn đứng. Chủ nghĩa tư bản bị coi là một mối nguy, một con quái vật không linh hồn, đầu tư nước ngoài như một công cụ xâm lược, các công ty đa quốc gia như cơ cấu của một đế quốc mới, đế quốc Mỹ. Chủ nghĩa xã hội được coi là một giải pháp nhân bản cứu vãn thế giới khỏi cuộc chuyển hóa khủng khiếp này, Marx được tôn lên hàng một tiên tri. Trong các trường đại học Châu Âu chỉ có những người mác-xít được coi là trí thức chân chính. Nhiều người ủng hộ phe cộng sản tại Việt Nam chỉ vì chống Mỹ. Đảng cộng sản Việt Nam được coi như lương tâm của thế giới chống lại con quái vật Hoa Kỳ.

Song song với phản ứng bảo thủ ngăn chặn một chuyển hóa gây lo sợ vì chưa

được thấu hiểu này là sự hốt hoảng về một nguy cơ thế chiến hạt nhân có khả năng hủy diệt cả trái đất. Thập niên 1960 cũng là thập niên chạy đua vũ trang dữ dội giữa Hoa Kỳ và Liên Xô. Quyết tâm của Liên Xô rõ ràng là không lay chuyển được, các phong trào phản chiến chỉ còn cách làm áp lực đòi Hoa Kỳ phải nhượng bộ. Khẩu hiệu thời thượng của thập niên này là "chẳng thà đồ còn hơn chết". Và dĩ nhiên trọng tâm của cuộc vận động hòa bình này hướng về Việt Nam, nơi cuộc chạm trán Hoa Kỳ - Liên Xô có thể nổ bùng thành một chiến tranh nguyên tử.

Áp lực tổng hợp của hai trào lưu chống hiện đại hóa và chống nguy cơ chiến tranh này mạnh đến nỗi ngay cả các trí thức bình tĩnh nhất cũng muốn Hoa Kỳ nhượng bộ và rút khỏi Việt Nam. Chính giới Hoa Kỳ không phải là không thấy sự chính đáng của cuộc can thiệp vào Việt Nam nhưng cũng nghi tầm quan trọng của nó không đủ để khiến Hoa Kỳ phải chịu đựng những chống đối quá lớn, nhất là khi các mục tiêu chiến lược chính đã đạt được rồi. Nixon, chính trị gia điều hâu bạc nhất của Hoa Kỳ, đắc cử tổng thống năm 1968 với lời cam kết sẽ chấm dứt chiến tranh.

Một bối cảnh quốc tế và quốc nội bất lợi như vậy đòi hỏi ở Việt Nam Cộng Hòa, nếu muốn sống còn, một sức mạnh tinh thần rất lớn. Nhưng sức mạnh này phe quốc gia không có. Mà cũng khó có được bởi vì tư tưởng chính trị của Việt Nam quá kém. Ở đây cần phải minh định: không có vấn đề một dân tộc chưa đủ trình độ để có dân chủ, dân chủ và tự do có thể thực hiện được và đem lại phúc lợi trong mọi trường hợp, nhưng khi dân trí kém thì các thể lực độc tài chuyên chính có đất dụng võ tốt và dễ giành được thắng lợi. Đó là tình trạng đáng buồn của chúng ta.

Cho tới nay nhiều người vẫn còn tự hỏi nếu không có vụ Watergate buộc Nixon phải từ chức, nếu, nếu, v.v... Nhưng làm sao tránh được những biến cố đó. Trong một cuộc xung đột kéo dài tất nhiên phải có những biến cố thuận lợi và những biến cố bất lợi. Phe quốc gia cũng đã có những biến cố rất thuận lợi: cuộc xung đột giữa Liên Xô và Trung Cộng, biến cố mùa xuân 1968 tại Tiệp Khắc, Trung Quốc kết thân với Hoa Kỳ và trở mặt với Hà Nội, hai cuộc tổng tấn công tự sát của Hà Nội mùa xuân 1968 và mùa hè 1972, v.v... Phe quốc gia đã được nhiều yếu tố có thể lợi dụng nhưng vì bản lãnh chính trị quá yếu nên đã không lợi dụng được.

Ngày 30-4-1975 đã kết thúc một cuộc chiến mà chủ yếu là xung đột canh tân trong đó lực lượng bảo thủ và phản dân chủ đã thắng vì văn hóa và trí tuệ Việt Nam chưa được khai thông. Trách ai, nếu

không phải là trí thức Việt Nam? Chúng ta có khá nhiều khoa bảng nhưng thiếu trí thức. Chúng ta có nhiều kiến thức chuyên môn nhưng tư tưởng chính trị thì chúng ta lại không có. Nhiều dân tộc dân trí không hơn chúng ta nhưng đã tiến tới dân chủ dễ dàng hơn chúng ta vì họ may mắn không có một lực lượng thủ cựu tinh vi và quả quyết như đảng cộng sản Việt Nam, và họ không có một vị nhân như Hồ Chí Minh.

Lúc đang học tập cải tạo, có một lần tôi được phép đọc một số báo đảng. Tôi đọc bài tường thuật cuộc thăm viếng Pháp của ông Phạm Văn Đồng, lúc đó là chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng. Bài báo tường thuật cuộc tiếp đón linh đình của trí thức Việt kiều tại Pháp dành cho ông Đồng. Kết thúc buổi gặp mặt, các đại biểu Việt kiều đã cùng chủ tịch Phạm Văn Đồng hát vang bài "*Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*". Trong thời gian du học tại Pháp, tôi đã biết các đại biểu này. Họ đều là những trí thức lỗi lạc theo tiêu chuẩn Việt Nam. Tôi biết họ yêu nước và họ đã theo cộng sản vì lòng yêu nước và cùng vì chạy theo thời trang. Cũng trong sắp báo đó, tôi được đọc một bài của một cựu thẩm phán có tên tuổi tại miền Nam, nổi tiếng là tiến bộ và do đó không bị đi cải tạo, hân hoan ca tụng đại hội lần thứ tư của đảng, với lời kết luận: "*Chúng ta hành diện vì báo cáo chính trị của đồng chí Lê Duẩn*". Trí thức Việt Nam nhảy múa reo mừng trước vực thẳm và tung hô những ân nhân dẫn họ và dân tộc vào đêm đen. Sự kém cỏi về ý thức chính trị đã không cho phép trí thức Việt Nam bay bổng và nhìn cao. Họ chỉ nhìn các chính quyền quốc gia như là một bề lù tay sai ngoại bang mà không nhìn thấy phúc lợi của dân chủ mà các chế độ quốc gia đề nghị. Ngược lại họ cũng không nhìn thấy rằng cộng sản chỉ là một bộ mặt mới của một khuôn mẫu chính trị đã cũ kỹ cả ngàn năm.

Ngày 30-4-1975 đã là ngày khởi đầu của một tiến trình suy thoái bi đát cho đất nước về mọi mặt, văn hóa, đạo đức, kinh tế và môi trường. Nhưng như một câu nói của người Pháp trong tai họa cũng có cái may (à *quelque chose malheur est bon*), từ đó nước ta cũng đã có một số chuyển biến tích cực.

Chiến tranh đã chấm dứt. Hòa bình tẻ tẻ vẫn còn hơn chiến tranh, nhất là khi, đầu sao, kẻ chiến thắng cũng là người Việt Nam. Và lại, không có cuộc chiến tranh nào là đúng, là tốt cả.

Đất nước đã thống nhất, đó cũng điều rất quan trọng bởi vì trong hơn bốn thế kỷ trước năm 1975, chúng ta chưa có nổi một trăm năm thống nhất. Điều đáng buồn là chúng ta vẫn có thể thống nhất mà không

phải trả giá nặng đến như thế.

Các tôn giáo đã được đưa ra khỏi chính trị. Đây cũng là điều rất đáng mừng, phân biệt tôn giáo và chính trị là điều kiện cơ bản của dân chủ và tiến bộ. Điều đáng tiếc là lần này chính trị lại nhảy vào và dẫm đạp lên tôn giáo, nhưng điều này một chính quyền dân chủ tương lai có thể chấm dứt tức khắc và dễ dàng.

Các khó khăn của cuộc sống sau 1975 đã phá vỡ một số tâm lý lỗi thời, chủ yếu là óc khinh thường kinh doanh, óc trọng văn khinh nghề. Từ đó, hình như gia đình Việt Nam nào cũng buôn bán một cái gì, không thiếu những người có trình độ trung học, đại học đập xích lô, may quần áo, bán tạp hóa. Buôn bán là bước đầu cần thiết cho kinh tế thị trường và phồn vinh, chúng ta đã bắt đầu cuộc chuyển hóa từ một tâm lý làm công ăn lương sang một tâm lý kinh doanh.

Chúng ta đã than phiền về tình trạng đạo đức suy đồi của những năm gần đây. Đó là điều có thực nhưng theo tôi không đáng sợ lắm, thực chính quyền dân chủ pháp trị đứng đắn sẽ đem lại được trật tự trong lòng người và trong xã hội, sinh hoạt kinh tế thị trường thực sự và luật chơi thực sự của buôn bán sẽ bắt buộc con người phải nhả nhận và lương thiện. Điều quan trọng là tâm lý con người đã thay đổi và nhiều giá trị lỗi thời đã bị đào thải. Phát triển, kể cả phát triển kinh tế, chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa.

Đảng cộng sản và chế độ cộng sản đã là tai họa lớn nhất về sinh mạng, văn hóa, kinh tế và môi sinh mà Việt Nam đã phải chịu đựng trong suốt dòng lịch sử, nhưng chính kinh nghiệm của nó đã khiến dân tộc Việt Nam đạt tới một tin tưởng chắc chắn và thẳm kín vào tự do và dân chủ.

Tất cả những yếu tố tích cực đó phải chăng là do công của đảng cộng sản? Khi tôi vừa mới ở tù ra, mẹ tôi ngạc nhiên thấy tôi trở thành dễ tính, giường nào ngủ cũng được, một bát nước luộc rau muống cũng đủ để ăn ngon lành ba bốn bát cơm, bà cười nói: "Thằng này đi cải tạo về tiến bộ quá". Nhưng chắc chắn bà không nghĩ việc tôi đi tù là có lợi và cũng không cảm ơn những người đã bỏ tù con bà.

Nhưng có một sự kiện vô cùng trọng đại mà phải nói rằng nếu không có ngày 30-4-1975 chắc chắn chúng ta sẽ không có, đó là sự hình thành của cộng đồng người Việt hải ngoại. Chúng ta là một dân tộc rất đồng đảo, 80 triệu người trước ngưỡng cửa thế kỷ 21; trên mặt đất cứ 1.000 người thì có 14 người Việt Nam. Nhưng trước ngày 30-4-1975, chúng ta không có một cộng đồng hải ngoại. Đó là một thiệt thòi lớn. Gần ba triệu người Việt hải ngoại có sức mạnh kinh tế tương

đương với 80 triệu người trong nước. Người Việt hải ngoại đã thử nghiệm mọi nếp sống và mọi chế độ, đã len lỏi được vào mọi bộ môn kinh tế, khoa học, kỹ thuật. Cộng đồng người Việt hải ngoại là những đầu cầu khoa học, kỹ thuật vô giá, và cũng là một nguồn tiếp liệu lớn cho đất nước. Nhưng vai trò quan trọng nhất của nó là con mắt của Việt Nam để quan sát và học hỏi thế giới. Một dân tộc không có cộng đồng hải ngoại chẳng khác gì một người mù. Có thể nói số di chúng ta chấp choạng và lầm đường cho tới ngày nay, với biết bao thảm kịch cũng vì chúng ta thiếu một cộng đồng hải ngoại. Một quan hệ bình thường và mật thiết giữa cộng đồng người Việt hải ngoại và đất nước sẽ là một bảo đảm rằng Việt Nam sẽ vinh viễn không bao giờ còn lạc vào ngõ cụt của thủ cựu và cố chấp.

Lần này là một trong những lần cuối cùng mà chúng ta đón nhận ngày 30-4 như nó vẫn thường đến, với thái độ huênh hoang đắc thắng của một số người và với sự tủi hờn của một số người khác. Như một trái cây đã chín và phải rụng vì trọng lượng của chính nó, chế độ độc tài đảng trị sắp cáo chung. Chúng ta đã mong mỏi sự cáo chung này và chúng ta đã liên tiếp thất vọng, chúng ta nhiều lần dự đoán sự cáo chung này và vẫn luôn luôn sai lầm, nhưng nó sắp đến và có nhiều khả năng là nó sẽ đến vào lúc chúng ta vẫn chưa sẵn sàng.

Một khi chế độ cộng sản đã cáo chung, sự huênh hoang đắc thắng sẽ không còn nữa và sự tủi hờn cũng không còn nữa. Cả hai ý nghĩa hiện nay của ngày 30-4 - ngày chiến thắng và ngày quốc hận - đều sẽ tiêu tan, nhưng chúng ta sẽ sai lầm lớn nếu không còn coi ngày 30-4 như một ngày lễ lớn.

Ngày 30-4 nên được giữ lại như một ngày để cả nước tưởng niệm và suy nghĩ, tưởng niệm mọi nạn nhân của cuộc chiến tranh này và suy nghĩ về đất nước.

Tôi mừng tượng đó sẽ là ngày nghỉ, với mọi tiếng động đột nhiên lắng xuống, rồi một buổi lễ được cử hành tại Côn Đảo, nơi một tượng đài được dựng lên tưởng niệm những người đã bỏ mình trên đường vượt biển. Chúng ta sẽ thắp hương và đặt hoa trên mộ các tử sĩ và nạn nhân của mọi bên. Đó sẽ là ngày Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc. Chúng ta sẽ cùng nhau tâm niệm ý nghĩa thực sự của ngày 30-4-1975: đất nước đã chọn đi vào ngõ cụt vì kém cỏi trong tư tưởng và nhận thức. Đối với trí thức Việt Nam, đó cũng là ngày của tự xét và ăn năn.

*Nguyễn Gia Kiểng*

LTS: L.V.T. là tên tắt của một nhà báo lão thành.

Những mâu thuẫn nội bộ phức tạp của Việt Nam ở cuối thế kỷ 20 này có nguồn gốc xa xưa cả ngàn năm. Suốt mười thế kỷ dưới nền đô hộ của các triều đại Trung Hoa (trước công nguyên đến thế kỷ 10), chịu hợp tác với người Hán và nhận làm một quận huyện của Thiên triều hay giữ lấy bản sắc dân tộc dựng thành nước độc lập vẫn luôn luôn là hai khuynh hướng đối chọi ở tầng lớp trên (Lang, Đạo, các thủ lãnh châu, Mường). Nhưng, cùng như mọi dân tộc, niềm tự hào của vùng đất này, của dòng họ này do những thành đạt về công danh, về phồn vinh vẫn thường gặp sự kỳ thị của những vùng đất khác, dòng họ khác. Ngay trong hương đảng, khi có tranh đua về quyền lực, về địa vị, những kỳ thị âm ỉ bùng ra như mâu với thuẫn. Giữa các địa phương bấy lâu cùng uống nước một dòng sông, nếu một bãi bồi nổi lên là phải có xung đột đỏ máu khi nhà cầm quyền không kịp can thiệp và giải quyết công bằng.

Ở trung tâm quyền lực, từ nhà Đinh qua các triều đại nối tiếp (thế kỷ 10 đến 18), những âm mưu phế lập không triều đại nào là không có. Lãnh thổ càng mở rộng thì địa phương tính càng nặng. Cuộc bành trướng về phía Nam đưa đến hậu quả là chính quyền trung ương ở tận phía Bắc mất quyền kiểm soát. Tiếng nói cũng như lối làm việc, lịch canh tác, lễ thói ứng xử với nhau của dân cư từng vùng có thay đổi theo thổ ngơi là điều tự nhiên. Nhưng để chống lại những chiến dịch chinh phạt liên tục của Chúa Trịnh từ Đàng Ngoài, các nhà chiến lược của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã cố ý làm cho những dị biệt giữa dân cư hai miền càng thêm rõ, từ cách ăn mặc cho đến tiếng chỉ những đồ dùng thường ngày. Bởi vậy những toán quân do thám của Đàng Ngoài có qua được Lũy Thầy bằng cách đi bọc đường biển hoặc xuyên rừng núi cũng chỉ sau mười ngày là bị bắt gọn. Ngược lại những đơn vị hải quân xung kích của Đàng Trong mà dân vùng Thanh Nghệ gọi là Giặc Nồm, hàng năm theo mùa gió phồng ra đánh phá các căn cứ quân sự, bẻ gãy những mũi tấn công của Đàng Ngoài ngay từ lúc đang sửa soạn. Cứ như vậy, Việt Nam đứt đôi hơn ba trăm năm (thế kỷ 16-18).

Ý chí của Nguyễn Huệ cũng như của Nguyễn Ánh, gồm thâu giang sơn về một mối là ý chí chinh phục bằng bạo lực, khai

sáng triều đại mới, đặt quyền lực cai trị trên toàn lãnh thổ, không hoàn toàn vì tình dân tộc nghĩa đồng bào. Khi Gia Long lập kinh đô ở Phú Xuân (1802), dân chúng Bắc Hà vẫn một lòng hoài Lê. Nhưng từ miệt Hậu Giang, Lục Tỉnh đến Đồng Nai, người ta tiếc nước Gia Định không còn là trung tâm quyền lực. Đó cũng là một trong những lý do khiến cuộc nổi loạn của Lê Văn Khôi được dân chúng hưởng ứng phần nào. Sau khi Gia Long lên ngôi năm mươi năm, nhà Nguyễn chưa thâu phục được nhân tâm thì đế quốc Pháp đưa binh lực tới dễ dàng đánh chiếm cả Đông Dương. Nghiên cứu lịch sử và địa lý Việt Nam, Lào và Cambodge, các chuyên gia thực dân của Bộ Thuộc Địa Pháp nhận rõ những phân cách sẵn có giữa các miền mà tiến hành công cuộc bình định và lập chế độ cai trị thích hợp.

Song song với việc tuyển lựa và đào tạo viên chức trung gian, nhà cầm quyền thuộc địa lập nền học chính Pháp bản xứ (Enseignement franco-indigène), mau chóng thay chữ Hán, chữ Nôm bằng Quốc ngữ theo mẫu tự la-tinh. Vũ trụ quan, thế giới quan, nhân sinh quan của tầng lớp có học mau chóng thay đổi có thể tính từng niên khóa. Từ đầu thế kỷ 20, những mâu thuẫn mới theo đó mà phát sinh trong mọi tầng lớp dân chúng.

Cuộc canh tân của Nhật với tiếng vang của chiến tranh Nhật-Nga, cách mạng Tân Hợi của Trung Hoa, chiến tranh thế giới I, cách mạng bôn-sê-vích với sự xuất hiện của Liên Bang Xô Viết, khủng hoảng kinh tế thế giới, chủ nghĩa nazi của Hitler, cái "mốt" xã hội chủ nghĩa mác-xít và không mác-xít... tất cả ào ào đổ vào làm cho các mâu thuẫn vốn có trong xã hội Việt Nam càng thêm phức tạp và dù không đối kháng cũng trở thành đối kháng do tính ưu tri của những phong trào thời thượng được kích động bởi những thế lực đối chọi từ bên ngoài: đế quốc thực dân cũ/đế quốc thực dân mới (Trục Đức-Ý-Nhật), dân chủ/quân chủ, chủ nghĩa xã hội/đệ tam quốc tế/đệ tứ quốc tế/liên minh tư bản quốc tế; dân chủ thiên chúa giáo/chuyên chính vô sản/độc tài dân tộc cực đoan, xung đột quốc/cộng ở Trung Hoa, duy vật/duy tâm...

Cuộc thắng cử năm 1936 của cánh tả

đưa Mặt Trận Bình Dân lên cầm quyền ở Pháp mở ra một khúc quanh lớn cho xã hội Việt Nam. Mặc dầu chỉ cầm quyền gần hai năm (6/1936-4/1938), chính sách của chính phủ Léon Blum thi hành ở Đông Dương đã ảnh hưởng tới xã hội Việt Nam cho đến hôm nay. Toàn thể tù nhân chính trị, không phân biệt quốc công, án nặng nhẹ đều được ân xá vô điều kiện (amnistie générale). Người dân ở thuộc địa Nam Kỳ được hưởng luật lệ của chính quốc, người dân bảo hộ ở Bắc Kỳ được hưởng chế độ cai trị nói lỏng hơn trước, người dân Trung Kỳ một cổ hai tròng, hưởng ít hơn vì còn bị trói buộc bởi luật của triều đình Huế. Thợ thuyền làm việc 40 giờ/tuần theo luật định. Chế độ kiểm duyệt báo chí bị bãi bỏ, báo tiếng Việt ở Nam Kỳ có quyền tự do xuất bản theo đúng luật 1881 sau khi có án lệ Cendrieux chống toàn quyền Đông Dương...

Với tư cách pháp nhân là một phân bộ của Đảng Cộng Sản Pháp, Đảng Cộng Sản Đông Dương được hoạt động công khai, đồng thời giữ bộ phận bí mật bất hợp pháp. Sách, báo, tài liệu huấn luyện về lý thuyết, tổ chức và hành động của Đảng Cộng Sản Pháp, của Quốc Tế Cộng Sản (Comintern, Cominform) được tàng trữ và lưu hành tự do. Được tài trợ 4.000 francs Pháp mỗi năm (Gérard Walter, *Histoire du Parti communiste français*, 1948), Đảng Cộng Sản Đông Dương có phương tiện hoạt động, có điều kiện đặt trụ sở hợp pháp tại Sài Gòn, đường D'Espagne (Lê Thánh Tôn) và tại Hà Nội, đường Doudart de Lagrée (Hàm Long). Trong khi đó, các cựu chính trị phạm thuộc các đảng cách mạng chống Pháp tuy được trả về nguyên quán vẫn bị bí mật theo dõi, nhất là ở Trung Kỳ. Những nhóm muốn tiếp tục chiến đấu giành độc lập phải hoạt động theo kiểu hội kín. Hai đầu mối liên lạc duy nhất với bên ngoài, nhưng đồng thời cũng là đối nghịch, là một số ít οι những người làm cách mạng chống Pháp đã trốn sang vùng Nam Trung Hoa hoặc sang Nhật từ đầu thập niên 30. Ở đó họ đều được bao dung nhưng không phải vì tinh thần nhân đạo và bất vụ lợi, mà chính là vì tham vọng bành trướng của những ông chủ nhà.

Chiến tranh thế giới II đưa quân đội Nhật tới Đông Dương. Trong 5 năm chiếm đóng, người Nhật đã làm thất vọng tất cả những ai trước đó đã tưởng có thể mượn sức Nhật đuổi Pháp. Từ 1943 những nhà lãnh đạo các phong trào yêu nước đã đặt vấn đề tìm hợp tác với Đồng Minh. Nên hay không nên hợp tác với chính phủ lưu vong De Gaulle là một trong những đề tài tranh cãi sôi nổi nhất. Người ta còn đặt nhiều hy

vọng ở chủ trương giải trừ thuộc địa do Mỹ đề xướng mà phó tổng thống H. Wallace tuyên bố tại Hội nghị Trung Khánh (1943). Về phía người Nhật, cuối cùng vì an nguy của chính họ, ngày 9-3-1945 Nhật tước khí giới quân đội Pháp, "trao trả độc lập cho ba nước Đông Dương để đọ tác với Đại Nhật Bản trong công cuộc kiến thiết Đại Đông Á". Nguyên đại sứ Yokohama được bổ nhiệm khâm sứ Trung Kỳ, thay thế quan cai trị Pháp.

Ngày 11-3-1945, Viện Cơ Mật của Triều Đình Huế ra tuyên bố Đế Quốc Việt Nam Độc Lập, hủy bỏ những hiệp ước bất bình đẳng mà nước Pháp đã ép buộc Việt Nam ký ngày 6-6-1862 và 15-3-1884. Năm tháng sau Nhật đầu hàng khoan tay ngời đội quân đội Đồng Minh đến tước khí giới. Không còn ai giữ trật tự, Việt Minh nổi lên. Vua Bảo Đại nghe lời quần thần, trao ấn kiếm lại cho Mặt Trận Việt Minh tiếp tục bảo vệ độc lập. Trước khi quân đội Đồng Minh tới, Đảng Cộng Sản Đông Dương, hạt nhân chính của Mặt Trận Việt Minh ra tay trước, tàn sát từ Bắc chí Nam hầu hết những người lãnh đạo các đảng cách mạng dân tộc, lãnh đạo tôn giáo và nhất là tận diệt nội thù của phong trào cộng sản, những người Đế Tứ Quốc Tế.

Dân Việt Nam được biết thêm ba quân đội ngoại nhập: quân đội Trung Hoa Dân Quốc ở miền Bắc, quân đội Liên Hiệp Anh ở miền Nam, cả hai có nhiệm vụ tước khí giới quân Nhật, và theo chân quân Anh là quân đội của nước Pháp mới giải phóng, tới để bảo vệ kiều dân và quyền lợi Pháp. Trong khi ở miền Nam dân chúng đoàn kết chống Pháp trở lại thì ở miền Bắc cộng quân bóc lột lực lượng để bao vây tiêu diệt các căn cứ của phe đối lập. Trái hẳn với ở miền Nam, chính phủ Hồ Chí Minh ở Hà Nội đồng ý để cho quân đội Pháp trở lại. Đổ bộ an toàn vào Hải Phòng, quân đội Pháp tiến về Hà Nội theo quốc lộ 5, có đại diện của chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đi mở đường, đề phòng dân chúng nổi dậy chặn đánh như đã xảy ra ở miền Nam. Nhưng đến cuối 1946 chiến tranh Pháp-Việt vẫn diễn ra trên toàn quốc.

Mọi ý kiến bất đồng được gác sang bên để toàn dân chung sức kháng chiến chống Pháp. Nhưng chỉ được ba năm Đồng Thuận Toàn Dân (National Consensus) này tan biến ngay sau khi Giải Phóng Quân Trung Quốc kiểm soát được toàn lục địa. Đảng và chính phủ Hồ Chí Minh chấp nhận trọn vẹn chủ nghĩa Mao Trạch Đông và răm rắp noi theo đường lối Trung Cộng từ 1950. Nhờ một

## Cơ cấu nông dân tại ba nước Nho giáo

Diệp Tường Bảo

Bài viết *Cơ cấu của giai cấp thượng lưu tại các nước Nho giáo (Thông Luận 1-98)* có mục đích làm nổi bật vai trò chánh yếu của giai cấp quý tộc trong những quá trình dân chủ. Lợi ích thứ nhất của sự có mặt của một tầng lớp quý tộc độc lập đối với chánh quyền hoàng gia, là giới hạn thế lực của nhà vua. Tác dụng thứ hai của chế độ quý tộc là cho quần chúng một gương mẫu trong cuộc tranh đấu giành dân chủ qua những tập tục tự do và bình đẳng mà các nhà quý phái dành cho nhau. Nhìn từ khía cạnh đó, bước chuyển từ một chế độ độc tài hạn chế sang dân chủ chỉ là việc mở rộng quyền tự chủ từ thành phần tinh hoa ra thứ dân. Từ đó, chúng ta có thể suy diễn rằng tiến trình dân chủ càng có khả năng thành công nếu giới bình dân cũng tổ chức theo những phương thức dành cho họ một phạm vi tự quản rộng lớn. Trong trường hợp ngược lại, nếu người dân chỉ là

lòng theo Mao mà cộng sản Việt Nam hoàn toàn kiểm soát được nửa lãnh thổ, diệt được sức phản kháng ở nông thôn (cải cách ruộng đất), ở thành thị (cải tạo tư sản), thậm chí tiêu diệt mọi mầm mống phản kháng ngay khi mới chỉ là một thoảng tư duy (chỉnh huấn, tẩy não, cải tạo trí thức, văn nghệ sĩ). Cũng nhờ theo Mao (1954-1965) và được tiếp sức bởi phe stalin-nít hồi sinh ở Liên Xô và Đông Âu (1965-1975) mà cộng sản Việt Nam cuối cùng chiếm được miền Nam, kiểm soát toàn lãnh thổ (1975).

Từ 1976, sau khi Đảng lấy lại tên cũ và tuyên bố thống nhất đất nước về mặt hành chánh với quốc hiệu mới là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa, những mâu thuẫn nội tại trở nên phức tạp hơn, và thêm vào đó là tác động của những mâu thuẫn trong phong trào cộng sản thế giới. Việc nghiên cứu những mâu thuẫn từ thời điểm này đến khi chiến tranh lạnh chấm dứt, và tiếp theo là thời kỳ 10 năm sau chiến tranh lạnh có thể giúp cho thấy phương hướng tháo gỡ những mối mâu thuẫn tích tụ từ lâu đời đang thực hiện Đồng Thuận Toàn Dân. Nếu không tìm cách tháo gỡ, xã hội Việt Nam sẽ còn phải trải qua nhiều biến động đất giá và vì vậy mà khó có được chỗ đứng vững chắc trước trào lưu toàn cầu hóa.

L. V. T.

những phần tử không cá tánh và có xu hướng tụ họp thành những quần chúng nhạy cảm đối với lời lẽ mỉa dân, thì khả năng dân chủ vô cùng mong manh và nguy cơ "chuyên chánh như dân" hết sức lớn.

### Các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ý niệm dân chủ trong giới nông dân

Bình dân là tầng lớp ở giữa giai cấp thượng lưu và những thành phần mà tư cách công dân không được thừa nhận, dân phiêu bạt, những kẻ ngoài vòng pháp luật, người nô lệ, tiện dân, v.v. Theo định nghĩa này, chúng ta có thể xếp vào chữ "bình dân" các giới nông, công, thương được xác định trong các xã hội Khổng giáo. Mục tiêu của bài này là nghiên cứu những yếu tố chi phối thái độ của người bình dân trong những xã hội cổ đại, do đó chúng ta sẽ không đề cập đến tầng lớp thượng gia bởi lẽ vai trò chánh trị của giai cấp này chỉ xuất hiện kể từ giai đoạn chuyển tiếp từ chế độ phong kiến sang xã hội hiện đại. Cũng vì thế mà chúng ta sẽ không bàn tới giới tiểu công nghệ vì đó thường chỉ là một sinh hoạt từng mùa của nông dân trong những xã hội hiện đại. Câu hỏi còn lại là về những yếu tố thuận tiện cho sự tham gia tích cực của nông dân vào sự nghiệp xây dựng dân chủ. Người ta có thể kể ra như sau :

- Đơn vị xã hội là những hộ gồm có cha mẹ và con cháu thay vì là các họ hàng rộng lớn. Lý do vì gia đình "hạch tâm" phù hợp với chủ nghĩa cá nhân hơn là đại gia tộc. Tinh thần trách nhiệm được phát huy vì quyết định của những thành phần sản xuất không phải luôn luôn bị những bậc trưởng lão chi phối. Hơn nữa, tâm lý ý lại không có đất dụng võ vì mô hình gia đình nhỏ giới hạn các hiện tượng "một người làm quan cả họ được nhờ".

- Dân cày làm chủ ruộng đất mà họ canh tác hay ít nhất được đảm bảo quyền hưởng dụng đến mức độ mà mức sống của những người này tùy thuộc trực tiếp ở công lao và sáng kiến của họ.

- Các hộ nông dân hợp thành những cộng đồng tự trị có thói quen quản lý việc công cộng một cách độc lập đối với chánh quyền trung ương.

- Yếu tố thứ tư là mức thẩm thấu giữa các giai cấp. Điều quan trọng ở đây không phải là những phân biệt đối xử bề ngoài

mà là khả năng thăng tiến của những thành phần hạ lưu, cái mà các nhà xã hội học gọi là "chiếc thang máy xã hội".

Các tiêu chuẩn này hợp thành một hệ thống cho phép chúng ta nhận diện những xu hướng của thành phần nông dân đối với công cuộc dân chủ hóa. Thước đo đi từ tình cảnh mà đơn vị nền tảng của nông dân là những gia đình nhỏ làm chủ những mảnh đất do họ canh tác và hợp thành những cộng đồng tự quản, đến thái cực trong đó nông dân chia thành những đại gia tộc, người cày không ruộng và bị tước đoạt mọi quyền tự chủ. Nhìn dưới ánh sáng xã hội học, các giới nông dân Nhật Bản, Trung Hoa và Việt Nam biểu lộ một số khác biệt quan trọng.

### Quy chế "nông sĩ" ở Nhật Bản

Trong ba nước, Nhật Bản là trường hợp sát gần với mô hình "người cày có ruộng" nhất. Hai bước ngoặt của lịch sử nông nghiệp Nhật Bản là sự hình thành của các triều đại tướng quân Fujiwara và Tokugawa vào thế kỷ IX và XVII. Qua bài viết nhắc trên, chúng ta thấy bằng cách nào chính sách cải cách ruộng đất của nhà Fujiwara đã đưa đến sự kết nghĩa giữa những chủ trang trại và các đại danh và sự biến đổi của thành phần thứ nhất thành đẳng cấp võ sĩ. Do đó, trong khoảng thời gian thế kỷ IX - thế kỷ XVII, toàn thể ruộng đất nằm trong tay quý tộc và tầng lầu. Các lãnh địa thường là những mảnh đất rải rác hợp lại qua các liên minh. Dân cày là những gia đình tá điền mà kích thước nhỏ bé do tình trạng phân tán đất đai. Bấy giờ, số phận nông dân Nhật Bản vô cùng khốn khổ. Mặc dầu ý hệ Nho giáo đặt cho họ cương vị thứ hai trong hệ giá nghệ nghiệp, trên thực tế, chỗ đứng của người nông dân thua kém tất cả những đẳng cấp khác vì họ không có uy thế của võ sĩ, sức mạnh kinh tế của thương gia hay sự tự do tương đối của nhà thủ công. Mặt khác, tuy rằng tình trạng loạn lạc của Nhật Bản vào thế kỷ X đã bắt buộc người nông dân tự đặt mình dưới sự che chở của những lãnh chúa, phạm vi tự do mà họ thừa hưởng vẫn còn rất lớn. Vào nửa thế kỷ XV, uất hận của họ biến thành những liên minh khởi nghĩa mà trình độ tổ chức làm cho quân đội nhà nước lần nào cũng bó tay. Bài học mà các đại danh rút ra từ các biến cố này là nông dân có thể làm một lực lượng phụ lợi hại, từ đó quyết định sáp nhập một phần dân cày vào các đạo quân *samurai* dưới hình thức lính bộ (*ashigaru*). Tuy nhiên, muốn các *ashigaru* chiến đấu cho họ một cách trung kiên và kỷ luật, thì các đại danh phải dành cho họ một vị thế tương đương với các *samurai*. Điều dễ

đoán là quy chế của các *ashigaru* dần dần được sáp nhập vào đẳng cấp *samurai*. Bức tường phân cách các đẳng cấp bị đục khoét lần đầu tiên và tiền lệ này sẽ đóng một vai trò trọng yếu trong những diễn biến xã hội xảy ra hơn tám thế kỷ sau đó.

Trong lúc chờ đợi, nền hòa bình lâu dài diễn ra dưới chế độ Tokugawa là cơ hội của nhiều thay đổi căn bản trong cấu trúc nông nghiệp Nhật Bản. Chính sách của dòng dõi Tokugawa nhằm vô hiệu hóa những lãnh chúa là sáp nhập các thành phần võ sĩ và đại danh vào bộ máy hành chính (xem *Lộ trình dân chủ của Nhật Bản, Thông Luận* 4-97). Một hậu quả gián tiếp của đường lối này là sự chuyển giao quyền sở hữu ruộng đất từ quý tộc sang nông dân, đổi lại số thuế mà những người này phải nộp cho nhà nước : một giai cấp người cày có ruộng mới hình thành trên đất Nhật. Về mặt xã hội, quá trình này tăng thêm tình trạng phân tán của các dòng họ. Các làng xã dần dần trở thành những cộng đồng tự trị do trường làng (*shoya*) điều hợp. Trọng khoảng thời gian thế kỷ XVII - thế kỷ XVIII, trọng lượng chính trị của các *shoya* càng ngày càng trở nên quan trọng. Vào giữa thế kỷ XIX, qua những văn thư mà họ trao đổi với cấp lãnh đạo, người ta nhận thấy rằng các *shoya* không còn một chút mặc cảm nào đối với tầng lớp võ sĩ. Họ đã chứng minh rằng đời sống của đại đa số dân chúng có thể được quản lý một cách ổn thỏa mà không cần sự can thiệp của cấp võ sĩ. Để thỏa mãn những đòi hỏi danh dự ngày càng thôi thúc của cấp nông dân giàu có, vào năm 1644, chính quyền Tokugawa lấy quyết định sáng lập chức *goshi* ("nông sĩ") dành cho những gia đình *shoya*. Mười mấy năm sau, tới phiên thành phần thương gia có quyền đạt đến phẩm tước này và kể từ 1850, người ta có thể mua bán tự do chức *goshi* ! Thế thì dù rằng Khổng giáo là một tư tưởng được suy tôn về mặt lý thuyết, trên thực tế, người Nhật đã đảo ngược nguyên tắc nền tảng của Nho học muốn rằng chức vị đưa đến sự giàu có chứ không ngược lại. Một loại người *samurai* mới xuất hiện với những nét tánh đặc thù của giới nông dân và thương gia: thực tế, uyển chuyển. Mười mấy năm sau, họ là thành phần chủ chốt của phong trào Phục hưng Hoàng gia Minh Trị đánh đổ chế độ tướng quân để đưa Nhật Bản vào con đường hiện đại hóa.

### Chế độ gia tộc ở Trung Quốc

Trung Quốc đã thực hiện một mô hình nông nghiệp khác hẳn Nhật Bản. Dưới thời thượng cổ, tất cả ruộng đất thuộc sở hữu độc quyền của nhà vua. Chính sách

của các triều đại Trung Hoa tiền đế chế là giữ phần lớn ruộng đất dưới sự quản lý trực tiếp của nhà nước, phân phát một phần cho công xã và ban cấp phần còn lại cho quý tộc tôn thất và quan lại thượng cấp. Toàn thể nông dân là những tá điền canh tác công thổ hay cày cấy ruộng đất của các nhà quý tộc. Thành phần thống trị có nhiều biện pháp cưỡng bách để định cư nông dân. Hàng năm, số ruộng chia cho từng gia đình được phân phối theo hộ khẩu. Niềm an ủi duy nhất của nông dân là họ không thể bị đuổi vì các nhà quý tộc không có quyền buôn bán đất phong.

Quyền tư hữu đất đai được công nhận lần đầu tiên dưới nhà Tần, qua những cuộc cải cách ruộng đất của Thương Ưởng, giới hạn lúc đầu ở nước Tần, rồi mở rộng ra cả Trung Quốc sau khi vị hoàng đế Trung Hoa đầu tiên thống nhất được nước Tàu. Kể từ lúc đó, từng lớp nông dân chia ra làm nhiều thành phần, điền chủ, tá điền, cố nông, nông nô. Trong lúc một số nông dân trở thành khá giả, số phận của đại đa số còn lại trở nên bấp bênh hơn. Dưới thời Vũ Đế, dân số nông nô gia tăng nhanh chóng và hợp thành một tầng lớp mà nhà nước Trung Hoa qua các thay đổi triều đại đã không bao giờ làm giảm được. Trong hơn hai thiên niên kỷ, mâu thuẫn quyền lợi giữa điền chủ và nông dân không ruộng là cái được thua của những chính sách ruộng đất khác nhau và cùng là yếu tố quyết định sự ổn định của các triều đại. Vương Mang và Vương An Thạch (một danh thần triều Tống) đã toan cải cách ruộng đất theo đường hướng nâng đỡ từng lớp bản nông nhưng đã bị đối lập địa chủ đánh đổ. Trái lại, nhà Hán, nhà Đường và nhà Tùy đã suy sụp vì đã không ngăn chặn được tiến trình bản cùng hóa nông dân.

Vào thế kỷ XVII, Trung Quốc bước vào tình cảnh mà một số sử gia gọi là "tiền tư bản", đánh dấu bởi sự phát triển của các ngành công thương. Tuy nhiên, khác với Nhật Bản, sự di chuyển của các điền chủ về thành phố đã không đưa đến việc chuyển giao sở hữu đất đai cho nông dân. Trái lại, sự bành trướng của nền kinh tế tiền tệ làm cho áp lực trên nông dân còn nặng nề hơn vì từ rày sắp tới họ phải đóng thuế bằng tiền trong lúc nông sản ngày càng mất giá. Tiền vay nặng lãi xâm nhập thôn quê và đẩy mạnh thêm quá trình bản cùng hóa giai cấp nông dân. Những chương trình cải cách ruộng đất dưới nhà Minh và nhà Thanh đã chỉ cải thiện được đời sống nông dân trong đoạn đầu. Tới lượt họ, các triều Minh và Thanh bị những cuộc nổi dậy của nông dân lung lay trầm trọng trước khi bị ngoại xâm xóa bỏ.

Lịch sử Trung Hoa không thiếu những

cuộc khởi nghĩa nông dân nhưng chúng thường mang nặng màu sắc mê tín (các giáo phái Hoàng Càn vào năm 184, Bạch Liên vào năm 1796) hoặc giặc loạn (phong trào Xích My vào năm 23, Tam Hợp Hội vào thế kỷ XVII) thay vì là những phong trào có kích thước chính trị. Lý do vì chế độ làng xã Trung Hoa không là một hệ thống phát huy ý niệm công dân. Mỗi làng thường do một gia tộc duy nhất chiếm đóng. Đời sống gia đình cũng như sinh hoạt cộng đồng đều do những trưởng tộc chi phối. Trưởng tộc là người đàn ông lớn tuổi nhất trong họ hàng nhưng nguyên tắc "quyền huynh thế phụ" có thể đưa đến những trường hợp mà người trẻ chỉ huy người già chỉ vì vai thứ chứ không do tài năng. Trưởng làng cũng như các thành viên hội đồng kỳ mục đều là những trưởng tộc. Dù sao đi nữa, phạm vi quyền lực của những người này cũng rất giới hạn vì họ không được nhà nước Trung Hoa công nhận một cách chính thức. Đơn vị hành chính nhỏ nhất trong đế chế Trung Hoa là quận, mỗi quận gồm có khoảng tám ngàn người, tức từ mười đến hai mươi làng. Quận trưởng là một thân sĩ do chính quyền trung ương chỉ định. Đặc quyền đặc lợi của các quận trưởng khá quan trọng: họ được miễn quân dịch và lao dịch và được giảm thuế ruộng đất. Nói tóm, quyền lợi cũng như văn hóa của các quận trưởng đối lập hoàn toàn với những người mà họ quản lý. Bị kẹp giữa các quan lại và những trưởng tộc, đại đa số người dân không có tiếng nói.

### "Phép vua thua lệ làng" ở Việt Nam

Mô hình Việt Nam nằm giữa trường hợp Nhật Bản và Trung Quốc. Người ta có thể nói một cách vắn tắt là hệ thống sở hữu điền địa của nước ta nghiêng về mô hình Trung Quốc nhưng cơ cấu làng xã gần với mô hình Nhật Bản.

Hệ thống sở hữu ở Việt Nam bắt nguồn từ ý niệm lợi ích tập thể. Nguyên tắc nền tảng ở đây là đất đai thuộc người canh tác. Đó là một bắt buộc đối với một dân tộc đông đảo sinh sống trên một mảnh đất eo hẹp. Nhà nước chiếm giữ ưu thế tuyệt đối vì là thực thể duy nhất có khả năng đáp ứng hai nhu cầu cốt tử muôn thuở của Việt Nam là đề phòng ngoại xâm và xây cất bờ đê. Đất hoang vu không thuộc ai cả. Chủ nhân là người khai phá nhưng điền địa bỏ hoang có thể bị chính quyền tịch thu. Một phần nào đó, người ta có thể nói rằng nguyên tắc này đã được áp dụng với cả con người, hiểu rằng xã hội thời xưa coi như vô dụng những phần tử ở ngoài lề xã hội: vào năm 1266, vua Thánh

Tông cho phép các nhà quý tộc cường nhập dân phiêu bạt vào các công cuộc khẩn hoang. Dân gian cũng có quyền chiếm hữu những lãnh địa mà họ khai khẩn, song khuyết điểm chủ chốt của xã hội xưa là không có những biện pháp để bảo vệ những thành phần yếu kém: mất mùa, loạn lạc là những cơ hội để quý tộc, quan lại và đại điền chủ chiếm đoạt công trình của người cày và biến nông dân tự do thành những tá điền, cố nông. Vì thế, sở hữu tối hậu của nhà vua trên toàn thể lãnh thổ quốc gia được coi như phương pháp duy nhất để khắc phục những lạm dụng. Đối với các triều đại chiến thắng, cải cách ruộng đất vừa là điều cần thiết để điều hòa xã hội, vừa là một phương tiện để đánh dấu chế độ mới. Nhằm phá vỡ sức mạnh của các nhà quý tộc, vua Hồ Quý Ly ra lệnh hạn chế tầm vóc của những tư điền. Hành động đầu tiên của vua Lê Thái Tổ sau khi lên ngôi là phân chia đất đai của quân Minh và bọn Việt gian. Sau khi chinh phục được toàn cõi đất nước, vua Quang Trung cải cách ruộng đất theo định hướng tập thể: lãnh địa của những thành phần đã chống phong trào Tây Sơn, điền địa bỏ hoang quá thời hạn quy định bị tịch thu và sáp nhập vào công thổ. Thảm kịch của nước ta từ xưa đến nay là luôn luôn dao động giữa chế độ tư hữu bị cường hào ác bá thống lĩnh và sở hữu tập thể, khiến cho nông dân ít khi làm chủ được những mảnh đất mà họ cày cấy.

Nếu quyền sở hữu đã không là một yếu tố để phát huy tinh thần tự quản của nông dân Việt Nam, tổ chức làng xã lại là một phương tiện hiệu lực để dân quê nước ta có được rất sớm ý thức công dân. Làng xóm Việt Nam không khác làng xã Trung Hoa về mặt cấu trúc vì cả hai cơ chế đều dựa vào hệ thống gia tộc. Hai điểm chính làm cho làng xóm nước ta không giống mô hình phương bắc là chủ nghĩa nhơn bản đặc thù của người Việt Nam và mối quan hệ giữa làng xã và chính quyền trung ương. Người Việt đã luôn luôn có một quan niệm về con người bình đẳng hơn các dân tộc Nho giáo khác, đặc biệt về chỗ đứng dành cho phụ nữ và thanh niên, có lẽ vì những nguồn gốc mà chúng ta chia sẻ với người Mường, một dân tộc áp dụng chế độ mẫu hệ (đọc thêm bài *Bản sắc dân tộc và giá trị Tây phương* của Vũ Thiệu Hân, *Thông Luận* 7&8-97). Điều đó đã làm cho sinh hoạt cộng đồng trong làng vô cùng cởi mở so với trường hợp Trung Hoa. Những cuộc bầu cử lý dịch thường diễn ra trong không khí sôi nổi vì tánh cách đa nguyên của người ứng cử. Mặt khác, chúng ta cũng không nên cấp cho tổ

chức làng xã Việt Nam những đặc tính dân chủ mà nó không có. Tư cách ứng cử viên dành cho dân nội tịch tức những người bản xứ có bề thế. Có làng mở rộng tư cách cử tri cho toàn phái nam từ 18 tuổi trở lên nhưng ở một số làng khác, chỉ có dân nội tịch mới có quyền bầu. Nhà nước Việt Nam không những thừa nhận các định chế làng xã mà về việc công, còn chỉ muốn biết đến toàn xã chứ không đi thẳng tới người dân: trong các việc thu thuế, bắt lính, mộ phu, nhà nước giao cho mỗi làng phần nhứt định rồi dân làng tùy liệu với nhau. Nhờ được rèn luyện tinh thần công dân, dân quê Việt Nam ít khi rơi vào những phong trào khởi nghĩa có tánh cách dị đoan hay thổ phỉ. Họ chỉ đi theo những lãnh tụ đề xướng những dự án chính trị quốc gia như hai bà Trưng, Ngô Quyền, Hồ Quý Ly, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, v.v. Không phải là ngẫu nhiên mà những hiện tượng giặc cướp quy mô (Cờ Đen, Cờ Vàng, Bình Xuyên) đã xuất hiện trong lịch sử Việt Nam vào những lúc và ở những nơi mà căn cước dân tộc bị tha hóa nhứt.

### Cải tổ hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc

Về khả năng đóng góp của giai cấp nông dân trong những tiến trình dân chủ, dựa trên các tiêu chuẩn nêu trên, chúng ta có thể sắp Nhật Bản vào hạng đầu, sau đó là Việt Nam và cuối cùng là Trung Quốc. Điều này được kiểm chứng không những với những cuộc khởi nghĩa thời xưa mà ngay khi chúng ta nghiên cứu các cuộc nổi dậy hiện đang xảy ra ở hai nước cuối. Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) đã rơi vào số phận của những triều đại hình thành trên chính nghĩa giải phóng những thành phần áp bức nhưng đã không cải thiện được đời sống của bình dân. Nhằm cứu vãn một chế độ không còn chính đáng, họ có ý đồ phục hồi tổ chức hương ước ngày xưa. Tuy nhiên, chúng ta có thể tiên đoán mà không sợ là chủ quan rằng mưu toan này sẽ thất bại bởi vì chế độ tự trị làng xã trái ngược hoàn toàn chủ nghĩa tập trung dân chủ mà ĐCSVN đề cao. Chiến lược vượt ve truyền thống của ĐCSVN vô vọng như mưu kế nguy trang ách đô hộ bằng hương chức của chính quyền thực dân Pháp. Đối với dân dã, cán bộ địa phương ngày càng giống bọn cường hào ác bá tay sai của chế độ Pháp thuộc. Liệu người dân chủ Việt Nam có khả năng lợi dụng những mâu thuẫn của chế độ hiện hữu để thực hiện "bước nhảy biện chứng" lôi kéo đất nước khỏi nạn nô lệ và tụt hậu không? Muốn thế, người dân chủ Việt

Nam phải có can đảm thực hiện một thay đổi căn bản và phục hồi một định chế truyền thống.

Cải tổ cơ sở mà chúng ta phải thi hành mạnh dạn là thiết lập quyền tư hữu nhà đất ở Việt Nam. Lịch sử chứng minh rằng vai trò chánh trị của tư hữu vượt hẳn cái quyền "sử dụng tùy ý" mà người ta thường nghĩ đến. Về mặt tâm lý, tư hữu là một phương pháp hữu hiệu để phát huy tinh thần trách nhiệm và khả năng sáng kiến. Trên bình diện chánh trị, tư hữu là bước đầu trên con đường đưa đến nhà nước pháp trị vì xác định rằng đất đai không chỉ thuộc nhà nước và chánh quyền không thể làm bất cứ điều gì mình muốn với của cải của người dân là bắt đầu thừa nhận nguyên tắc phân quyền. Điều mà chúng ta cần lưu ý là tư hữu không là một mục đích hiển nhiên đối với mọi người dân chủ như chúng ta có thể tưởng. Có người dân chủ e ngại tư hữu cũng như có kẻ yêu chuộng tư bản nhưng ngờ vực dân chủ. Thiết ra, tư bản và dân chủ là hai mặt của chiếc huy chương vì cả hai đều dựa vào những nguyên tắc tranh đua, lựa chọn và hợp đồng. Xây dựng một chế độ dân chủ không có tư hữu là một ảo tưởng như thiết lập một xã hội tư bản phi dân chủ.

Định chế chánh trị mà chúng ta phải tái thiết - và hiện đại hóa - là chế độ tản quyền. Chế độ tản quyền ngược với nạn sự quân như quân chủ lập hiến đối lập quân chủ chuyên chế. Một bên là những cường hào ác bá do chánh quyền trung ương bỏ nhiệm nhưng không có khả năng hay ý chí kiểm soát. Bên kia là những nhơn vật địa phương do dân tuyển chọn, giám sát và thường phạt. Chúng ta cũng đừng sợ rằng chế độ tản quyền gây thêm chi tiêu vì một nhà nước quan liêu do tánh tập trung luôn luôn gây nhiều phung phí hơn một chế độ tản quyền được dân chúng theo dõi thường xuyên. Gánh nặng cho dân là lạm quyền và tham nhũng chứ không phải một vài định chế có tác dụng mở rộng dân chủ và đem nó đến gần với quần chúng hơn. Tuy rằng nó là một trong những thể chế tập trung nhứt trên thế giới, mặc dầu nó đã bỏ rơi các nhiệm vụ đào tạo, chăm sóc và nâng đỡ người dân, nhà nước Việt Nam hiện tại vẫn tốn kém gấp bội các liên bang Đức, Huê Kỳ hoặc Thụy Sĩ. Trong cuộc tranh luận về giá trị phổ cập và bản sắc dân tộc, dân chủ tản quyền phải được xem như một cơ may để chúng ta đi tới hiện đại bằng cách phục hồi truyền thống.

*Diệp Tường Bào*

*Nhân cuộc vận động tranh cử quốc hội tại Kampuchea:*

## **Nhìn lại quan hệ Việt Nam - Kampuchea**

*Nguyễn Văn Huy*

Cuộc bầu cử quốc hội tại Kampuchea vào tháng 7 sắp tới đây hứa hẹn nhiều biến động quan trọng. Các ứng cử viên, trong và ngoài chính quyền, đang tìm đủ mọi cách tranh thủ quần chúng, lập luận "chống" hay "bài Việt Nam" có lẽ là mẫu số chung được các ứng cử viên đối lập dùng để vận động tranh cử.

Tại sao người Kampuchea thù ghét Việt Nam đến thế? Câu hỏi này đáng được chúng ta quan tâm và suy nghĩ tìm lời giải thích. Kampuchea là một quốc gia bạn nằm sát cạnh Việt Nam, bất cứ biến cố nào xảy ra tại đây đều ảnh hưởng đến Việt Nam, nhất là tính mạng của đồng bào ta định cư trên đất nước này.

Một giải thích trong nhiều giải thích là tìm hiểu lịch sử dân tộc bạn, nó rất cần thiết cho những người ai quan tâm đến sự ổn định của khu vực Đông Nam Á nói chung và trên bán đảo Đông Dương nói riêng. Năm bắt được mạch suy nghĩ của một dân tộc, chúng ta có nhiều hy vọng tìm ra lời giải đáp cho bài toán phức tạp về sự hiện diện của người Việt trên đất Chùa Tháp và đồng bằng sông Cửu Long. Dĩ nhiên, đây chỉ là một suy nghĩ cá nhân, chắc chắn còn nhiều thiếu sót, nhưng ít ra cũng mở ra một cách nhìn mới, khác với cách nhìn của người ngoài cuộc.

Qua một số bài phân tích về tình hình chính trị tại Kampuchea gần đây, giới báo chí Việt Nam hải ngoại thường làm công tác dịch thuật các bài báo quốc tế và bình luận quan hệ Việt Nam - Kampuchea theo quan điểm của tác giả những nguồn tin đó. Đây là một việc làm hữu ích, nhưng chưa đủ. Việt Nam cộng sản hay Việt Nam quốc gia đều là Việt Nam, quan hệ Việt Nam và Kampuchea cần được nhìn lại một cách đúng đắn vì quyền lợi lâu dài của chúng ta.

Nhìn lại quan hệ Việt Nam - Kampuchea do đó là nhìn lại lịch sử hình thành nước Kampuchea, qua đó chúng ta sẽ hiểu những yếu tố cấu tạo nên tâm lý của người Khmer cũng như những hậu quả của nó, đồng thời cùng để giải tỏa một số ngộ nhận và để cảm thông lẫn nhau. Vì dù muốn hay không, hai dân tộc Việt Nam và Kampuchea còn phải đi chung với nhau một đoạn đường dài tiến về tương

lai, một tương lai khó khăn cho những dân tộc chưa gặp hạnh phúc.

### **Hình thành và tan rã trong khói lửa**

Từ đầu thiên niên kỷ thứ nhất, những nhóm dân cư Mélanésien, Indonésien và Môn sinh sống quanh vịnh Thái Lan và lưu vực sông Cửu Long thành lập vương quốc Phù Nam. Người Môn do sớm hấp thụ nền văn minh Ấn Độ đã nắm vai trò lãnh đạo, các sắc dân bản địa khác hoàn toàn tan biến trong cộng đồng người Môn. Sinh hoạt chính Phù Nam là thương mại, thương buôn Ấn Độ đã đến cảng Oc Eo (cạnh Hà Tiên) trao đổi và lập thương điểm. Để gia tăng thương vụ, người Phù Nam tiến sâu vào lục địa tìm kiếm phẩm vật, đồng thời khuất phục luôn những sắc dân yếu kém và truyền bá nền văn minh Ấn Độ. Ảnh hưởng của vương quốc Phù Nam tỏa rộng đến miền Nam Lào.

Những sắc dân bản địa có lẽ đã bị người Phù Nam bóc lột quá đáng nên người "Kambuja" ("những đứa con của Kambu" sau này được biết dưới tên Khmer) từ cao nguyên Korat (Bắc Kampuchea và Nam Lào) tràn xuống trung thổ sông Mékong đánh đuổi người Môn vào cuối thế kỷ thứ 5. Đến giữa thế kỷ thứ 6, người Khmer thống trị toàn bộ lãnh thổ Phù Nam và thành lập vương quốc Chân Lạp. Phương pháp thanh lọc của người Khmer có lẽ đã rất tàn bạo nên yếu tố Môn mất hẳn trong sinh hoạt dân gian. Những nhóm người Môn sống sót, hoặc chạy sang các vùng đồng bằng sông Ménam và Irrawaddy tị nạn, hoặc lên vùng Tây Nguyên trốn tránh.

Sau khi thiết đặt xong hệ thống cai trị, nội bộ giai cấp lãnh đạo Khmer chia rẽ. Các dòng vương tôn tranh chấp lẫn nhau và quốc gia mới vừa thành lập phân rã thành nhiều lãnh địa: ban đầu là Thượng Chân Lạp (Nam Lào ngày nay) và Hạ Chân Lạp (khu vực quanh Biển Hồ và hạ lưu sông Mékong), và đến giữa thế kỷ thứ 8 có tới năm lãnh địa khác nhau. Nội chiến đã làm Chân Lạp suy kiệt và bị người Mã Lai chiếm đóng, gia tộc các dòng vương tôn Khmer bị bắt đưa về Java cầm tù. Đầu thế kỷ thứ 9, một vương tôn Khmer đào thoát khỏi đảo Java, trở về quê

cũ kêu gọi dân chúng nổi lên chống lại người Mã Lai. Trong một thời gian ngắn, ông đã giành lại chủ quyền và lên ngôi vua, hiệu Jayavarman II, đặt "thủ đô" tại Phnom Kulen, mở ra triều đại Angkor.

Jayavarman II chọn Bà La Môn làm quốc giáo và cho xây dựng nhiều đền đài thờ phượng các vị thần của tôn giáo đó. Các đời vua sau tiếp tục phát triển khu vực quanh vùng Tây-Bắc Biển Hồ, sau này được biết nhiều dưới tên Angkor. Họ cho xây thêm nhiều nhiều dinh thự đồ sộ và bền chắc hơn, đào hồ chứa nước, lập kho dự trữ để nuôi một lực lượng lao động khổng lồ chuyên xây dựng đền đài quanh Angkor (nay thuộc tỉnh Siem Reap, phía Tây-Bắc Biển Hồ). Thế kỷ 12 và 13 có lẽ là hai thế kỷ rực rỡ nhất của triều đại Angkor (các đền Angkor Vat và Angkor Thom được xây dựng trong khoảng thời gian này) và cũng là hai thế kỷ đầy thảm kịch. Văn minh Angkor càng sáng chói bao nhiêu, đời sống dân chúng cơ cực bấy nhiêu. Tài nguyên nhân vật lực trong nước bị tập trung quá đáng vào việc xây dựng đền đài ngày càng hao kiệt. Tranh chấp nội bộ và chiến tranh với các lân bang càng làm dân số Khmer giảm sút.

Để trang hoàng các đền đài và bổ xung nguồn nhân lực, các vị vua Khmer tung quân đánh chiếm khắp nơi, cướp kho tàng và lung bắt nô lệ. Những nhóm người Thái từ cao nguyên Vân Nam chạy loạn Mông Cổ, cuối thế kỷ 12 và đầu thế kỷ 13, lập nghiệp dọc lưu vực sông Ménam bị người Khmera bắt về làm nô lệ. Những nhóm người Môn trốn chạy các cuộc thanh trừng của người Khmer trước kia, định cư tại lưu vực sông Irrawaddy (Miến Điện), và các nhóm thiểu số sinh sống trên vùng Tây Nguyên cũng không thoát nạn. Chính sách thâu gom triệt để nguồn lao động làm nhiều vùng sầm uất trước kia dọc bán đảo Mã Lai và vịnh Thái Lan như hải cảng Óc Eo trở nên hoang phế.

Angkor trở thành nơi tập trung dân số đông nhất và cũng là miền đất của lầm than và đày đọa. Người Khmer cùng những nhóm nô lệ Môn và Thái, không chịu đựng nổi cuộc sống cơ cực và sự hành hạ của giai cấp cầm quyền, đã trốn vào rừng sâu hoặc tìm về nơi sinh trú cũ. Người Thái tự kết hợp lại và thành lập triều đại Sukothai trên bờ sông Ménam đối đầu với Angkor. Khu vực đế đô ngày càng trống vắng, những cuộc săn lùng nô lệ càng triệt để và tàn nhẫn hơn, cuối cùng người già, đàn bà và trẻ con đều bị bắt làm nô lệ. Những nhóm thiểu số sinh trú miền

Nam Lào tham gia vào các cuộc săn bắt nô lệ bán lại cho người Khmer.

Đầu thế kỷ 14, một số hoàng thân Khmer chán ghét tinh thần bạo lực của giáo lý Bà La Môn đã chọn sự hiền hòa của Phật giáo. Tranh chấp tôn giáo liên diễn ra, cuối cùng họ thắng thế và lấy Phật giáo tiểu thừa làm quốc giáo. Những công trình đồ sộ tôn thờ các vị thần Bà La Môn bị bỏ rơi, nhiều chùa nhỏ được xây lên.

Lợi dụng sự rã rời của người Khmer, vào giữa thế kỷ 14, các vị vua Thái triều đại Ayuthia tổ chức đánh phá Chân Lạp. Cuộc chiến kéo dài gần 100 năm (1351-1431) và cuối cùng quân Thái đại thắng. Đế đô Angkor bị thiêu rụi, tất cả những công trình, dinh thự, hệ thống đê điều và khu canh tác lương thực bị phá sạch, người Khmer bị bắt về Xiêm La làm nô lệ. Sự trả thù của người Thái có lẽ đã rất tàn bạo, khu vực Bắc Biển Hồ trở thành miền đất chết, nền văn minh Angkor bị xóa hẳn trong ký ức người Khmer trong suốt nhiều thế kỷ. Lãnh thổ Tây-Bắc Kampuchea bị sát nhập vào Xiêm La, phần đất phía Đông-Nam bị đặt dưới quyền cai quản của người Thái trong suốt hơn hai trăm năm. Nền văn minh Angkor chỉ được hồi sinh trở lại năm 1851 khi nhà thiên nhiên học Henri Mouhot, đi tìm một vài loại côn trùng hiếm tại tỉnh Siem Reap, đã vô tình phát hiện những đền đài Angkor bị vùi lấp giữa đám cây rừng.

Nhắc lại lịch sử nước Kampuchea trước kia là để nói lên ba sự kiện nổi bật:

Một là, người Khmer luôn là nạn nhân của tinh thần cực đoan và bạo lực. Có trình độ văn hóa cao và sống trên một vùng đất phì nhiêu, người Khmer có đủ điều kiện để trở thành một dân tộc giàu mạnh, nhưng họ không có may mắn đó. Tinh thần dân tộc cực đoan, sự đề cao quá đáng bạo lực của giai cấp chiến sĩ Bà La Môn đã biến miền đất này thành lò hỏa ngục. Triều đại Angkor được hình thành trên bạo lực, tồn tại trong bạo lực và tan rã bởi bạo lực. Từ thế kỷ 15 đến cuối thế kỷ 19, họ còn là nạn nhân của bạo lực người Thái. Những cuộc trả thù báo oán của người Thái đã làm dân số Chân Lạp sút giảm nặng nề và dân tộc Khmer bị chia rẽ.

Hai là, do bị sát hại quá nhiều và quá lâu, trả thù báo oán đối với một số người trở thành một bản năng tự vệ. Khi sử dụng bạo lực để diệt trừ bạo lực, người Khmer trở thành nạn nhân của chính bạo lực đó. Lịch sử Kampuchea là sự lặp đi lặp lại của những chu kỳ bạo lực và trả thù báo oán. Đạo Phật là một tôn giáo hiền hòa, mặc dù

được nâng lên hàng quốc giáo, không đủ khả năng hóa giải những tị hiềm giữa người Khmer với nhau. Ý thức quốc gia dân tộc chỉ giữ một vị trí nhỏ trong những tranh chấp nội bộ, các phe phái sẵn sàng áp dụng bạo lực tiêu diệt kẻ thù.

Ba là, sự tan rã của Chân Lạp không đến từ phía Đông. Từ thế kỷ thứ 15 Chân Lạp không còn là một thực thể quốc gia theo đúng nghĩa của nó. Phần nửa lãnh thổ phía Tây Kampuchea đã bị sát nhập vào Xiêm La. Tại phía Đông, những cuộc tranh quyền, chém giết lẫn nhau giữa các vị vương Khmer càng làm cho phần đất còn lại này thu hẹp lại và bị người Thái khống chế. Sự khắc nghiệt của người Thái có lẽ đã làm người Khmer sợ hãi, họ tìm sự nương tựa hơn là chống đối.

### **Khai phá đồng bằng sông Cửu Long**

Không chịu đựng mãi ứ hẹp của người Thái, đầu thế kỷ 17 một vị vương Khmer, Chey Chetta II, cho người sang Việt Nam cầu cứu Sài Vương Nguyễn Phúc Nguyên. Kể từ ngày đó người Thái hết còn làm mưa làm gió trên đất Chùa Tháp và người Việt Nam bắt đầu có mặt trên đồng bằng sông Cửu Long. Quân Việt Nam đã nhiều lần can thiệp vào nội tình Chân Lạp theo lời yêu cầu của các vị vương Khmer, và sau mỗi lần can thiệp thành công các chúa Nguyễn đều được tặng đất để tạ ơn. Đồng bằng sông Cửu Long và vùng bờ biển Rạch Giá ngày nay là kết quả của những tặng phẩm đó.

Đồng bằng sông Cửu Long, trước thế kỷ 17, là một vùng đất vô chủ, sinh lầy, đầy rẫy rít, muối mòng và thú dữ. Theo nhiều nguồn sử liệu, trước khi người Pháp can thiệp quân sự năm 1861, nơi đây có khoảng 40.000 người Khmer cư ngụ, tổ tiên những người này đã trốn chạy sự đàn áp của quân Xiêm đến đây định cư và sinh sống. Họ không nộp thuế khóa cho ai và cũng không biết lệ thuộc triều vương hay lãnh chúa nào. Chỉ một số ít gia đình Khmer còn liên lạc trao đổi với đồng lương trong nội địa. Khi Chey Chetta II tặng chúa Sài đất Đồng Nai làm quà cưới năm 1620, ông cũng tặng luôn những nhóm dân cư lẻ tẻ sinh sống tại đó. Vùng đất này chỉ được khai phá năm 1679 khi những binh sĩ nhà Minh đến Việt Nam xin tị nạn và được chúa Nguyễn cho về Đồng Nai lập nghiệp, người Việt chỉ có mặt tại miền Nam từ 1698 mà thôi. Tỉnh Rạch Giá được hội nhập vào lãnh thổ Việt Nam cũng là công lao của gia đình họ Mạc, người Hoa nhà Minh tị nạn, trong suốt thế



kỷ 18. Nếu kể hết những vùng đất được các đời vua Khmer trao tặng, cả khu vực bờ biển quanh đảo Phú Quốc, từ Rạch Giá đến cảng Kompong Som đều thuộc Việt Nam. Vùng bờ biển này đã được hoàn lại cho người Khmer khi Pháp trực tiếp bảo hộ Kampuchea năm 1863 và kể từ đó chưa bao giờ Việt Nam lên tiếng đòi lại.

Về sự can thiệp của Việt Nam trên đất Kampuchea và việc khai phá miền Nam trước kia, lập luận của Tây phương - nhất là thực dân Pháp, sau này của nhiều người Khmer quá khích và kể cả một số người Việt ít hiểu biết - cho rằng nếu không có sự can thiệp của người Pháp, có lẽ Việt Nam đã thôn tính Chân Lạp. Những lập luận này đầy ác ý và không có cơ sở. Người Việt không hề có tham vọng lấn chiếm đất đai của Chân Lạp. Tưởng cũng nên nhắc lại là người Khmer trước kia là một dân tộc lục địa, sống bằng nghề trồng lúa nước, tập trung quanh khu vực Biển Hồ và trung lưu sông Mêkong, biển cả gần như xa lạ đối với người Khmer.

Đọc lại sử liệu xưa, của người Khmer (*Chroniques royales du Cambodge* của Mak Phœun và Khin Sok, EFEO, Paris, 1981, *Le Cambodge entre le Siam et le Vietnam (de 1775 à 1860)*, Khin Sok, EFEO, 1991) và của Việt Nam, không có đoạn nào ghi chép Việt Nam chiếm đất của người Khmer. Một nhận xét là các "sử gia" Khmer thường lờ đi những trao đổi đất đai của các dòng vua xưa trong giai đoạn 1620 đến 1714 và lên án Việt Nam đã "lường gạt" chiếm đất. Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là một chuỗi dài những tặng phẩm mà các vị vương Khmer tặng nhà Nguyễn trong hai thế kỷ 17 và 18 để tạ ơn sau khi được giúp đỡ (xem *Người Hoa tại Việt Nam* của Nguyễn Văn Huy, nhà xuất bản Ben NGUYEN, Costa Mesa, California, Hoa Kỳ, 1993).

Ở đây cũng xin mở một dấu ngoặc về vấn đề tặng đất, ranh giới và quốc tịch. Tặng đất đối với người Khmer là một cử chỉ thần phục, hơn nữa những vùng đất tặng không có gì quan trọng vì trên thực tế họ đã mất quyền kiểm soát từ lâu. Không riêng gì người Việt Nam, người Thái cũng được tặng đất và còn được tặng nhiều. Những tỉnh Chantaburi, Prachinburi, Buriram, Xurin, Xixakhet và Ubon Ratchanatari ngày nay của Thái Lan trước kia là những vùng đất do các vị vua Khmer dâng tặng hoặc bị tịch thu. Về ranh giới, trước khi người Pháp xâm chiếm toàn cõi Đông Dương (1893), ranh giới giữa các quốc gia chỉ là một khái niệm

tương đối. Khác với Tây phương, ranh giới các quốc gia Á Châu là một giá trị tinh thần, nó được xác định qua uy tín của các triều vương. Uy danh của nhà vua tỏa rộng đến đâu, chủ quyền đất đai của vương triều nói rộng tới đó, khi một triều đại suy đồi thì ranh giới của vương triều đó bị thu hẹp hoặc biến mất. Không có vấn đề xác định một cách cứng nhắc ranh giới qua các cột mốc như ngày nay, do đó ranh giới giữa các quốc gia ngày xưa co dân tùy uy danh của mỗi vị vương. Quốc tịch cũng là một khái niệm tương đối, dân chúng ngày xưa xác định bản thể qua sự thần phục một triều vương. Nơi nào dân cư không nộp thuế khóa hay không triều cống phẩm vật, không biết ai cai trị mình, nơi đó "vô chủ". Tuy nhiên cũng không thể khẳng định vùng đất nào vô chủ hoàn toàn khi đã có người sinh trú tại đó. Yếu tố ngôn ngữ, phong tục tập quán cũng là một yếu tố để xác định nhóm dân cư bản địa thuộc ảnh hưởng văn hóa của một triều đại nào đó nhưng không mang tính lệ thuộc. Vào cuối thế kỷ 17, người Khmer sinh cư tại đồng bằng sông Mêkong được sự bảo vệ của Việt Nam. Những người này còn được tuyển dụng sang Chân Lạp giúp đỡ các vị vương Khmer. Một trong những danh tướng Khmer thời Gia Long là thống chế Nguyễn Văn Tồn (tên Khmer là Duôn), có công giữ thành La Bích (Phnom Penh) và đảo kinh Vinh Tế.

Việc mở mang và phát triển đồng bằng sông Cửu Long đã đem lại nhiều lợi ích cho người Khmer. Nhìn lại địa lý kinh tế chính trị của Kampuchea ngày nay, đời sống vật chất của người Khmer tại phía Đông Nam sung túc và ổn định hơn các nơi khác, kể cả khu vực Battambang (chịu nhiều ảnh hưởng của người Thái). Thành công này phần lớn do những người Hoa và người Việt di cư; dịch vụ thương mại, ngư nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Kampuchea nói chung và thủ đô Phnom Penh nói riêng phát triển phần lớn cũng nhờ vào sự có mặt hai cộng đồng mới này. Riêng tại đồng bằng sông Cửu Long, cộng đồng người Khmer có mức sống khá hơn đồng hương tại quê mẹ. Miền Nam còn là thị trường tiêu thụ và cung cấp hàng hóa chính của Kampuchea. Kampuchea không thể tách rời khỏi sinh hoạt kinh tế của Việt Nam, an ninh của Kampuchea cũng là an ninh của Việt Nam.

### **Sự can thiệp và ảnh hưởng của Việt Nam trên đất Kampuchea**

Những đột biến chính trị gần đây trên

đất Kampuchea gây nhiều chú ý trong dư luận quốc tế. Cả thế giới gần như đều lên án "cú đảo chánh" của Hun Sen tháng 7-1997. Báo chí người Việt hải ngoại tường thuật lại sự kiện một cách tỉ mỉ, một vài tác giả cũng đưa ra những lời phê phán gay gắt cả nhân Hun Sen, và lên tiếng ủng hộ thái tử Norodom Ranariddh. Sự kiện này cần được phân tích kỹ, nhất là đối với người Việt, để tránh những hiểu lầm đáng tiếc có thể xảy ra sau này.

Tưởng cũng nên nhắc lại là từ giữa thế kỷ 15 vương quốc Angkor không còn là một thực thể chính trị nữa. Phần đất phía Tây đã thuộc về người Thái, phần đất phía Đông còn lại là những giang sơn nhỏ cai trị bởi những tiểu vương tranh chấp lẫn nhau dưới sự điều khiển của người Thái. Từ thế kỷ 17, sự hiện diện của người Việt trên vùng đất này làm thay đổi hẳn cục diện chính trị tại đây, người Khmer không còn sợ người Thái như trước.

Mặc dầu can thiệp nhiều lần vào nội tình Kampuchea, Việt Nam không hề có ý định thôn tính xứ này. Tất cả những can thiệp có từ giữa thế kỷ 17 cho đến nay đều do người Khmer yêu cầu. Có thể trong quá khứ một vài vị tướng Việt Nam đã tỏ ra nghiêm khắc với một vài phần tử nguy hiểm, nhưng chưa bao giờ đặt người cai trị trực tiếp. Trấn Tây Thành chỉ là tên một tên gọi quân sự vùng đất phía Tây thành Gia Định để chống lại sự xâm lăng của Xiêm La trên đất Chân Lạp, và chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn (1835-1840). Chuyện Trương Minh Giảng "cắt đầu người Khmer xây lò nấu cơm" là một bịa đặt trắng trợn dưới thời Pháp thuộc, nó có mục đích xúi dục người Khmer thù ghét người Việt. Thời đó, quân Việt Nam thường nấu cơm bằng củi trên những lò ba chân, tại Chân Lạp quân nhà Nguyễn thường lấy ba cục đá ong kê làm chân lò, do bị đun nóng những cục đá này trở sang màu trắng nhìn từ xa giống những sợ người. Trương Minh Giảng có thể là một vị tướng nghiêm khắc nhưng chưa bao giờ là một hung thần, hơn nữa không người Việt nào dù có căm hận kẻ thù đến đâu cũng không bao giờ có những hành vi tàn ác như thế.

Người Việt có đủ lý do để tự hào rằng nếu không có sự can thiệp của Việt Nam trên đất Chân Lạp, chủ quyền và lãnh thổ của nước này có lẽ đã mất. Quân Xiêm La trong thời gian 1812 đến 1860, ngoài khu vực phía Tây (Battambang, Siem Reap, Pursat và Kokong) là đất Xiêm La, đã chiếm nhiều vùng đất rộng lớn vùng phía

Đông còn lại (Pretviha, Stung Treng, Kratié và Kompong Thom ngày nay). Cũng trong thời gian đó, tranh chấp quyền bính giữa các hoàng tôn Khmer càng làm Chân Lạp lệ thuộc vào người Thái. Sau cùng thái tử Ang Voddey (Norodom I) được người Pháp đưa lên cầm quyền và nhận sự bảo hộ của Pháp (1863). Pháp đã làm áp lực quân sự với Xiêm La để lấy lại những phần đất do người Thái chiếm đóng ở phía Tây Bắc năm 1867 và các tỉnh Battambang và Siem Reap năm 1907. Norodom I đã nhờ quân Pháp loại em của mình, Si Votha, và đạo sĩ Pou Kombo, con cựu cố vương Ang Chan II, để củng cố địa vị. Quan hệ với Pháp, Chân Lạp có phần ổn định nhưng Kampuchea mất chủ quyền (1884), thực dân Pháp ồ ạt vào khai thác và chiếm giữ những địa thế kinh tế tốt tại nông thôn và các thành phố lớn. Pháp tự tiện định vị ranh giới Việt Nam tại vùng đồng bằng sông Mékong theo yêu cầu của các chủ đồn điền và giới tài phiệt Pháp, như để tỉnh Svayrieng lấn sâu vào lãnh thổ Việt Nam và đem Kompong Som cùng Kampot sát nhập vào Cambodge để có ngõ vận chuyển hàng hóa ra biển.

Người Pháp, một mặt tận lực giúp Kampuchea thoát khỏi ảnh hưởng của Xiêm La và trở thành một đồng minh không điều kiện trong những vấn đề Đông Dương, mặt khác viết nhiều tài liệu bài xích người Việt trong dân gian Khmer (huyền thoại về Trương Minh Giảng chẳng hạn) nhằm bôi nhọ người Việt trước các sắc dân yếu kém hơn. Mặc dù làm chủ hoàn toàn lãnh thổ, người Pháp vẫn không tin tưởng người Khmer, người Việt được tuyển mộ qua Kampuchea làm việc trong những đồn điền và giữ những địa vị cao trong các cơ quan hành chính. Những thành phần Khmer ưu tú đều được đưa qua Việt Nam đào tạo trong các trường học dân sự và quân sự, nhiều người sau này giữ nhiều địa vị quan trọng trong chính trường Kampuchea.

Trong thời đệ nhị thế chiến, lợi dụng Pháp bị thua trận tại Âu Châu, người Thái được Nhật ủng hộ chiếm lại những vùng đất phía Tây Bắc đã nhượng dưới áp lực của Pháp trước đó, để rồi bị ép buộc trả lại cuối năm 1946. Sau 1945, Pháp loại trừ chính phủ thân Nhật do Sơn Ngọc Thành lãnh đạo (vì đã tuyên bố độc lập sau cú đảo chánh ngày 9-3-1945 của Nhật lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp tại Đông Dương) và đưa hoàng thân Norodom Sihanouk lên làm vua. Suốt thời gian từ 1945-1954, tranh chấp giữa những người

"quốc gia" Khmer Issarak (thân Thái Lan) và Sihanouk (thân Pháp) gia tăng, không ai thực quyền lãnh đạo đất nước. Sihanouk chỉ giữ vai trò làm vì như Bảo Đại, mọi việc đều do người Pháp điều khiển. Tóm lại, cho tới 1954 chủ quyền Kampuchea hoàn toàn nằm trong tay người Thái và người Pháp.

Sau 1954, Kampuchea được Pháp trả độc lập, nhưng nền độc lập này không phải tự nhiên mà có. Máu xương của người Việt một lần nữa đã đổ ra để tặng cho Kampuchea độc lập. Trong suốt cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất (1945-1954), người Khmer tham gia rất ít, nếu không muốn nói là không có, trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Sihanouk dựa vào Pháp, các đối thủ chính trị của ông cậy vào Thái Lan khuấy phá lẫn nhau, trong khi những cán bộ lãnh đạo Khmer đều được đào tạo tại Việt Nam, miền Nam và miền Bắc.

Sihanouk có lẽ là một người rất khôn ngoan, nhưng không may cho ông là đất nước Kampuchea và người Khmer không dễ cai trị. Trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ hai (1956-1975), ông đã làm đủ mọi cách để trung lập hóa đất nước và lấy nhiều quyết định ngoại giao thay đổi đồng minh như đổi áo. Ban đầu là thân Pháp, sau thân Hà Nội, Bắc Kinh và Moscow, kể là thân Bangkok, Sài Gòn và Washington, để rồi sau cùng chỉ thân Bắc Kinh trước khi bị phe quân đội lật đổ năm 1970. Tại Bắc Kinh, ông ủng hộ Khmer đỏ chống lại chính quyền Lon Nol và chính quyền miền Nam lẫn Hoa Kỳ. Khi Khmer đỏ thi hành chính sách diệt chủng và bị quân đội cộng sản Việt Nam đánh bại, ông chống Việt Nam và lên án chế độ Hun Sen. Một thời gian sau, ông nhờ Bắc Kinh làm trung gian để đối thoại với Hun Sen và Hà Nội tìm một giải pháp sống chung. Sự thay đổi lập trường liên tục của Sihanouk chỉ nói lên một điều: không muốn Kampuchea lệ thuộc vào Việt Nam và làm tất cả để thù ghét người Việt. Tại sao? Dòng họ Ang Voddey thật ra là do Pháp cắt đặt lên, nếu không có sự can thiệp của Pháp thì dòng Ang Duong hoặc Ang Non mới là chính thống. Hai dòng này đều là đồng minh thân thiết của triều Nguyễn trước kia. Con của Sihanouk, thái tử Ranariddh, dựa vào uy tín của Sihanouk tiếp tục bài xích Việt Nam.

Nhìn lại lịch sử cận đại của Kampuchea, một sự kiện đáng chú ý là người Khmer thường phân xé nhau khi có chính quyền. Nội bộ của họ không đồng ý với nhau về

bất cứ vấn đề gì và sẵn sàng chống phá, đánh giết lẫn nhau nhưng lại đồng thuận trong việc bài xích người Việt. Bài xích người Việt đối với một số phe nhóm Khmer có lẽ là một bằng chứng yêu nước. Trước những sự kiện này thật khó cho bất cứ chính quyền Việt Nam nào muốn thiết lập một quan hệ tốt đẹp và lâu dài với Kampuchea. Nhiều chính quyền Khmer đôi khi bên ngoài thân thiện với Việt Nam nhưng bên trong lại ủng hộ những ai chống lại Việt Nam. Năm 1964, Sihanouk và Lon Nol bên ngoài hòa hoãn với cả hai miền Nam Bắc Việt Nam, bên trong gián tiếp ủng hộ các phong trào chống đối Việt Nam, như phong trào FULRO chẳng hạn. Trong khi đó trên miền đất phía Tây, người Khmer lại im lặng khi Thái Lan tiếp tục ủng hộ phe Khmer đỏ sau 1979, khai thác nguồn đá quý của Kampuchea, mua bán trái phép các tượng Angkor.

Người Khmer đã làm đối thủ. Việt Nam không phải là nguyên nhân tan rã đế quốc Angkor, không chiếm đất và đô hộ họ. Người Việt Nam chỉ đem lại cho họ sự ổn định và còn giúp họ phát triển đất nước, nhưng những công lao này thường bị quên lãng. Máu của binh sĩ Việt Nam đã đổ ra rất nhiều trên đất Kampuchea để mang lại sự an toàn cho người Khmer nhưng cho tới nay không một đài tử sĩ Việt Nam nào được dựng lên trên miền đất này để tưởng nhớ. Số người Khmer tị nạn sau 1979 và được giúp đỡ nhân đạo trên lãnh thổ Việt Nam cũng đông hơn trong các trại tị nạn Thái Lan. Thực sự nếu không có sự can thiệp quân sự của Việt Nam trên đất Kampuchea năm 1979, dân số Khmer, và ngay chính cả những người hiện nay đang bài xích Việt Nam, không có cơ hội thù ghét người Việt Nam. Sai lầm của chế độ cộng sản Việt Nam là đã chiếm giữ Kampuchea quá lâu, thực ra cũng khó rút quân ra khi tàn quân Khmer đỏ tiếp tục được Thái Lan che chở bên kia biên giới. Có một điều lạ là thế giới không những đã không lên án bọn Khmer đỏ diệt chủng mà còn bảo vệ họ tại Liên Hiệp Quốc. Liệu sau này Kampuchea có một cuộc nội chiến mới, ai còn muốn vào can thiệp, để rồi sau đó bị nguyên rủa vì đã kéo họ ra khỏi cảnh chết chóc. Không, người Việt không khờ khạo tiếp tục vác gùi voi để rồi bị chửi bới.

Người Khmer được gì khi bài xích người Việt? Tài nguyên mang lại nhiều lợi tức nhất của họ là đá quý thì do người Thái khai thác, tài nguyên hải sản cũng do  
(Xem tiếp theo trang 27)

**\* Các giá trị của tư tưởng Khổng học \* Tranh luận về Văn hóa cổ truyền Việt Nam \*****3. Các giá trị của tư tưởng Khổng học**

Muốn tìm xem trong tư tưởng Khổng học các giá trị nào vẫn còn thích hợp và cần thiết với thời đại hiện nay và ta cần phải phục hồi hay cải tiến, trước tiên ta cần phải bình tâm xem xét các điều kiện và các môi trường xã hội đã tận dụng tư tưởng này trong quá khứ, tìm hiểu các sự khác biệt của các môi trường này với các định chế xã hội ngày nay mà ta muốn xây dựng... để từ đó rút ra những bài học cần thiết cho tương lai.

Nhận xét trước tiên là, trong thời đại của Khổng Tử, Trung quốc ở trong một thời kỳ phân tán cao độ, xã hội được tổ chức theo mô hình của các định chế quân chủ chuyên chế, trật tự và uy quyền cần được thể hiện rõ rệt để có thể ổn định xã hội, quyền lực thường qui về một mối dưới một biểu tượng, tượng trưng cho ý muốn "thuận lòng Trời và hợp lòng Dân". Trong điều kiện này, Khổng Tử chủ yếu không phải là một chính trị gia, nhìn xã hội như là một môi trường tranh đấu để tranh chấp các quyền lực mà chỉ nhìn xã hội như là một thực thể đã có sẵn, với một định chế đã có sẵn, đã được qui định từ trước, trong đó mọi cơ cấu và mọi thành viên đều đã có những vị trí và những trách nhiệm nhất định. Điều còn lại là làm thế nào để duy trì và ổn định, để tôn ti trật tự xã hội được tôn trọng. Ít nhất trong thời đại này, cũng như trong suốt một khoảng thời gian dài kế tiếp, ta chưa thấy xuất hiện ở các xã hội Á Đông một tư tưởng xã hội nào hoàn mỹ nào hơn để thay thế các tư tưởng Khổng học. Ngày nay, qua kinh nghiệm của lịch sử, định chế xã hội này đã trở thành lỗi thời và chắc chắn mọi hình thức chuyên chế sẽ không còn cơ sở để đứng vững. Nhưng, một khi vị trí của mỗi thành viên trong xã hội đã được xác định rõ ràng, Khổng học là một là một hệ thống tư tưởng điều hòa các mối tương quan giữa người và người, đào tạo tinh thần trách nhiệm và đạo đức của con người, ở trong gia đình cũng như ở ngoài xã hội, biết sống đúng mức, sống một cách trong sáng, phù hợp với lương tâm của chính mình và phù hợp với các lợi ích chung trong xã hội. Trên khía cạnh này, chúng ta sẽ chỉ nêu ra sau đây một cách vắn tắt một số các nét đặc trưng căn bản của tư tưởng Khổng học, liên quan tới khía cạnh đào tạo văn hóa con người.

Trước tiên đó là một tư tưởng nhân bản, lấy con người làm gốc trong mọi

tương quan trong đời sống. Tuy Khổng Tử chấp nhận hệ thống đẳng cấp quân chủ như là một khối điểm trong trật tự xã hội nhưng chỉ xem đẳng cấp này như là một sự cần thiết cho mọi cơ cấu tổ chức chứ không phải là một mục tiêu. Đó là một sự phân công trách nhiệm và bổn phận, là những chức năng điều hành để điều hòa guồng máy xã hội, không đặt mục tiêu phục vụ quyền lợi của người gia trưởng hay người cầm quyền, xem người dân là đối tượng và là cứu cánh của cuộc sống. Tư tưởng Khổng học lại có tính chất đa dạng, không có tác phong độc tôn, xem con người, từ kẻ bần cùng không có khả năng được đào tạo trong hệ thống giáo dục đến những ai học hỏi được các kiến thức sâu rộng, từ người dân bình thường đến những người có những chức phận cao xa trong xã hội như vua hay quan, ai ai cũng đều có phẩm giá và nhân cách như nhau. Vì vậy, con người không thể tranh chấp với nhau trong cuộc sống để tiêu diệt lẫn nhau mà phải thể hiện qua chữ Nhân, dùng nhân nghĩa để đưa cuộc sống từ tình trạng đa nguyên khác biệt đến trạng thái hài hòa. Mọi hình thức đat đạo trong lãnh vực chính trị đều nhằm một mục tiêu cơ bản là làm cho dân giàu, truyền đạt cho dân những kiến thức căn bản về đạo đức làm người cũng như các kỹ thuật để duy trì đời sống vật chất bình thường... Mỗi cá nhân, dầu ở trong một vị trí nào đi nữa cũng đều gắn liền với một trách nhiệm. Ngay cả người cầm quyền xã hội như vua, cũng có đạo làm vua, phải tự ràng buộc mình vào lễ nghi và trách nhiệm, tự sửa mình, tôn trọng người có tài đức, thưởng phạt công minh... để thực hiện chữ Nhân trong việc cai trị xã tắc... làm chính trị bằng tinh thần đạo đức để tạo sự ổn định trong xã hội, trước khi dùng luật pháp.

Các mối tương quan trong đời sống con người, theo quan niệm của Khổng học, có thể tóm lược dưới năm hình thức khác nhau (ngũ luân). Đó là tình vua tôi, tình cha con, tình vợ chồng, tình anh em và tình bè bạn. Những bổn phận hay trách nhiệm mà mỗi cá nhân phải tự tạo ra cho mình để cuộc sống có một ý nghĩa có thể tóm lược dưới bốn hình thức: "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", bình thường bắt đầu từ những môi trường nhỏ, trước tiên là từ bản thân của mỗi cá nhân, rồi đến gia đình, rồi dần dần mở rộng ra trong các môi trường rộng lớn của quốc gia và nhân loại. Những cơ sở đạo đức cơ bản tạo ra

các mẫu người biết sống đúng mức, sống một cách trong sáng, phù hợp với lương tâm của chính mình và phù hợp với các lợi ích chung trong xã hội có thể tóm lược dưới năm mẫu mực cơ bản (ngũ thường): "Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín" trong đó, như đã đề cập trên đây, "Nhân" là tư tưởng nhân bản, lấy con người làm gốc trong mọi tương quan trong đời sống, trên căn bản bình đẳng giữa người và người. "Lễ" không phải là một hình thức phô trương chức phận hay quyền lực của mình đối với người khác mà chỉ là những hình thức giao tiếp bên ngoài có mục đích nhắc nhở cho mỗi cá nhân tưởng nhớ thường xuyên đến trách nhiệm của vai trò mà mình đang được phân công trong xã hội, tránh cho con người khỏi biến chất đạo đức vì quyền lợi và quyền lực. "Nghĩa" là việc ghi công thưởng phạt công minh, dựa trên các tiêu chuẩn về tài đức, biết ơn những ai đã có công hay đã làm việc thiện cho mình. "Trí" là thái độ hành xử khôn khéo và đúng mức về quyền lực, không phải vì có quyền lực mà áp dụng thẳng tay luật pháp nhưng áp dụng luật pháp một cách uyển chuyển cho hợp tình hợp lý để tránh mọi thái độ cực đoan và mọi đổ vỡ. "Tín" là đức tính biết tôn trọng những lời giao ước, biết tôn trọng pháp luật một khi đã chấp nhận các định chế xã hội mà mình đang sống, không thể vừa nói một đường rồi làm một nẻo, ngược lại lời nói và việc làm phải phù hợp với nhau, đặt căn bản xây dựng đời sống xã hội dựa trên sự tín nhiệm lẫn nhau, làm cho guồng máy hành pháp và pháp luật khỏi phải nặng nề.

**4. Tranh luận về Văn hóa cổ truyền Việt Nam**

Điều thứ nhất mà ta cần xác định là định chế của các xã hội quân chủ chuyên chế (cũng như của các thể chế độc quyền khác), dầu có nhân danh một lý tưởng nào đi nữa, cũng đã không có thể đứng vững trong xã hội ngày nay. Lý do chính yếu cho sự bác bỏ này xuất phát từ chỗ sự áp đặt của các chế độ chuyên chế này thường chỉ dựa trên một quan niệm thần quyền mơ hồ mà không có cơ sở lý luận vững chắc. Rất có thể, trong những khoảng thời gian lúc xã hội bị phân hóa và loạn lạc, sự hiện diện của một nhân vật tài ba lỗi lạc, biết sử dụng tài đức của mình để thu phục nhân tâm về một mối, tạo cuộc sống ổn định cho xã hội là một điều cần thiết và cá nhân đó xứng đáng được tôn vinh trong

một chừng mực nhất định, về thời gian và không gian cũng như về quyền lực. Nhưng sự tôn vinh tuyệt đối, không giới hạn, là một điều không thể chấp nhận được bởi vì không có một lý do gì để cho vận mệnh của cả một xã hội lại chỉ phụ thuộc một cách tuyệt đối vào "một" cá nhân. Kinh nghiệm của lịch sử nhân loại cũng đã cho thấy rằng quyền lợi và quyền lực thường hay làm cho đạo đức con người biến chất, không có một lý do gì để bảo đảm và khẳng định là tài đức của người cầm quyền là vô hạn và không biến chất trong tương lai... Vì vậy, mọi định chế xã hội dựa trên sự chuyên chế hay các quan niệm thần quyền là một điều không còn có thể chấp nhận được.

Nhiều người trong chúng ta thường hay cho rằng việc áp dụng tư tưởng Khổng học có một hệ luận là tạo ra những hệ thống đẳng cấp quá chặt chẽ, làm cho con người sống trong các hệ thống đó chỉ thấy toàn là trách nhiệm, bổn phận và mất hết các quyền tự do cá nhân và tinh thần sáng tạo. Cách nhìn này có thể đúng khi nhìn các đẳng cấp trong gia đình hay trong xã hội như là một hình thức để phân bổ quyền lực, kẻ trên đàn áp kẻ dưới. Nhưng đó không phải là mục tiêu của tư tưởng Khổng học. Cách nhìn này hoàn toàn sai lạc khi nhìn các hệ thống trên phương diện cơ cấu tổ chức bởi vì, muốn được chuyển vận một cách hoàn mỹ theo một mục tiêu đã được đặt ra, mọi hệ thống đều phải được tổ chức thành từng tầng lớp có thứ tự, trong mục tiêu phân chia trách nhiệm và bổn phận để dễ kiểm soát và dĩ nhiên lúc đó quyền tự do của mỗi cá nhân trong hệ thống sẽ bị hạn chế để cho hệ thống không bị phá vỡ... Chỉ trừ khi không có một mục tiêu nào cả, mặc ai nấy làm, mạnh ai nấy sống, không muốn ràng buộc với nhau nữa, không cần nói đến trách nhiệm và bổn phận... thì quyền tự do mới không bị hạn chế! Vì vậy, điều quan trọng khi xét một hệ thống là tìm hiểu các mục tiêu của hệ thống. Các khái niệm về trách nhiệm, về bổn phận và tự do luôn luôn phải gắn liền với nhau và là yếu tố cơ bản hàng đầu trong đời sống xã hội. Ngay cả trong các xã hội dân chủ tiên tiến ngày nay, các đẳng cấp trong xã hội là một hình thức cần thiết để điều hành xã hội. Chỉ còn một điều khác biệt là tính chất đẳng cấp trong xã hội quân chủ trước đây xuất phát từ một khái niệm thần quyền... một người quyết định cho cả một hệ thống, trong khi đó, sự đẳng cấp trong các xã hội Dân chủ-Tự do đặt căn bản trên những giao ước đã được quy định và được mọi người chấp nhận từ trước. Cho nên, khi đã dứt bỏ đi cái vỏ thần quyền trong định chế xã hội, ta có nhận ngay rằng tư tưởng Khổng học, cốt lõi của Văn hóa cổ truyền Việt Nam, không còn có điều gì trái ngược với các

mục tiêu đã được chấp nhận trong các xã hội Dân chủ-Tự do ngày nay.

Ngược lại, ta còn có thể tiếp thu được trong Văn hóa Khổng học những giá trị mà các xã hội Tây phương không quan tâm hay chỉ đề cập một cách hời hợt. Các xã hội Tây phương thường biểu diễn các mối tương quan giữa các con người trong xã hội qua cơ cấu tổ chức, dưới hình thức của luật pháp, để giải quyết các tranh chấp. Tất cả cho luật pháp và... cũng chỉ có luật pháp mới có thể giải quyết các mối tương quan giữa các con người với nhau một cách trong sáng. Dĩ nhiên đó là những điều mà ta cũng sẽ phải dần dần thực hiện để hoàn chỉnh guồng máy xã hội mai sau. Nhưng tinh thần áp dụng luật pháp dựa trên sự ôn hòa và tiết độ, và sự nhận thức các mối tương quan trên phương diện đạo đức, chỉ tận dụng luật pháp khi bắt buộc, giải quyết các bất đồng cho hợp tình, hợp lý... là những điều quan trọng hàng đầu.

Vai trò của giáo dục trong công cuộc đào tạo đạo đức con người là một điều quan trọng mà ta cần phải xác định lại. Nếu các đào tạo kỹ thuật đã tiến rất xa trong các xã hội Tây phương thì ngược lại, các đào tạo về đạo đức con người trong các xã hội này thường bị bỏ quên hay thường không được công nhận trong vai trò của giáo dục, xem đó như là một lãnh vực riêng tư của mỗi cá nhân và giáo dục không có nhiệm vụ đi vào đời sống riêng tư của con người. Sự kiện này đã đóng góp không ít vào tính chất phi nhân hóa của các xã hội Tây phương. Hiện nhiên, chúng ta đang bị thua kém rất xa các xã hội Tây phương trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào công cuộc xây dựng để nâng cao đời sống vật chất hàng ngày, tạo điều kiện thuận lợi cho đời sống tinh thần. Nhưng bù lại, hệ thống tư tưởng Khổng học luôn luôn đặt ưu tiên trong việc đào tạo đạo đức và tinh thần trách nhiệm con người. Các quan niệm về mối tương quan trong đời sống con người qua "tình vua tôi, tình cha con, tình vợ chồng, tình anh em và tình bè bạn"... các lời dạy về bổn phận hay trách nhiệm của con người như "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ"... các quan niệm như "Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín" chắc chắn là những giá trị văn hóa cơ bản nhất trong công cuộc đào tạo đạo đức con người và cần phải phục hồi trong các xã hội mai sau. Ngày nay, khi đã thay thế định chế xã hội quân chủ chuyên chế bằng một thể chế Dân chủ Tự do thì "đạo vua tôi" không còn nữa và ta có thể thay thế bằng "tình yêu nước" hay "yêu đồng loại" thì tư tưởng trên đây vẫn có thể bảo vệ được và tư tưởng Khổng học, cốt lõi của Văn hóa cổ truyền Việt Nam, không còn có điều gì trái ngược với các mục tiêu đã được chấp nhận.

Trên tinh thần tự do và bình đẳng giữa các con người, có thể còn có nhiều người còn cho rằng các lễ nghi hình thức không nên thái quá. Điều này có thể là đúng nhưng sự từ chối mọi hình thức lễ nghi cũng là một thái độ quá trốn. Chúng ta sẽ không đi quá sâu trong việc giải thích các thái độ trên mà chỉ muốn nhấn mạnh thêm rằng hầu như tất cả các giá trị đạo đức trong tư tưởng Khổng học đều cần thiết trong công cuộc xây dựng mai sau. Nhất là, khi đã muốn cùng nhau xây dựng một xã hội chung, đức tính biết tôn trọng những lời giao ước, biết tôn trọng pháp luật một khi đã chấp nhận các định chế xã hội, thì lời nói và việc làm phải phù hợp với nhau, đặt căn bản xây dựng đời sống xã hội dựa trên sự tín nhiệm lẫn nhau... là những điều quan trọng tối cần. Sau hết, nếu không muốn nói rằng, trong một chừng mực nhất định nào đó, chúng ta có thể và phải bắt buộc chịu đựng để chung sống cùng nhau trong "Bất Nhân, Bất Lễ, Bất Nghĩa, Bất Trí, Bất Trung, Bất Hiếu..." thì chúng ta cũng có thể mạnh dạn mà khẳng định rằng "Không ai có thể cùng nhau xây dựng chung một điều gì cả trong một bầu không khí Bất Tín"!...

Ngày nay, sau hơn một thế kỷ kể từ khi mất chủ quyền vào tay người Pháp, sau một thời gian dài bị đất học hỏi và tìm hiểu những chân lý mới, sau những thời kỳ tranh chấp tương tàn trong nội bộ tìm cách tiêu diệt lẫn nhau vì sự du nhập vội vã của các nền văn hóa nông cạn bề ngoài... và khi nhìn lại xã hội Việt Nam trong hoàn cảnh hiện tại, khi văn hóa xã hội Việt Nam đang trên con đường phân hóa cao độ, khi các giá trị về gia đình đã bị xói mòn đến tận gốc rễ, khi lớp người ưu tú nhất đang đi vào một cuộc sống tiêu cực, khi lớp người nắm giữ quyền lực xã hội mất hết mọi tinh thần trách nhiệm và từ bỏ mọi giá trị đạo đức, khi thượng tầng cơ sở tổ chức xã hội đã lựa chọn và vẫn còn đang theo đuổi một định chế chính trị phản động nhất trong lịch sử nhân loại... có lẽ đa số chúng ta đều nhận ra rằng một khi dứt bỏ đi các hình thức quyền lực chuyên chế thì gần như các giá trị của Văn hóa cổ truyền Việt Nam, đặc biệt là tinh thần trách nhiệm và các giá trị đạo đức, mà ta đã cố tình quên đi từ hơn một thế kỷ nay là những giá trị văn hóa căn bản hàng đầu, là điều tiên quyết mà ta phải khôi phục và tu bổ lại. Các tư tưởng này vẫn là căn bản chủ yếu cho công cuộc xây dựng đất nước mai sau và còn có những giá trị vượt bậc khi so sánh với số quan niệm trong các xã hội tiên tiến Tây phương hiện nay. Xã hội tương lai mà ta muốn xây dựng phải xác định các điều căn bản này và giao cho hệ thống giáo dục đi vào thực hiện, xem đó như là nhiệm vụ hàng đầu.

*Tôn Thất Long*

# Vài lời với ông Triệu Tử

LTS: Thông Luận số 110 tháng 12-97 có đăng bài *Bắt Giữa Đường* của tác giả Lê Rân về vụ công an chặn bắt nhà thơ Xuân Đài khi ông này đang trên đường đi Đà Lạt thăm Bùi Minh Quốc. Tuy không biết Lê Rân là ai chúng tôi đã đăng sau khi được một thân hữu tại Sài Gòn xác nhận nguồn tin này. Khi Thông Luận được phổ biến tại Việt Nam thì gây ra một phản ứng của Triệu Tử, bút danh cơ hội của một trí thức trong nước có uy tín tại hải ngoại. Bài báo của Triệu Tử được đăng trên Tin Nhà và vì Tin Nhà cũng được lưu hành tại Việt Nam nên bài của Triệu Tử cũng đến tay Lê Rân. Một cách tóm lược, Triệu Tử đặt một số nghi vấn: tại sao có một cô gái khác cùng đi với Xuân Đài mà bài của Lê Rân không nói đến? Tại sao bài báo đề cao Xuân Đài, phải chăng là để đánh bóng nhân vật Xuân Đài cho một mưu toan nào đó, nhất là khi Xuân Đài có nhiều liên hệ không rõ rệt với chính quyền? v.v ...

Sau đó chúng tôi nhận được hai ba bài báo tại Sài Gòn. Một bài ký tên Lê Rân và một bài ký tên Diệu Khách. Nội dung tương tự như nhau, nghĩa là phản bác ý kiến của Triệu Tử. Chúng tôi đã lưỡng lự và sau cùng chọn đăng bài của Lê Rân vì ông là tác giả bài báo bị đả kích và cần được sử dụng quyền trả lời.

Đọc giả có thể thấy lời lẽ có phần gay gắt của bài sau đây, cũng như đọc Tin Nhà có thể nhận xét những ý kiến cũng khá mạnh trong bài của Triệu Tử.

Chúng ta lấy làm tiếc là đã có những tình cảm không thuận lợi giữa hai người mà chúng ta cùng quý mến. Triệu tử và Xuân Đài. Đọc giả có thể thấy tình trạng khó khăn của cuộc vận động dân chủ, tình trạng rình rập của công an khiến những liên hệ không thể tự nhiên giữa những người dân chủ với nhau. Xuân Đài muốn cảnh giác Thông Luận và những người dân chủ hải ngoại về một âm mưu khuynh loát, đó là một ý tốt. Lê Rân phải trình bày để đánh tan những ngờ vực về Xuân Đài một người dân chủ mà ông quý mến, cũng là điều tốt. Thực trạng là chế độ độc tài, bóp nghẹt tự do ngôn luận và gây hỏa mù, đặt những người dân chủ vào một tình trạng khó khăn.

Bài đăng sau đây có một vài thiếu sót vì bản fax nhận được không rõ, chúng tôi đã phải bỏ đi hai dòng cuối không đọc được. Một số chữ chúng tôi đã phải cố đoán và có thể sai.

Thưa ông Triệu Tử,

Nhân đọc bài *Nhà thơ Xuân Đài và người phụ nữ bí mật* của ông đăng trên tờ Tin Nhà số 31 (tháng 1-1998), người viết bài *Bắt giữa Đường* hân hạnh được ông công kích thấy cần phải có mấy lời với ông.

Lê Rân tôi viết bài này chỉ cốt kể cho đồng bào hải ngoại nghe rằng ở nước ta cho đến nay vẫn còn chuyện công an ngờ ai, hoặc muốn dẫn mặt ai, thì vu cho người đó tội này tội khác rồi điệu vào đồn khai thác cái tội chính không tiện nói ra. Kiểu như Hà Sĩ Phu bị đụng xe, người bị hại bị tra xét, kẻ gây nạn thì ung dung... biến, mà bà con ta ở trong nước ngoài nước đều đã được nghe. Báo hại Triệu Tử tiên sinh nổi giận, tuồng như công an cần đánh bóng mặt kèn cho Xuân Đài để Xuân Đài làm cò mồi cho công an, mà kẻ viết bài này là tên tay sai thực hiện kế hoạch đó. Đại ý như vậy. Tuy ông nói ông không khẳng định.

Ông Triệu Tử đáng kính có óc tưởng tượng thật phong phú. Ông đúng khi nói vụ bắt Xuân Đài giữa đường là do công an dân dụng. Đúng lắm. Ông chỉ bắt đầu sai khi trí tưởng tượng của ông nhẩy ra làm việc thay ông. Với trí tưởng tượng ấy, vốn khinh thường ông Hoàng Minh Chính (mà ông đay bằng chữ "nhà văn hóa lớn" trong ngoặc kép, mà người viết lại không có ý nói tới ông Chính), cho rằng trong sự đối xử của chính quyền đối với ông Chí nh, "anh lớn" ve vuốt, "anh nhỏ" hành hạ, đã biến ông Chính thành cái bầy đặng

bầy những người dân chủ ngò nghếch. Kể ra, cũng có thể lắm. Nhưng, xin ông rời khỏi chỗ đứng của người không biết sai lầm là gì để xem một dị bản khác. Một người bạn tôi, mà tôi biết là công an thứ thật, lại cho rằng đó là tình trạng "quan hời vô phèng", tình trạng "thập nhị sứ quân", chứng tỏ cái vũ khí chuyên chính vô sản của mấy ông, cả "ông lớn" lẫn "ông nhỏ", đều đã rệu rã. Chẳng thẳng nào nghe thẳng nào. Ông ta nói cũng có lý lắm chứ.

Anh mù nào sờ con voi cũng cho rằng mình biết rõ nó, dù trong thực tế nó không phải cái cột nhà, mà cũng chẳng phải cái quạt. Song tôi nghĩ người cao kiến như ông Triệu Tử ắt đồng ý với tôi ở điểm này, không ai có độc quyền chân lý. Sáng cũng vậy, mà mù lại càng nên vậy.

Trong bài báo của ông, Triệu Tử nêu lên nghi vấn về "một người phụ nữ bí mật" đi cùng Xuân Đài bữa Xuân Đài lên Đà Lạt, rồi đặt câu hỏi tại sao Lê Rân tôi không nói tới cô ta. Ừ, mà tại sao tôi lại cứ phải nói tới cô ta nhỉ? Tôi đang nói về việc khác kia mà - về chuyện người ta bắt công dân một cách không đảng hoàng kia mà. Xuân Đài hay ai trong chuyện này thì cũng vậy mà thôi. Tôi nói tới Xuân Đài vì ông ta là nhà thơ, nhiều người biết, nói chuyện của Xuân Đài người nghe chú ý hơn. Hà cơ phải nói Xuân Đài đi với ai? Hà cơ phải nói tới người phụ nữ mà Triệu Tử kêu bằng "bí mật". Cô ta không phải nhân vật trong bài báo mà tác giả của nó muốn trình bày với bạn đọc. Cái anh

"buôn lậu" Xuân Đài kia, thưa ông Triệu Tử, mới là kẻ được cả người viết lẫn các ông công an quan tâm. Mới là anh công dân Việt Nam trong nền dân chủ "gấp triệu lần dân chủ tư sản" mà tôi muốn miêu tả.

Ông Triệu Tử lập luận về "người phụ nữ bí mật" như sau: "*Theo một xuất xứ đáng tin cậy thì rất có khả năng chị này là người của công an*". "Đáng tin cậy" mà lại "có khả năng". Lương vớng quá. Nếu chịu chơi, ông nói toạc nguồn tin đáng tin cậy ra đi. Ngửa bài ra, chứ cứ ồm ồm, ai tin ông?

Tôi chỉ muốn lưu ý ông rằng Bùi Minh Quốc và Xuân Đài nhận định như thế nào về cô gái này cũng luôn theo nguyên tắc quan trọng mà hai anh luôn nhất trí với nhau là không mất cảnh giác và không nghi oan.

Ông Triệu Tử cứ khẳng khẳng công an đã cài bầy bằng cô này. Công an không khờ khạo như ông nghĩ đâu. Họ chẳng dại gì mà cài một cô gái lạ hoặc đến gặp hai nhân vật nổi tiếng trên (Nguyễn Ngọc Lan và Hoàng Minh Chính). Người họ sắp xếp dàn dựng ở tuyến khác, rất có cảm tình với người cấp tiến, nói đúng hơn là những người cấp tiến đã nhảm về họ.

Ông Triệu Tử thân mến, có thể ông già rồi chẳng, cho nên ông làm lần, nhìn gà hóa cuốc. Quả là có một cô gái, cô này là phóng viên báo, chứ không phải "người phụ nữ bí mật" của ông. Qua rất nhiều bạn bè của Bùi Minh Quốc, những người bạn từ miền Bắc vào sau năm 75, chúng tôi

được biết Bùi Minh Quốc tâm sự với họ có một cô nhà báo là mối đe dọa rất đáng ngại cho anh (1). Mọi người đều rất đau lòng, chờ xem, chứ họ chưa vội kết luận. Sau vụ Bùi Minh Quốc và Xuân Đài bị bắt, họ tặc lưỡi: Bùi Minh Quốc nói đúng!

Nhưng ông nhằm sao được, hay chỉ vì ông không ở trong số họ nên ông không biết? Bạn bè Bùi Minh Quốc cho biết, sau khi anh đến thăm bác Hoàng Minh Chính bị công an đuổi ra khỏi nhà, chỉ một ngày sau có cô nhà báo liên tục gọi điện thoại đến các nhà bạn bè mà Bùi Minh Quốc hay lui tới để hỏi Bùi Minh Quốc đi xe gì. Cô nhà báo này chẳng còn non trẻ gì nữa, song, với các cô cậu của "con đẻ chế độ" thì cô chỉ là cừ non. Họ thừa biết cô cần hỏi số biển xe Bùi Minh Quốc đang đi. Không ai trả lời Bùi Minh Quốc đi xe gì. Điểm xuất phát dàn dựng có thể (có thể thôi nhé) là đây chăng?

Ông Triệu Tử tỏ ý nghi ngờ: "trong tình hình Đà Lạt căng thẳng, chỉ sau đó một tuần (sau khi Bùi Minh Quốc cũng bị bắt giữa đường), một mình Xuân Đài lên thăm bạn bè (chưa chắc đã gặp) đã là bạo rồi, huống gì lại mang theo đủ thứ tài liệu của bọn "phản động nước ngoài"! Chỗ này ông thông tin sai. Xuân Đài lên thăm Bùi Minh Quốc sau khi Bùi Minh Quốc bị bắt cả tháng. Sai hay xuyên tạc? Ông còn nói thêm rằng: "khó mà giải thích được những điều khó giải thích như trên". Rồi ông kết luận: "Xuân Đài là dây nối cần thiết để thực hiện kế hoạch... của công an. Để củng cố thêm lý lẽ của ông, ông còn nói Xuân Đài "khá thân thiết" với mấy anh "chức năng", có bà con "khá gần" với bộ trưởng Bộ nội vụ Lê Minh Hương... Than ôi, chơi "khá thân thiết", có bà con "khá gần" với công an, cũng là một thứ tội kia đấy. Nghe có mùi gestapo quá! Hoặc bết nhất thì cũng có mùi Ban Tổ chức Trung Ương thời Sáu Búa (2).

Sau bài của ông Triệu Tử, tôi mới lưu tâm đến người "phụ nữ bí mật" nọ. Hóa ra cô ta là một cô gái trẻ, một người ái mộ thơ (và cả nhân cách nữa) của Bùi Minh Quốc. Tôi chỉ biết về cô ta đến đó. Tôi không cho phép mình đi xa hơn nữa trong sự suy diễn.

Không hiểu Triệu Tử có hận thù gì Xuân Đài không, mà tôi thấy ông nói khơi khơi những điều không có thật về Xuân Đài. Ông nói Xuân Đài thường viết cho báo Văn Hóa, Văn Nghệ Công An (xin chú ý: Văn Hóa, Văn Nghệ Công An). Độc giả ngoài nước không biết, cứ theo cách viết này, tưởng đâu có hai tờ Văn Hóa Công An, Văn Nghệ Công An. Thật

ra, tờ Văn Hóa chẳng có liên quan gì với công an cả. Nó là tờ báo của ngành văn hóa, bình thường như những tờ báo nhà nước khác (ở nước ta không có báo tư nhân). Xuân Đài trước có viết cho tờ Văn Hóa, nhưng sau hai bài báo ông phê bình thơ Huy Cận và Nông Quốc Chấn (hai ông thứ trưởng Bộ Văn Hóa) vào những năm 1969-1970, thì ông và tờ báo đoạn tuyệt với nhau. Trên tạp chí Công An, Xuân Đài có giới thiệu bài thơ chưa in bao giờ của nhà thơ quá cố Lưu Trọng Lư tặng nhà thơ Thu Bồn. Thì đã sao chứ?

Lê Rân tôi mừng, thấy ông Triệu Tử khi viết về những kẻ hoạt đầu trong cuộc "đổi mới" năm 1986 "nay thấy vui thì hòa theo, mai thấy trò chơi hết triển vọng thì liền quay ngoắt 180 độ đá lại chính bè bạn mình", ông chê Trần Mạnh Hảo, chê Nguyễn Khải. Tôi không phải người ái mộ cả Trần Mạnh Hảo lẫn Nguyễn Khải. Trong một số việc làm văn chương của hai ông này quả có nhiều điều làm cho người đọc tiếc cho họ.

Nhưng vui chưa được mấy chốc, Lê Rân tôi lại buồn thấy ông dùng "chiêu thức" của chính Trần Mạnh Hảo để bôi nhọ người khác, cụ thể là Xuân Đài. Nhưng Trần Mạnh Hảo nói vậy chứ khéo léo hơn ông nhiều.

Ông còn suy diễn: Lê Rân tôi phải là người "chức năng" mới biết Xuân Đài mang theo mình những gì lên Đà Lạt. Khốn nỗi, công an giữ gì của Xuân Đài đều phải ghi vào biên bản hết (không thể qua mặt Xuân Đài chuyện này được. Xuân Đài khôn lắm). Bần mà Xuân Đài giữ, bè bạn, người quen đều được coi. Tôi cũng có một bản photo đây này.

Mà ông cũng chẳng nên ghen tức với Xuân Đài làm gì. Lê Rân tôi không có ý thổi phồng Xuân Đài.

Xuân Đài là Xuân Đài, không hơn, mà cũng không kém. Tôi có quen với ông ta. Tôi thấy ông ta là một nhà thơ không phải hay nhất, nhưng là một người tử tế. Nhiều người biết Xuân Đài cũng nghĩ như tôi. Có vậy thôi. Ít nhất thì ông ấy cũng xử sự như một người có học. Xuân Đài có được đọc bài báo của ông, tôi biết. Nhưng ông ấy không nói gì.

Chắc ông ấy ngại nói ra một dự đoán rằng đằng sau cái bút hiệu Triệu Tử kia là ai. Chắc ông ấy ngại nói ra điều gì không hay về tác giả bài báo.

**Lê Rân**

**Chú thích:**

- 1- Cô này là phóng viên báo Tuổi Trẻ, rất gần với Bùi Minh Quốc.
- 2- Sáu Búa là hân danh của Lê Đức Thọ.

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)  
Giá báo một năm: 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu xin đề  
VIETNAM FRATERNITE  
(xin dừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :  
**THÔNG LUẬN**  
124 bis, rue de Flandre  
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:  
**Ông Nguyễn Thanh Lương**  
Habsburgerallee 104  
60385 Frankfurt aM.  
(Tel: 069-4940048 □ Fax: 069-443913)  
và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:

**Frankfurt Volksbank e G**  
**THANH LUONG, NGUYEN**  
Konto-Nr : 00 77 70 82 94  
Bankleitzahl : 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc, góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ E-mail: [qml@juno.com](mailto:qml@juno.com)  
Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD) xin đề tên  
**Mrs Quan-My-Lan**

## THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam: Stichting Mensenrechten voor Vietnam

Giá báo một năm: 55 gulden, xin chuyển vào trương mục của hội: giro nr 6234112. Postbus 40083

## Thông báo

Xin thông báo cùng quý độc giả và thân hữu là Thông Luận đã được đưa lên mạng Internet từ tháng 5-1998 với địa chỉ Web như sau:

<http://www.thongluan.org>

# Chuyện... khó nói

Hàn Sĩ

*LTS: Hàn Sĩ là một người rất trần trụi với vấn đề vệ sinh thành phố. Với giọng văn hài phóng, tác giả đề cập đến một vấn đề rất đáng được lưu ý.*

## Ngôi nhà ở giữa vườn hoa

Khách ở tỉnh xa về hay khách quốc tế đến Hà Nội, ai cũng háo hức đi thăm Hồ Gươm. Ngay dân Hà Nội chính gốc, vào ngày lễ tết hoặc gặp hôm đội tuyển bóng đá quốc gia thi đấu với đội nước ngoài thắng được một trận xuất sắc, cũng ào ào đổ ra bờ hồ reo hí hửng. Đây là nơi "muôn phương tụ hội", là trung tâm văn hóa của thủ đô. Mà phần nào đông người, nơi ấy bao giờ cũng phải có chỗ cho người ta... "giải tỏa nỗi lòng".

Tôi vòng vo vậy chỉ cốt để nói rằng cái chỗ mà tôi sẽ nói tới trong bài báo này là quan trọng lắm.

Đó là cái toa-lét công cộng được gọi cho oai là nhà vệ sinh. Đó là ngôi nhà đặc biệt, duy nhất của cái vườn hoa ôm trọn lấy Hồ Gươm. Hầu nhiều người cũng biết: nó ngự ở giữa đường Đinh Tiên Hoàng, hình tròn, màu trắng, lấp ló sau vài lùm cây cảnh. Cùng lại xin nói ngay rằng tôi đi tìm hiểu về nó không phải vì "không còn chuyện gì để nói", hoặc có mưu toan tìm đề tài độc đáo hầu mua vui cho bạn đọc, kiếm chút nhuận bút còm đầu. Số là chủ nhật rồi tôi có đưa một anh bạn Nhật Bản đi thăm thú một vòng thủ đô. Trong khi dạo bộ quanh bờ hồ, tôi huyền thuyên giới thiệu cho anh mọi thứ thuộc về "đất nước ta giàu và đẹp", "nhân dân ta anh hùng".

Nhưng ngắm cảnh thì ngắm, nhưng ngay từ đầu buổi đi dạo xem ra anh bạn tôi đã không tỏ ra hào hứng cho lắm mà lại còn có chiều lúng túng. Cuối cùng, không thể chịu thêm nữa, anh bạn rí tai tôi hỏi chỗ đi... "toa-lét". Thôi chết rồi, lại mấy món đặc biệt sản bữa trưa ở nhà hàng Thanh Lịch rồi!

Tôi vội vã dẫn anh ta thẳng tiến vào ngôi nhà ấy, với sự yên chí lớn trong lòng (xin nhấn mạnh rằng tôi đây là người rất tin tưởng ở Đảng và mọi thứ được làm ra dưới sự lãnh đạo của Đảng). Xong nhiệm vụ, tôi thở phào, đứng chờ bên ngoài. Loáng sau đã thấy anh ta mặt mày xanh xám rào cẳng bước ra. Tôi bắt gặp một ánh bàng hoàng kỳ lạ trong mắt anh, cái mà người ta gọi là "thất thần" hoặc "thất

tinh lạc".

Cái ánh mắt hoảng hốt đến thất thần ấy, tôi từng thấy ở một ông Tây tại nhà vệ sinh công cộng tại thung lũng Thiên Trù, Chùa Hương, đầu năm nay. Khi tôi từ ngoài vào thì gặp ông ta từ trong đó xồng xộc chạy ra, mặt tái mét. Một phút sau tôi cũng xốc quần chạy ra theo ông ta. Ngày hôm ấy tôi hiểu ra được một điều: không phải cuộc chạy trốn nào cũng là do hèn nhát. Thỉnh thoảng tôi vẫn còn nằm mơ thấy cái chuông xí ấy!

Tôi cương quyết không tả nó cho bất cứ ai. Tôi là người mang trong tâm hồn chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, ánh mắt người bạn Nhật hôm rồi đã chạm tới một miền tâm thức rất nhạy cảm trong tôi, đánh thức lòng tự ái dân tộc đã ngủ li bì nhiều năm trong tôi.

## Bao giờ cho tới... "tiêu chuẩn" quốc tế?

Nghe chuyện tứ khoái truyền thống của dân tộc ta một chút được không, các bạn? Nó đáng được quan tâm lắm đấy.

Theo cách phân chia của các cán bộ quản lý đô thị thì các nhà vệ sinh công cộng Hà Nội bao gồm 3 nhóm:

Nhóm một nằm rải rác ở các hè phố, các quảng trường, chịu sự quản lý của công ty Môi trường Đô thị. Nhóm này thực tế chẳng còn bao nhiêu. Nhiều chỗ trước kia vốn là "địa chỉ quen thuộc", được "nhiều người tìm đến", nay bỗng biến mất nhanh như bốc hơi; thay vào đấy hiện ra nào nhà ở, nào ki-ốt, quán giải khát bán bia hơi ngoại bên cạnh chèn đậu đen dân tộc, cái nào cái nấy khang trang đẹp đẽ, cứ như những lâu đài mọc lên trong cỏ tích "ngàn lẻ một đêm" vậy.

Nhóm hai là các nhà vệ sinh công cộng nằm trong công viên, nhà ga, bến xe, chợ... và chịu sự quản lý của riêng nơi ấy, chứ không còn thuộc thành phố nữa. Trong những "nhà" này, đáng chú ý là nhà vệ sinh công cộng của ga Hà Nội mới được xây dựng rất hiện đại, theo cách đánh giá của bà con nông dân đi ngang. Nhưng tôi xin nói tới nó sau.

Nhóm ba là những nhà vệ sinh công cộng thuộc các khu dân cư, dĩ nhiên chúng

chịu sự quản lý trực tiếp của các cấp trông coi đời sống của cư dân xung quanh. Loại này hiện vẫn còn một số lượng lớn, tập trung nhiều nhất tại các khu vực dân cư tự phát (những "xóm lều", "xóm trại"), các xóm ven nội, và ở cả những khu phố nữa.

Theo cách phân chia trên thì cái nhà vệ sinh công cộng quan trọng ở bờ hồ đã làm cho anh bạn Nhật Bản của tôi về nước trước dự định thuộc về "nhóm hai". Chị nhân viên trông coi ở đây cho biết: nó thuộc Công ty Công viên, có người trực 24/24 giờ trong ngày, chia 3 ca, mỗi ca một người. Công việc của các chị là quét dọn, trông xe cho khách và thu tiền dịch vụ. Mỗi ca có chừng một trăm "khách", khách ngoại quốc tuy ít nhưng ca nào cũng có. Giá cả "dịch vụ" theo "mặt bằng chung" của thành phố là 500 đồng cho một lần "đi". Rẻ thế nhưng số khách không đông hơn (mà cũng may), bởi vì khách đi tè thường không vào, thành phố của ta nhiều cây xanh, vừa đỡ mất tiền lại giúp cho cây cối được tươi tắn.

"Nội thất" của nó ra sao?

Sau khi được "tham quan", tôi thấy cũng tương tự như ở các nhà vệ sinh công cộng khác của thủ đô: các thiết bị được xây dựng, lắp đặt theo "xê-ry một-ngàn-chín-trăm-lâu-lăm-rời". Và dĩ nhiên tình trạng hư hỏng, xuống cấp, không được sạch sẽ là điều dễ nhận thấy. Hãy tưởng tượng ông bạn không may của tôi rơi vào đúng cái ca không người trực (bị ốm, hay bạn chạy đi xin việc khác chẳng hạn, bản tính dân ta khiêm tốn, vốn không thích những nghề nghiệp quá nhiều vinh quang).

Trở lại cái nhà vệ sinh công cộng "xê-ry 1997" của ga Hà Nội. Nó được xây dựng trong khu vực các phòng đợi dành cho khách, có lắp máy lạnh hẳn hoi, nhân dịp nối lại đường sắt liên vận quốc tế (5/97). Về trang thiết bị cũng như cách bố trí, dấu chưa thật hiện đại, theo cách nhìn của những người quen sống ở phương Tây tư bản chủ nghĩa, nhưng những ngày đầu nó cũng tạo được cảm giác sạch sẽ, thoải mái cho khách.

Thế nhưng bây giờ thời buổi khách xưa, nhân dân làm chủ có ý thức tập thể cao, chỉ ưa dùng các phương tiện công cộng, còn công bộc của dân thì dùng các phương tiện cá nhân chủ nghĩa, từ xe ô tô con cho tới hồ xí bệt Italia. Có điều các "ông chủ" hay táy máy cho nên cái nhà vệ sinh qua sử dụng một thời gian ngắn lại phát sinh ra lắm vấn đề mà nhà thiết kế không ngờ tới.

Trước hết là mấy ông khách tỉnh lẻ, quen ngồi xôm cả trên ghế nhà mình, cứ leo lên ngồi chồm hồm trên "bệ bệ" mà nhún nhảy cho đã, "đi" xong không cần (và không biết cách) giặt nước, cứ thế ung dung đi ra. Bài nọ chòng lên bài kia, lâu lâu lại gây ra sự ùn tắc không kém gì giao thông trên các phố. Rồi đến mấy ông khách có tính tò mò lại hay "cầm nhầm", xong việc đi ra không quên "cầm" theo một số linh kiện trong két nước xả. Các khóa nước ở chậu rửa hồng rất nhanh, do vận quá tay, cứ hai tháng lại phải thay mới toàn bộ một lần. Chưa nói, có một vài gã nghiên thấy nơi đây sạch sẽ, kín đáo, vờ vào "đi" để ngồi "phi" hê-rô-in, hết cơn "phê" mới lừ khừ mò ra.

Khác với "nhóm hai" mang tính "dịch vụ", có người trông nom, đôi khi được người khách ngoại quốc "thăm viếng", các nhà vệ sinh công cộng "nhóm ba" chỉ dành riêng cho dân ta và mọi chuyện thuộc về ý thức làm chủ, có nghĩa là tự giác. Nhóm này có số lượng lớn nhất, cũng thuộc loại "có vấn đề" nhất. Anh Vương Đình Vương, cán bộ Công ty Môi trường Đô thị cho biết: Công ty hiện đang "theo dõi" khoảng 320 nhà vệ sinh công cộng thuộc nhóm này (theo một nguồn tư liệu khác, tổng số nhà vệ sinh công cộng của Hà Nội khoảng 4.000 cái).

Công ty hiện có hẳn một đội chuyên đi sửa chữa những "nhà" quá xập xệ, theo kinh phí bao giờ cũng ít ỏi của thành phố. Cũng theo anh Vương, tình trạng chung của nhà vệ sinh công cộng nhóm này rất thảm hại: có cái không có cánh cửa (!), có cái mái chỉ cao ngang ngực (do xung quanh làm nhà, làm đường đôn dần lên), có cái nóc không có mái che!

Về tình trạng vệ sinh của những cái "nhà" này, anh bạn phóng viên có nhà ở một khu tập thể ba tầng xây dựng theo mẫu Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên cho tôi biết: "Dân ở chỗ tớ mỗi lần "đi" đều phải "đi đứng", mà lại chỉ đứng có... một chân (?!).

Tình trạng các nhà vệ sinh công cộng như hiện nay rõ ràng là không ổn cả về số lượng cũng như về chất lượng. Tuy vậy, việc nâng cấp và xây thêm nhà vệ sinh công cộng (trước hết là những cái "nhóm hai") sao cho theo được "tiêu chuẩn quốc tế" quả là bài toán khó. Bên cạnh điều kiện "đầu tiên", tức "tiền đâu", còn cả vấn đề trình độ và ý thức người sử dụng.

### **Nguồn ô nhiễm... dồi dào!**

Sẽ không khỏi giật mình nếu bạn biết: cái bể xử lý phân nửa của nhà vệ sinh công cộng "xê-ry 1997" ở ga Hà Nội chỉ có dung tích... 9 mét khối. Thực chất, nó chỉ có một ngăn chứa "xử lý" gì ráo (!).

Tôi chưa biết bể xử lý phân của cái nhà vệ sinh công cộng bờ hồ kia có mấy ngăn (hỏi chị nhân viên ở đây, chị bảo không biết, thấy cứ 6 tháng phải cho xe bồn vệ sinh đến hút một lần). Nếu nó cũng loại "một ngăn" như ở ga Hà Nội thì ôi thôi, các "cụ" rùa Hồ Gươm nhà ta nguy to!

Về vấn đề xử lý phân ở Hà Nội, một cán bộ ban chỉ đạo quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường cho biết: "Chỉ tính riêng nội thành, một ngày lượng phân thải ra đã khoảng 180 tấn, trong đó lượng phân được xử lý kém hoặc chưa được xử lý chiếm tỷ lệ rất lớn (các nhà vệ sinh công cộng phần lớn đang ở dạng hố thùng, hoặc tiến bộ hơn là hố xí hai ngăn). Tình trạng úng vào mùa mưa của thủ đô mấy năm gần đây đầy vấn đề lên thành bức xúc; nếu không có giải pháp sẽ rất dễ phát sinh dịch bệnh, bên cạnh việc ô nhiễm nguồn nước mặt và cả nguồn nước ngầm".

Để hiểu vấn đề được kỹ hơn, tôi được giới thiệu đến gặp phó giáo sư tiến sĩ Nguyễn Xuân Nguyễn ở Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia. Ông Nguyễn cho biết: "Bài toán về xử lý phân theo công nghệ "sạch", phù hợp các điều kiện vệ sinh môi trường đô thị hiện đại, tìm lời giải ở Hà Nội hiện không đơn giản chút nào. Tại khu phố cổ hoặc các khu tập thể cao tầng xây dựng các nhà vệ sinh tự hoại theo phương pháp thông thường (do thiếu không gian hoặc phải giữ nguyên không gian hiện có). Bản thân các nhà vệ sinh tự hoại (bể xử lý gồm nhiều ngăn, dùng các vi khuẩn yếm khí tự nhiên để phân hủy chất thải rắn thành chất thải hòa tan "sạch" hơn) khi bị úng ngập vẫn có hai điều bất cập: các vi khuẩn gây bệnh trong bể xử lý sẽ theo nước tràn lan đi các nơi; mặt khác khi nước rút thì hệ vi sinh trong bể đã bị phá vỡ, tác dụng "xử lý" của bể chỉ được phục hồi sau một thời gian khá lâu".

Những năm gần đây, một số cơ quan khoa học đã tích cực nghiên cứu giải pháp ứng dụng công nghệ vi sinh vào xử lý phân một cách nhanh hơn cách "tự hoại" kia (rộng ra là xử lý nhanh cả rác thải, nước thải). Họ đã thành công trong việc tạo ra các chủng vi sinh rất mạnh. Nhờ tốc

độ phân giải nhanh (gấp 10 đến 15 lần vi sinh tự nhiên), nguồn vi sinh vật được nuôi cấy nhân tạo sẽ giúp ta xây lắp các bể xử lý với dung tích rút đi nhiều lần; điều đó cho phép xây dựng các nhà vệ sinh "mi-ni" trong các không gian chật hẹp như ở phố cổ, căn phòng của chung cư cao tầng... Sử dụng nguồn vi sinh vật này vào các bể xử lý tự hoại hiện có cũng có tác dụng giúp cho thời gian cặn lắng đáy kéo dài (bể lâu càng phải hút cặn lâu hơn), đặc biệt nhờ khi bị úng ngập loại bể "xử lý nhanh" này sẽ hạn chế được rất đáng kể việc lan nhiễm vi khuẩn gây bệnh.

Ông Nguyễn đưa ra một loại chủng vi sinh "xử lý nhanh" đang có bán trên thị trường, cho kết quả tốt trong thực tế. Đó là sản phẩm của Viện Công nghệ Sinh học với sự có mặt của một chuyên gia nổi tiếng của ngành, phó giáo sư tiến sĩ Lý Kim Bằng. Ông Nguyễn cũng cho biết trung tâm của ông cũng bắt đầu đưa ra thị trường một chủng vi sinh "háu ăn khủng khiếp", được đặt tên là "DW-97". Giống này cho tốc độ phân hủy tăng gấp 20 lần cách phân hủy "tự hoại"! (Với một căn phòng 10 người ở, theo cách truyền thống phải xây một bể xử lý phân dung tích 3,5 m<sup>3</sup>; nếu sử dụng "DW-97" thì chỉ cần lắp một bể xử lý phân dung tích 150 lít, hoàn toàn có thể đặt gọn gàng góc phòng).

Vậy là bài toán về xử lý phân "sạch" (cũng như bài toán về tình trạng thiếu bất khả kháng nhà vệ sinh ở nhiều gia đình của thủ đô ta bước đầu đã có lời giải chăng?).

Trước khi hoàn tất bài báo này, ông Nguyễn gọi điện báo cho tôi một tin vui: mẫu nước thải của bể xử lý sử dụng "DW-97" đem xét nghiệm cho thấy cái giống "vi sinh đói khát" kia trong lúc phân hủy phân đã kịp thời "xới tãi" sạch trơn luôn mọi trứng giun sán có trong đó. Tôi vui lây với ông, nhưng trong lòng vẫn còn một chút băn khoăn...

Tôi cứ nghĩ lần thàn: giá như... cái giống "DW-97" kia tiêu diệt luôn cả loại vi khuẩn độc tài gây bệnh "trì trệ" trong áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ vào cuộc sống, và bệnh "cha chung không ai khóc" nữa, thì mới thật là hay cho các nhà vệ sinh công cộng thủ đô ta. Vấn đề còn tùy thuộc ở các công bộc nhân dân cấp thành phố cũng như cấp trung ương sẽ quan tâm vấn đề này đến mức nào? Trong khi họ chẳng có một chút nhu cầu nào cho bản thân.

*Hàn Sĩ*



# Tại sao tôi dịch cuốn Người Trung Quốc Xấu Xí?

Năm năm trước, tôi sang Trung Quốc đọc được quyển sách này rất lấy làm thích thú. Ngay sau đó, từ Trung Quốc về đến Việt Nam, tôi đã chụp lại đưa cho một người bạn ở Hà Nội và động viên anh dịch ra tiếng Việt. Tôi nghĩ rằng người Việt ở trong nước nếu được đọc nó, chắc cũng thích thú như tôi.

Bản thân tôi trước kia cứ mỗi lần đọc phải những quyển sách kiểu "Người Việt cao quý", "Người Việt đáng yêu" là một lần không những không cảm thấy mình được dự phần vào cái cao quý, đáng yêu ấy một tý nào, mà càng thấy mình thấp hèn và đáng ghét làm sao, chỉ muốn viết ngay một quyển sách khác để nói về những tính hư, tật xấu của mình. Đang lúc lúng túng với nỗi bức dọc ấy thì may thay tôi gặp được quyển sách của Bá Dương.

Thế mà suốt năm năm qua tôi đã ôm cái hy vọng quyển sách dịch kia sẽ ra đời ở Việt Nam. Tại sao tôi lại có hy vọng như vậy? Bởi vì, quyển sách này tuy được viết và xuất bản lúc đầu ở Đài Loan, tuy có một cái nhìn độc đáo về văn hóa và các chế độ chính trị Trung Quốc, đặc biệt chỉ trích những phong trào Phản hữu, Cách mạng Văn hóa, v.v... và cả Mao Trạch Đông, nhưng sau đó nó lại được xuất bản tại Trung Hoa lục địa (bản tôi có là bản năm 1989-1990 do Nhà xuất bản Hoa Thành, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông ấn hành).

Không những đã có nhiều sách khác viết về nó, gần đây còn có nguyên cả một quyển sách phỏng vấn Bá Dương cũng đã lục tục được in ra, và cuối cùng là hai tuyển tập văn lớn của ông được Nhà xuất bản Hữu Nghị tại Bắc Kinh phát hành.

Ngoài ra ở Âu, Mỹ, Úc châu hiện nay, đối với những người sắp phải tiếp cận với Trung Quốc, quyển sách của Bá Dương cũng được xếp vào trong danh sách những quyển cần đọc để có một cái nhìn tổng quát về văn hóa nước này.

Nước Trung Hoa "cộng sản" đã chấp nhận và hoan nghênh nó, người Âu Mỹ cũng thế, thì không có lý do gì người Việt Nam lại không thể được đọc nó, cho dù không phải để học hỏi, mà có thể chỉ vì hiếu kỳ, thông tin về một nước láng giềng.

Đến nay quyển sách dịch vẫn chưa ra đời ở Việt Nam. Và tôi vẫn chưa mất hy vọng, nhưng tôi hơi thấy tiếc cho cái thời gian tính của nó. Chẳng hạn, trong sách có những đoạn nói về tâm sự người Trung Quốc ở Hồng Kông khi mảnh đất này chưa "trở về tổ quốc" thì bây giờ Hồng

Kông đã thuộc Trung Hoa lục địa rồi. Vì vậy, mặc dù chỉ vô về tiếng Trung, lại không phải là người quen nghề dịch, tôi cũng đã mầy mò cố dịch nó ra, chắc chắn có nhiều lỗi lầm, ở đây thành thật xin những người cao minh hơn chỉ bảo cho.

Trong thập niên trước một thiên niên kỷ mới này, người ta hay nói nền văn minh hậu công nghiệp, hậu hiện đại, cách mạng và văn minh điện tử tin học, đột sóng thứ ba... Người Việt Nam vừa thoát ra được cuộc nổi da xáo thịt, còn phải mất hơn 20 năm để chửi chửi lẫn nhau, bồng một hôm tự thấy mình đang đứng bên lề đường phát triển; đói rách, nghèo nàn, lạc hậu, bối rối không biết đi về đâu. Vì cục diện thế giới đã thay đổi quá nhanh, các phe phái, chiêu bài mà mình vì nó mất bao xương máu và cả một thời son trẻ đã chỉ còn là những dấu vết mờ nhạt.

Trí thức Việt Nam, hoặc những người còn chút suy tư, nhìn sang các nước láng giềng, nhìn ra thế giới cũng hoang mang, lúng túng chẳng kém các cụ nhà Nho cách đây một thế kỷ khi tỉnh dậy vì những tiếng càn-nông của nền văn minh công nghiệp Tây phương bắn vào các cửa biển.

Trong thời kỳ gọi là "đổi mới" gần đây, các nhà lãnh đạo Việt Nam, những người tự cho mình có nhiệm vụ lãnh đạo, lại phát động phong trào đi tìm kiểu mẫu phát triển, giống phong trào "canh tân" của các cụ đồ ngày xưa. Nhưng cái khác với thời hai cụ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh là ngoài các mô-đen Mỹ, Pháp, Nhật, ngày nay còn có một lô những mô-đen mới nữa, trong đó phải kể mấy con rồng, con cọp châu Á ngay sát nách mà ở thời các cụ họ cũng chẳng khác gì mình.

Người có đầu óc một lần nữa phải thắc mắc tại sao bây giờ lại có sự khác biệt đó? Dân tộc Việt Nam cơ bản khác gì những dân tộc khác để ra nông nổi này? Không khỏi có những người, cũng như các cụ Phan ngày xưa, lại đi đào bới trong văn hóa, lịch sử Việt Nam suy gẫm để tìm cho ra nhẽ. Nhưng số ấy không nhiều như ta tưởng, mà rồi cũng chẳng ai để ý đến những lời tâm huyết của họ, nếu không thì lịch sử và vận mệnh nước nhà cũng đã khác.

Mặc dù dưới áp lực của xu hướng toàn cầu hóa trên mọi địa hạt, tôi vẫn tin rằng mỗi một dân tộc phải có một phương thức, một giải pháp riêng đối với cái vận mệnh riêng của mình. Cho nên, trước khi đi cóp nhặt các mô-đen, cần nhất phải biết mình là cái thứ gì, và có thể làm được gì ngay

trước mắt. Muốn biết được điều ấy không thể chỉ cứ tình tượng, huyền hoặc để tiếp tục tự kỷ ám thị hoặc lừa dối nhau, tiếp tục dùng cái lưỡi gỗ để nói những điều cường điệu, hành tiền.

Thường trong lịch sử Việt Nam vốn đã rất ít người thật tình có can đảm và trung thực để tìm hiểu, phê bình, những cái xấu, cái dở của dân tộc mình. Gần đây lại chỉ toàn thấy ca tụng đất nước rừng vàng biển bạc, con người cần cù, thông minh, cao cả, đẹp đẽ, kiên cường, anh hùng, trong sáng... Thậm chí lại có cả người lãnh đạo lấy tên giả viết sách để ca ngợi cá nhân mình, có cả nhà văn bịa tên một người nước ngoài để ca ngợi dân tộc mình. Nếu so sánh với những nước giàu mạnh nhất trên thế giới hiện nay thì lại là cả một chuyện ngược đời.

Mà cái chuyện đi tìm những khuyết tật, những cái dở của dân tộc mình thì không ai có thể làm hộ mình cả, không thể trông chờ vào người nước ngoài được - mặc dù quá trình lịch sử Việt Nam đã chứng minh rằng: ngay đến cả cái chữ viết cũng do người nước ngoài làm cho mình (Tôi không cho rằng chữ Nôm là một thứ chữ viết đúng nghĩa của nó. Đó chỉ là một thứ chữ làm từ chữ Hán, dùng ký âm tiếng Việt cho những người đã biết chữ Hán, quá phức tạp, thiếu quy phạm để được phổ cập và đứng vững).

Và khi người nước ngoài không lo cho nữa thì đến nay nó vẫn ở tình trạng của đầu thế kỷ, không có một canh tân, chuẩn hóa gì thêm, thậm chí một bàn phím máy tính để đánh cái thứ chữ viết đó cũng không hề có ở thời đại xa lộ thông tin này.

Trung Quốc đã là một mô-đen lớn cho Việt Nam từ bao đời nay. Và nếu tôi không lầm thì hiện nay nó vẫn là một mô-đen phát triển cho một nước theo chế độ đảng chủ, lại thuộc về thế giới Hán hóa như Việt Nam.

Quyển sách này soi sáng thêm một bề mặt, có thể là mặt trái của văn hóa Trung Quốc, của dân tộc Trung Hoa. Theo tôi nghĩ nếu lấy cái bề mặt này đem tham chiếu để phản tỉnh thì không những chỉ có ích lợi cho một người Hoa mà còn cho tất cả các cộng đồng liên quan ít nhiều đến văn hóa Trung Quốc.

Ông Bá Dương cơ bản chỉ là một nhà báo, một người viết tạp văn và chính ông cũng xác nhận điều này. Bởi vậy, chúng ta không nên chờ đợi ở quyển sách những phân tích khoa học sâu sắc, những ý nghĩa triết học cao siêu thường thấy ở mấy

trường phái Trung Quốc học tại các đại học Mỹ như Harvard hoặc Stanford. Phần chính của quyển sách lại gồm những bài diễn thuyết, mang lối hành văn của kẻ nói chuyện, nên có người phê bình là bố cục lỏng lẻo.

Cho dù có thật sự thiếu trình độ uyên bác và cái chặt chẽ của lý luận, quyển sách lại đem đến cho người đọc nhiều chất liệu cụ thể rút từ lịch sử và đời thường qua cái nhìn của một người Trung Quốc đã bị "nhào trộn như một viên sỏi trong cái máy trộn bê-tông" của lịch sử Trung Quốc hiện đại. Những thứ rất phổ cập và dễ hiểu này cộng với giọng văn châm biếm chua cay mà thành khẩn của Bá Dương đối với một người Việt bình thường dù ở trong hay ngoài nước sẽ là một cống hiến không nhỏ cho việc hiểu rõ hơn về Trung Quốc và qua đó nhìn lại mà đánh giá bản thân, dân tộc và văn hóa của mình trong giai đoạn hiện nay.

Phần cuối sách gồm một số bài của những người phê phán Bá Dương. Phần tranh luận đầy cảm tính này lại càng làm nổi bật thêm tính độc đáo của cái "hội chứng" Bá Dương nơi cộng đồng người Hoa.

Trong lúc dịch tôi vẫn chưa tìm được ở tiếng Việt chữ nào đúng để diễn tả một từ vừa chỉ cái xấu bề ngoài của một người, đồng thời cũng chỉ cái xấu ở bên trong. Cho nên, lúc thì tôi dùng chữ "xấu xí", lúc thì tôi dùng "xấu xa" tùy theo mạch văn. Đây chỉ là một vấn đề nhỏ. Nhưng cái lớn hơn là giữa tiếng Trung Quốc và tiếng Hán Việt có quá nhiều từ giống nhau, người dịch không khỏi có khuynh hướng lấy cái có sẵn mà sử dụng, do đó có câu văn nhiều khi cù kỳ và tối nghĩa. Đây là một việc lớn hơn, khó hơn, nếu có thì giờ ở một ấn bản khác tôi sẽ cố gắng thêm.

Nhân dịp này tôi cũng không thể không nói lên rằng, ngoài những khó khăn gặp phải của một người dùng một thứ tiếng nghèo nàn để dịch một thứ tiếng phong phú hơn, tôi đã gặp phải quá nhiều đau khổ trong việc đánh máy và chế bản (đối với quyển này cũng như những quyển trước của tôi, vì cho đến nay chưa thể tìm được một chương trình soạn thảo văn bản tiếng Việt nào đạt tiêu chuẩn, thật đáng buồn!), nếu không quyển sách này có thể đã ra đời trước đây sáu tháng hay một năm là ít. Ngoài ra tôi cũng đã tự ý lược bỏ một số đoạn, không nhiều lắm, vì thấy nó có sự trùng hợp với các đoạn khác.

Tôi chỉ mong có nhiều người đọc được quyển sách dịch này, đó là một điều an ủi rất lớn cho cái thiện ý của tôi.

**Nguyễn Hồi Thu**

## Cánh đồng âm nhạc trong mùa xuân Việt Nam

**Nguyễn Thị Trang**

Mùa xuân trên đất Pháp năm nay đặc biệt có một chút âm vang của những điệu nhạc Việt cổ truyền dành cả cho thính giả ngoại quốc. Với "Cánh đồng âm nhạc" trong chương trình quy mô của "Mùa xuân Việt Nam", bao gồm nhiều bộ môn văn nghệ cùng với triển lãm hội họa của các tài năng trẻ bên nhà, triển lãm phim ảnh của nhiều ống kính ngoại quốc và Việt Nam. Ngoài ra còn có múa rối nước, nghệ thuật sơn mài, những buổi diễn thuyết và những buổi kể chuyện cổ tích. Đó là dư âm của Thượng đỉnh Pháp thoại cuối năm 1997 tại Hà Nội, và nghệ thuật Việt Nam một lần nữa được giới thiệu rộng rãi, vượt qua giới hạn dành riêng cho người Việt.

Chương trình âm nhạc là một phối hợp tuyệt diệu giữa nhạc cổ truyền miền Bắc với nghệ thuật sân khấu tân kỳ Âu châu. Loại bỏ những kỹ thuật rườm rà của nghệ thuật chèo, tuồng và ca trù, nhà đạo diễn trẻ Ea Sola, thuộc thế hệ Việt Nam thứ hai tại hải ngoại, đã làm bộc phát những tinh túy của nền ca nhạc cổ truyền, sử dụng giọng ca nhiều hơn là nhạc cụ và dùng nhạc cụ qua cách biểu diễn gõ độc đáo.

Ea Sola cho biết vở "Cánh đồng âm nhạc" vừa sáng tác xong, và đây là lần đầu tiên được đưa ra trước công chúng hải ngoại trước khi trình diễn ở bên nhà. Sau một tháng tập dượt không ngưng nghỉ với các nghệ sĩ ưu tú của ba bộ môn chèo, tuồng và ca trù, Ea Sola đã dàn dựng một cấu trúc âm nhạc đầy tinh tự dân tộc.

Không gian Việt Nam được trang trí thật đơn sơ. Sân khấu chỉ gồm hai màu đen trắng. Màu trắng của chiếc chiếu phủ trên sân khấu, của chiếc mũ cụ to của người ôm, của mũ nhỏ, của phách, của trống. Màu đen của các tấm vải treo dọc vách sân khấu để lộ bóng người đứng sau như pho tượng, hay trải ngang chia sân khấu thành ba miền khác nhau, như để báo trước ba bộ môn sẽ trình diễn.

Từ trong bóng tối, một âm thanh âm ì từ thính không vọng đến, đưa thính giả vào một miền đồng bằng xa xôi. Chợt một người đàn bà lớn tuổi hiện ra, khuôn mặt chiếu sáng với mái tóc bạc vấn trong vành khăn đen. Bà mặc chiếc áo dài nhung đen, ngồi chững chặc trên chiếu giữa, trước phách và nhẹ nhàng cất lên tiếng hát bài "Hồng hồng tuyết tuyết". Đàn đáy và trống nhỏ tom chát đi theo.

Có cái gì thật lạ trong tiếng hát của bà

ca nhiều người biết đến này. Tiếng phách kếp của bà reo dồn dả.

Người đàn bà đó tên Phó Thị Đức, một nghệ sĩ ca trù, vào nghề từ nửa thế kỷ nay. Bà được chính thân phụ luyện đàn từ thuở nhỏ. Bộ môn chèo mà bà Phó Thị Đức theo đuổi những năm sau đó không lẫn át tính ca trù trong cách diễn tả của bà.

Tiếng phách vừa dứt, một hồi trống vang lên, một bóng người mặc áo màu viền vàng sang trọng hiện ra báo hiệu màn tuồng. Một tiếng niệm "A di đà Phật" vang lên. Nghệ sĩ Mãn Thị Thu, đứng bên chiếu trái, cử động chậm rãi, cất lên những lời ai oán, và tiếp theo sau là cả dàn nhạc của tuồng hòa nhịp theo.

Nếu không cầm sẵn chương trình trong tay, ít khán giả có thể đoán ra bố cục vở tuồng *Sơn Hậu*, khi Nguyệt Tam Cung sắp xuống tóc quy y. Tiếng kèn và đàn nhị réo rất tuôn ra những điệu ai oán. Dàn trống bỗng chuyển dồn dập, nghệ sĩ lại xuất hiện trong bộ y phục cũ với chiếc áo khoác ngoài, dáng dấp như người đàn ông. Hai tay áo thụng che trước mặt, dáng đi nghiêng ngả của một người say trong màn "Ngoại tử dâng đầu", tình tuồng thể hiện càng rõ. Rồi tiếng đàn nhị dạo chèo mở lối cho một thiếu nữ mặc áo tứ thân quần vải, đầu vấn khăn cầm mô gõ.

Bài hát chèo là một bài hát cổ, khó mà nghe cho ra những câu "*Mai phát xuân tiên tiếu hạnh trì, Hạnh khai hoa hậu tiếu mai suy...*", và nghệ sĩ Thanh Bình quả là điêu luyện. Bên chiếu phải, dàn nhạc chèo hòa theo. Nào trống, nào sáo, nào nhị. Người sử dụng ba chiếc trống ngay hàng đầu sau đó ôm gọn gàng ba chiếc trống đời qua chiếu giữa, toàn thân cử động và hai vai nâng lên hạ xuống, vừa hát vừa biểu diễn trống một cách dí dỏm. Khán giả mỉm cười nhận ra vai phù thủy trong vở "Xúy Vân giả dại". Tuy không có những động tác quen thuộc của vai này như đốt hương, cười lớn tiếng, chỉ có cái nhún vai cường độ của người gõ trống đủ lột được vai trò. Ba chiếc trống xong lại được gọn gàng đưa về chiếu phải, để cùng với bộ trống của dàn tuồng nổi lên một cách điều hòa, chuyển sang màn tuồng sau.

Đây là Hồ Nguyệt Cô, con hồ ly lâu năm tu luyện được viên ngọc, hóa người, chuyên quyến rũ trai trẻ. Hồ Nguyệt Cô lúc này vừa bị Tiết Giao lừa lấy mất ngọc, uống công trăm năm tu luyện, vừa giận dữ, vừa oán hận. Tiếng kèn hòa theo càng

nói lên sự đơn côi của Hồ Nguyệt Cô. Tâm trạng đó được thể hiện tiếp ở màn ca trù sau, ngắn và trữ tình, man mác buồn thương.

Tiếng phách của ca trù vẫn tiếp tục khi tiếng ca vừa dứt. Tiếng gõ của ba bộ trống đồng nổi dậy, nhanh hơn, vui hơn như đang thi đua nhau. Đây mới chính là màn độc đáo, tiếng gõ khi nhỏ khi to, xoay chuyển khi bên phải khi bên trái, lúc thì thùng, lúc lách cách, lúc đều đặn, lúc rượt đuổi. Có lúc nghe như tiếng ếch nhái ngoài đồng, khi thì như tiếng dẹt cửi đều đặn trong làng. Có lúc như tiếng trống làng dòn dả ngày hội, lúc thì rộn rã gọi nhau vọng từ làng nọ sang làng kia. Màn gõ rất dài có đến hơn năm phút, rồi nhường chỗ cho tiếng âm ư văng vẳng của nghệ sĩ trong bài Lưu Thủy. Đây là một sắc thái mới, người nghệ sĩ trình diễn không bằng tiếng ca mà bằng giọng âm ư trầm bổng. Giọng chèo tiếp tục vang lên khi tiếng âm ư nhỏ dần, và người nghệ sĩ ngồi xếp bằng trên chiếu sử dụng sênh tiền duyên dáng như múa, trong khi không gian tuồng và ca trù ngồi nghiêm trang như dáng tọa thiền.

Khán giả bỗng ngạc nhiên nghe tiếng ca của tuồng cất lên, giọng vui tươi, nhí nhảnh, làm thay đổi hẳn không khí. Người nghệ sĩ trong vai Xuân Trầm của vở "Ngũ biến Xuân Trầm" khi giả điên, đảo người ngồi, liếc mắt qua bên, cất tiếng cười ròn rã và từ đó tiếng cười hồn nhiên nổi lên, lúc đầu trên sân khấu sau đó lan vào khán giả làm mọi người cười thoải mái, như cùng chia sẻ cái điên của Xuân Trầm khi vượt thành, nhưng đây là cái cười không ngả ngón, không giả tạo, không thô lỗ.

Trong không khí vui tươi đó, tiếng âm ư của toàn nghệ sĩ nổi lên rồi dần tắt, nhường chỗ cho bài ca trù "Tỳ Bà Hành". Sau đó điệu "Lưu Thủy" quen thuộc lại âm ư cất lên, nhưng khác với những lần trước. Phải chăng vì Lưu Thủy là bài ca của cả ba miền đất nước, với cách phát âm khác nhau. Chắc nhà đạo diễn muốn tạo ra những khác biệt nho nhỏ đó. Tiếng gõ mô dãn dãn hòa nhịp theo tiếng phách, tiếng mô cụ vang vang giữ nhịp và tiếng gõ lại nổi lên từ khắp phía. Trống gõ vào tang trống lách cách. Mô nhỏ, mô to, nhịp gõ không đều, lúc nhanh lúc chậm, lúc dồn dập như mưa rào, như đá đổ, lúc lách tách như nhỏ hạt, lúc uốn éo, lúc hùng tráng, âm thanh khi phải khi trái, chuyển bắt, đuổi bắt nhau. Lên đến cao điểm thì âm thanh chợt dứt.

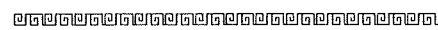
Được biết nghệ thuật gõ này lần đầu tiên ra mắt công chúng và trong chương

trình "Mùa Xuân Việt Nam" mới chỉ được diễn có ba buổi. Dĩ nhiên có những người không kịp đi thưởng thức, đành hẹn dịp sau, có những người có cơ hội dự liên tiếp ba lần diễn và mỗi lần có những cảm xúc khác nhau vì tiếng gõ gọi cảm.

Đạo diễn Ea Sola, tức "cô Thủy" của đoàn nghệ sĩ, có ý giới thiệu các giá trị của nền văn hóa truyền khẩu dân gian Việt Nam với thơ và nhạc. Thơ dân gian nhưng là thơ bác cổ, đòi hỏi một trình độ diễn xuất cao, nhạc cụ đơn sơ và ít ỏi tương phản với tiết tấu cầu kỳ. Những nghệ sĩ trình diễn là những người có danh tiếng trong nghề, đã đạt được ý của đạo diễn, làm bộc phát được hết những nét tinh túy mà không để lộ sự thô thiển, màu mè hay rườm rà thường thấy. Họ đã làm mờ xóa sự lộng lẫy, hào nhoáng của quần áo bên ngoài, tiếng ồn ào của cờ quạt, sự phức tạp của những động tác của tuồng, chèo. Chỉ cần một cái liếc mắt, một cái dơ tay, một cái cúi đầu, một điệu sênh tiền của người nghệ sĩ là khán giả đã cảm thông. Đây là một thành công.

"Cánh đồng âm nhạc" là một đóng góp vào di sản âm nhạc Việt Nam và, hơn thế nữa, nó được giới trẻ Việt Nam hải ngoại mến mộ. Những tài năng mới và trẻ tại hải ngoại cũng như bên nhà chắc chắn cần được khuyến khích và ủng hộ thêm nữa.

*Nguyễn Thị Trang*



## Giới thiệu báo

**Infos-Débats** - gọi tắt là **ID**.

ID được xuất bản hai tháng một lần dành cho các độc giả Pháp thoại người Việt Nam và ngoại quốc. Số 1 đã được phát hành vào tháng 10-1997.

ID muốn trở thành một diễn đàn thật sự đa dạng về mọi vấn đề liên quan đến con người, xã hội, đất nước.

ID có một ban biên tập gồm nhiều khuynh hướng và tuổi tác khác nhau, đặc biệt nhiều người trẻ thạo tiếng Pháp hơn tiếng Việt, có hình thức tổ chức nhẹ nhàng và mở rộng để mong có được sự tham gia của các bạn bè Pháp thoại người ngoại quốc cũng như người Việt.

Giá báo một năm (6 số): 60 FF hoặc tương đương. Ngân phiếu hay chi phiếu xin đề "Vietnam Fraternité" và gửi về:

**c/o M. Diep Tuong Bao**  
**124 bis rue de Flandre**  
**75019 Paris - France**

(Tiếp theo trang 19)

## Quan hệ Việt Nam - Kampuchia

người đánh bắt, những đầu mối buôn bán đều do người gốc Hoa nắm giữ, người Khmer gốc Việt (Youn) chỉ sống bằng nghề trồng lúa, đánh cá sông và buôn bán lẻ. Nếu không có những vụ thảm sát thường dân Việt tại vùng biên giới Tây Nam, sự can thiệp của Việt Nam vào nội tình Kampuchea đã không kéo dài lâu. Người Việt chống cộng có đủ lý do để lên án chính quyền Hà Nội chiếm đóng Kampuchea, nhưng không thể lên án họ thiết đặt những cơ sở bảo vệ người Việt định cư trên vùng đất này. Về kinh tế, những vụ xua đuổi người Việt ra khỏi lãnh thổ đã làm một số tỉnh Takeo, Kandan, Preyvang, Soài Rieng và ngay cả thủ đô Phnom Penh cũng bị kiệt quệ. Người Khmer trên một khía cạnh nào đó đã là nạn nhân của những tuyên truyền có từ thời Pháp thuộc trong ý đồ chia để trị.

Tại sao chỉ nhắc lại các vùng đất đã tặng cho Việt Nam trên đồng bằng sông Cửu Long mà không nhắc những vùng đất khác, rộng lớn hơn đã tặng cho người Thái? Một lý do dễ hiểu hơn là đồng bằng sông Cửu Long ngày nay trở thành vùng đất trù phú, dân chúng có đời sống sung túc hơn phần đất phía Tây Nam còn rất nghèo nàn. Người Khmer nên hiểu rằng nơi nào có hòa bình, có đồng thuận, nơi đó sẽ trở nên trù phú.

Tranh chấp giữa phe Hun Sen cầm quyền và các phe đối lập hiện nay chỉ là sự lặp lại của lịch sử cận đại Kampuchea, và sẽ còn tiếp diễn. Trong cuộc tranh chấp này chúng ta nên giữ thái độ dè dặt. Có thể Hun Sen không phải là một con người lý tưởng nhưng ít ra ông là một người có thể đối thoại được. Về hoàng tử Ranariddh, có thể ông là một con người thông minh, cởi mở nhưng chỉ là bản sao chụp mờ nhạt của thân phụ ông. Trong suốt cuộc đời của Sihanouk, chưa bao giờ ông hợp tác một cách chân tình với Việt Nam, ông chỉ đu dây giữa các siêu cường để được bảo vệ và tiếp tục nghi kỵ người Việt Nam. Những vận động tranh cử gần đây của Ranariddh, bài xích người Việt, là một dấu hiệu xấu.

Tuy nhiên, chúng ta cần quan tâm hơn nữa đến an ninh của kiều dân Việt trên đất Kampuchea. Nếu chính quyền cộng sản Việt Nam không làm gì, để mặc kiều dân Việt phải chết oan trên đất Chùa Tháp, thì cộng đồng người Việt hải ngoại phải tố cáo những hành động dã man này trước dư luận quốc tế.

*Nguyễn Văn Huy*

# THỜI SỰ... TÀN TỨC... THỜI SỰ...

## **Những cảnh hoa đại cho một tên sát nhân diệt chủng**

Lãnh tụ Khmer Đỏ Pol Pot đã chết ngày 15-4-1998 trong doanh trại cuối cùng của đám tàn quân Khmer Đỏ mà hắn đã gây dựng lên.

Sinh năm 1925 với tên Saloth Sar, Pol Pot đã du học ở Pháp và khám phá ra chủ nghĩa cộng sản tại đây. Về nước Pol Pot gia nhập Đảng Cộng Sản Đông Dương (do Hồ Chí Minh làm chủ tịch), rồi trở thành đồng minh thân thiết của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Chính Hà Nội đã giúp Pol Pot gây dựng lực lượng để rồi chiếm được chính quyền ngày 17-4-1975, hai tuần lễ trước khi lực lượng cộng sản toàn thắng tại Việt Nam. Nhưng ngay sau đó Pol Pot quay ra gây chiến với Việt Nam. Lý do là vì lúc đó Liên Xô và Trung Quốc gây hấn với nhau, lý tưởng quốc tế cộng sản không còn nữa, Pol Pot quay về với tư tưởng dân tộc và tâm lý thù ghét Việt Nam. Một lý do nữa là vì trong cuộc xung đột Liên Xô - Trung Quốc, Pol Pot đã chọn quan thầy Trung Quốc trong khi đảng cộng sản Việt Nam chọn Liên Xô. Từ 1975 đến 1978, Pol Pot đã tung nhiều đợt tấn công vào Việt Nam, tàn sát và đốt phá rất hung hăng. Cuối năm 1978, quân cộng sản Việt Nam mở đợt phản công và bao và chỉ trong vòng 12 ngày làm chủ tình hình Kampuchia, Pol Pot cùng hai đồng lõa chính, Khieu Samphan và Ieng Sari, trốn vào rừng kháng chiến. Tuy chỉ cầm quyền không đầy ba năm, Pol Pot đã làm chết khoảng hai triệu người, tức 1/3 dân số Kampuchia. Tính theo tỷ lệ dân số thì chưa có tên bạo chúa nào trong lịch sử thế giới tàn ác như Pol Pot. Tội ác kinh khiếp đó đã chỉ vì một ngu xuẩn lý thuyết: Pol Pot muốn xây dựng một chế độ mà hắn gọi là chế độ "cộng sản trong sạch".

Sau khi chạy trốn vào rừng sâu, Pol Pot được Trung Quốc, Hoa Kỳ và Tây Phương yểm trợ để gia nhập một liên minh chống Việt Nam. Cuộc chiếm đóng Kampuchia từ 1979 đến 1989 đã làm Việt Nam thiệt hại trên 50 ngàn quân và sau cùng phải rút lui trước áp lực quốc tế.

Sau giải pháp hòa bình 1993, Pol Pot lại bị cô lập, hai lực lượng đồng minh của Pol Pot, lực lượng Sihanouk và lực lượng Son Sann tham gia chính phủ liên hiệp, Pol Pot thấy không có hy vọng nào trong một cuộc bầu cử tự do đã tẩy chay giải pháp hòa bình và tiếp tục làm loạn. Nhưng tình thế đã thay đổi, Trung Quốc không

còn yểm trợ Pol Pot nữa, Thái Lan cũng dần dần bỏ rơi Pol Pot. Lực lượng Pol Pot tàn lụi đi và phân hóa. Các tay chân của Pol Pot dần dần bỏ cuộc. Đầu năm 1997 Pol Pot làm cuộc thanh trừng đẫm máu cuối cùng trong nội bộ, nhưng thất bại và bị bộ tướng Ta Mok bắt. Ta Mok dàn dựng một vụ án, kết tội Pol Pot diệt chủng và xử án Pol Pot tù chung thân. Tàn quân Ta Mok tàn lụi nhanh chóng, một tuần lễ trước ngày Pol Pot chết, Ta Mok định giao Pol Pot cho Hoa Kỳ đem đi xử về tội diệt chủng trong ý định đầu hàng.

Một xác chết của một người già mặc quần áo nông dân, trên một cái giường gỗ với hai cục bông gòn nhét vào lỗ mũi là tất cả những gì còn lại của tên sát nhân ghê rợn nhất lịch sử. Tuy nhiên trên đầu giường, Pol Pot cũng có những cành bông giấy đại trong rừng. Lượng từ bi của nhà Phật rất bao la, Pol Pot cũng được hỏa táng theo nghi thức Phật giáo.

Tuy đã làm chết hai triệu người, tội ác của Pol Pot vẫn chưa chấm dứt. Sẽ còn rất nhiều nạn nhân của Pol Pot vì trong 20 năm qua Pol Pot đã gài trên khắp lãnh thổ Kampuchia khoảng sáu triệu trái mìn chống cá nhân, mà ngày nay người ta không còn biết nơi để tháo gỡ.

## **Ranariddh bài xích người Việt Nam**

Norodom Ranariddh là con trai của quốc vương Norodom Sihanouk và là cựu "đồng thủ tướng" Kampuchia đã đọc một bài diễn văn tại Siem Reap hôm 21-4-1998 với giọng điệu chống Việt Nam cực kỳ sơ đẳng.

Ranariddh nói rằng nếu đảng FUNCINPEC của ông ta thắng trong cuộc bầu cử cuối tháng 7 sắp tới, ông ta sẽ trục xuất hết người Việt. Ông nói "Bon Youn (tiếng Khmer có nghĩa là Việt) tới chiếm đất của ta, chiếm công ăn việc làm của chúng ta, lấy quốc tịch nước ta, bắt cá của chúng ta, tại sao chúng ta không trục xuất họ như Mã Lai đã trục xuất công nhân Nam Dương nhập cảnh lậu?". Ranariddh hứa nếu thắng cử sẽ giải quyết 100% vấn đề, có nghĩa là trục xuất hết người Việt.

Điều khác với người Nam Dương nhập cảnh lậu là những người Việt tại Kampuchia đã có quốc tịch Kampuchia, và trên pháp lý là người Kampuchia. Tuy vậy, Ranariddh không tự coi là người kỳ thị chủng tộc.

Cũng trong ngày 21-4, một toán loạn quân Khmer Đỏ đã tấn công làng Chhnok

Tru, thuộc tỉnh Kompong Cham, và sát hại 25 người gốc Việt Nam.

Ranariddh dựa vào uy tín của cha đã thắng cử trong cuộc bầu cử quốc hội năm 1993, nhưng vì không có lực lượng quân sự đã phải chấp nhận một thỏa hiệp kỳ cục với Hun Sen về một "chính phủ kép" với hai thủ tướng và mỗi bộ hai bộ trưởng. Tháng 7-1997, Ranariddh bị Hun Sen đảo chánh chạy sang Pháp, đàn em Ranariddh bỏ rơi ông ta và liên kết với Hun Sen. Nhờ áp lực quốc tế, Ranariddh lại được về Kampuchia hoạt động chính trị để tranh cử vào tháng 7 này nhưng vì nhát gan sợ bị Hun Sen thủ tiêu, ông ta chỉ quanh quẩn ở Thái Lan và vùng biên giới.

## **Bắc Kinh phóng thích Vương Đan**

Vương Đan (Wang Dan) một trong những thủ lãnh sinh viên nổi dậy tại Thiên An Môn năm 1989 vừa được chính quyền Bắc Kinh phóng thích ngày 19-4-1998 và ngay sau đó bị trục xuất sang Mỹ để "trị bệnh".

Sinh viên Vương Đan năm nay 29 tuổi, cựu sinh viên sử học trường Đại Học Bắc Kinh đã bị bắt năm 1989 trong biến cố Thiên An Môn. Trong năm 1993, chính quyền Bắc Kinh cho thả một số tù nhân chính trị trong đó có Ngụy Kinh Sinh và Vương Đan để lấy lòng dư luận quốc tế trong việc tuyển chọn các thành phố tổ chức Thế Vận Hội mùa hè cho năm 2000. Không được chọn ủy ban thế vận tuyển chọn, Bắc Kinh cho bắt lại Ngụy Kinh Sinh và Vương Đan sau đó. Vương Đan bị kết án 11 năm tù với lý do "chống nhà nước".

Việc phóng thích Vương Đan và Ngụy Kinh Sinh trước đó nằm trong sách lược của Bắc Kinh là lừa gạt dư luận thế giới về "tiến bộ" nhân quyền ở Trung Quốc và đồng thời tống khứ những người chống đối ra nước ngoài. Bắc Kinh thừa biết là cộng đồng người Hoa ở nước ngoài chia rẽ và phân tán không có khả năng đe dọa chế độ. Cuối cùng, Bắc Kinh đã làm Mỹ hài lòng trong việc thỏa thuận "ngâm" giữa hai nước và sửa soạn tiếp đón tổng thống Clinton vào cuối tháng 6 sắp tới.

## **Cụ Nguyễn Văn Trấn qua đời**

Cụ Nguyễn Văn Trấn, tự Bảy Trấn, đã từ trần sáng ngày 1-5-1998, thọ 85 tuổi.

Cụ Nguyễn Văn Trấn là học sinh trường Petrus Ký, cùng lớp với cựu ngoại

# THỜI SỰ...TÌNH TỨC...THỜI SỰ...

trưởng Việt Nam Cộng Hòa Trần Văn Lãm mà cụ vẫn giữ nguyên tình bạn dù ở chiến tuyến đối nghịch.

Sau khi tốt nghiệp trung học, gia đình gởi cụ qua Pháp học kỹ sư canh nông, nhưng cụ Nguyễn Văn Trấn đã chọn ở lại Việt Nam để hoạt động cách mạng. Cụ là một trong những người đầu tiên tham gia đảng cộng sản tại miền Nam, cụ cũng là người đảm nhiệm tờ báo cộng sản đầu tiên tại miền Nam. Năm 1945, cụ Trấn là người chỉ huy cuộc khởi nghĩa 23-8 cướp chính quyền tại Sài Gòn. Sau đó cụ là phó bí thư Nam bộ đảng cộng sản, giám đốc công an Nam bộ. Vì bất hòa với Lê Đức Thọ, cụ bị gởi về miền Bắc và từ đó mất ảnh hưởng.

Sau năm 1975 cụ về miền Nam, và sống thanh đạm như một người ngoài cuộc, cụ được biết đến như là "Ông Già Chợ Đệm" (Chợ Đệm là quê hương của cụ). Năm 1994, cụ viết cuốn sách "Viết Cho Mẹ và Quốc Hội" lên án gay gắt chế độ. Một tài liệu mật của đảng cộng sản đề nghị khai trừ cụ ra khỏi đảng cộng sản sau Đại hội VIII, nhưng vì tuổi cụ đã cao, đảng cộng sản không thi hành quyết định khai trừ.

Từ năm 1995, cụ Bảy Trấn gởi cho Thông Luận nhiều bài, ký nhiều tên khác nhau: "Năm Đồn Gánh, Mút Gừng, Người Sài Gòn, v.v...". Sau đó cụ hợp tác với tờ báo chui *Người Sài Gòn*.

Cách đây một năm, cụ Trấn bị "ăn trộm" xông vào nhà, lấy mất nhiều tài liệu, trong đó có bản thảo cuốn sách vừa viết xong về Phan Thanh Giản. Cụ Trấn cũng được công an thăm viếng nhiều lần và sau đó bất ngờ bị một xe gắn máy đụng bị thương trong lúc cụ đang đi dạo trên hè phố. Nghĩ rằng đây là âm mưu ám sát, gia đình cụ đã di chuyển cụ đi nhiều nơi. Cụ sống với cháu ngoại tại quận Tân Định trong thời gian gần đây.

Cụ Trấn đã từ trần vì bệnh đau ruột sau hai ngày được đưa vào bệnh viện.

Thông Luận thương tiếc một vị tiền bối và một cộng sự viên khả kính. Xin chúc hương hồn cụ Nguyễn Văn Trấn về nước Chúa.

## Nhà thơ Nguyễn Sa từ trần

Nhà thơ Nguyễn Sa, tên thật Trần Bích Lan, đã từ trần ngày 18-4-1998 tại Orange County, Nam California, Hoa Kỳ, thọ 68 tuổi. Nguyễn Sa bị ung thư họng và đã trải qua ba cuộc giải phẫu.

Du học Pháp từ thời niên thiếu và đậu

cử nhân văn chương, Nguyễn Sa về Việt Nam sau hiệp định Genève 1954 và làm ngạc nhiên mọi người vì cách sử dụng tiếng Việt tuyệt vời của ông. Ông sinh sống bằng nghề giáo sư dạy Triết và rất thành công. Tập "Thơ Nguyễn Sa" của ông xuất bản cuối thập niên 1950 đã là một hiện tượng văn học. Nhiều bài thơ của ông đi vào ký ức dân gian. Có lẽ ít người Việt Nam nào ở lứa tuổi 45-60 hiện nay mà lại không biết một số câu thơ Nguyễn Sa như:

*Ao nàng vàng tôi về yêu hoa cúc,  
Ao nàng xanh tôi mến lá sân trường...*  
(Tuổi Mười Ba)

hay:

*Anh sẽ vuốt tóc em cho đêm khuya tan  
giác.*

*Anh sẽ nâng tay em cho ngọc sát vào  
môi.*

*Anh sẽ nói thầm như gió thoảng bên  
tai.*

*Anh sẽ nhớ suốt đời mưa tháng sáu...  
(Mưa Tháng Sáu)*

Bài thơ Áo Lụa Hà Đông của ông được phổ nhạc và trở thành một trong những bài hát được ưa thích nhất với những câu:

*Em chợt đến chợt đi anh vẫn biết,  
Trời chợt mưa chợt nắng chẳng vì đâu.  
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau,  
Để anh gọi tiếng tơ buồn vọng lại.*

Nguyễn Sa chỉ làm thơ tình, và thơ tình của ông đạt tới mức mơ mộng.

Nguyễn Sa sang Mỹ năm 1975 và từ đó làm báo. Có lẽ cảm hứng đã hết nên dù là một phù thủy của ngôn ngữ và là một giáo sư triết, từ đó ông đã không có đóng góp nào đáng kể.

## Nguyễn Văn Linh qua đời

Ông Nguyễn Văn Linh, tự Mười Cúc, cựu tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam đã từ trần ngày 26-4-1998 tại Sài Gòn, thọ 83 tuổi.

Sinh năm 1915, ông Linh gia nhập tổ chức cộng sản rất sớm, lúc mới 14 tuổi, đảng cộng sản lúc đó còn mang tên là Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. Ông được gởi vào Nam hoạt động từ năm 1939 và đã trải qua gần hết cuộc đời hoạt động tại miền Nam. Trong thời chiến tranh ông là phó bí thư trung ương cục miền Nam, tức phân bộ miền Nam của đảng cộng sản. Sau chiến thắng 30-4-1975, ông được kể là một trong những người có cộng nhất và được bầu vào cả bộ

chính trị lẫn ban bí thư trung ương đảng năm 1976. Tuy nhiên trong đại hội V năm 1982 ông bị thất sủng, chỉ giữ được ghế ủy viên trung ương đảng nhưng bị loại khỏi cả bộ chính trị lẫn ban bí thư. Sau một thời gian, ông lấy lại được thế lực và trở thành tổng bí thư đảng cộng sản năm 1986 với chính sách đổi mới. Câu nói nổi tiếng nhất là câu ông tuyên bố với văn nghệ sĩ: "Đảng nào thì các anh cũng không thể bỏ công ngồi bút". Ông tuyên bố coi trời văn nghệ sĩ. Thời gian này đã có thảo luận sôi nổi về dân chủ tại Việt Nam. Nhưng chẳng bao lâu, cũng chính ông Linh chủ trương "trở lại" văn nghệ sĩ. Cởi ra cũng ông mà buộc lại cũng ông. Nguyễn Văn Linh mất chức tổng bí thư năm 1991. Từ đó nhiều khi ông tỏ ra bất mãn. Ông nhiều lần bày tỏ sự thù ghét với ông Võ Văn Kiệt, một cộng sự viên lâu đời của ông. Càng về già, ông càng tỏ ra bảo thủ hơn.

Đảng cộng sản tuyên bố quốc tang hai ngày và lập một ban tang lễ do chính tổng bí thư Lê Khả Phiêu cầm đầu. Dân chúng trong nước rất bức bối về tang lễ này. Họ coi ông Linh là người chẳng có công lao gì, hơn nữa lại đã thất sủng. Hai ngày tang lễ, trong đó mọi hoạt động giải trí và văn hóa bị cấm đã gây thiệt hại lớn cho các cơ sở giải trí và du lịch vốn đã gặp khó khăn.

## Nguyễn Cơ Thạch từ trần

Cựu phó thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch đã từ trần ngày 17-4-1998, thọ 76 tuổi. Ông Thạch là một đảng viên cộng sản kỳ cựu phục vụ trong quân đội tới chức đại tá rồi chuyển sang ngoại giao. Ông được vào bộ chính trị sau đại hội VI, nhưng bị thất sủng sau đại hội VII.

Trong thời gian làm ngoại trưởng, ông Thạch đã cố gắng mở cửa Việt Nam ra với thế giới. Ông cũng đã có những sáng kiến mạnh bạo trong việc mưu tìm hòa dịu giữa người Việt hải ngoại và chính quyền Hà Nội.

Tháng 4-1989, ông đã gặp gỡ chính thức một nhóm người Việt hải ngoại do hai cựu sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa cầm đầu. Biến cố Thiên An Môn và chính sách xét lại của Bắc Kinh mà Hà Nội mau chóng noi theo đã chấm dứt cuộc đối thoại vừa mới bắt đầu này.

Vì một lý do chưa được giải thích ông Thạch thất sủng và mất mọi ảnh hưởng sau đại hội VII năm 1991. Từ đó ông mở một văn phòng tham vấn đầu tư với kết quả khiêm nhường và ông hoàn toàn giữ

# THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

im lặng.

## **Phan Văn Khải hồ to tại ASEM 2**

Ông Phan Văn Khải chắc muốn rằng chuyến công du đầu tiên ở chức vụ thủ tướng của phải thật ngoạn mục, nhưng ông hồ to. Hội nghị ASEM 2, họp tại London đầu tháng 4 vừa qua, là một cuộc gặp gỡ giữa các nhà lãnh đạo Âu-Á trong mục đích trao đổi về tinh thần hợp tác. Mục đích của nó là tìm kiếm một quan hệ quốc tế lãnh mạnh hơn, trên căn bản tôn trọng nhân quyền và công pháp quốc tế. Ông Khải lại tưởng đây là cơ hội để xin viện trợ và ký hợp đồng, ông đem theo cả một phái đoàn đông đảo bộ trưởng, thứ trưởng, tổng giám đốc, v.v... Ông dẫn phái đoàn sang Pháp, Bỉ và Áo. Tại mỗi nơi ông chỉ được tiếp đón lạnh nhạt và nhận những lời khuyến cáo về nhân quyền.

Tổng thống Pháp nhân dịp này thúc dục chính quyền Hà Nội trả tự do cho giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế và các tù nhân lương tâm khác. Báo chí đã không hề nhắc tới tên ông Khải. Hai nhân vật được chú ý nhất là tân tổng thống Đại Hàn Kim Đại Trọng, khuôn mặt dân chủ kiên cường nhất Châu Á, đã năm chính quyền sau hơn 40 năm tranh đấu gian lao, và Chu Dung Cơ, tân thủ tướng Trung Quốc, hy vọng của cuộc canh tân dân chủ hóa Trung Quốc.

Ông Khải và phái đoàn ra về tay không. Điều đáng nói là lẽ ra ông Nguyễn Mạnh Cầm, một nhà ngoại giao kỳ cựu, đã phải trình bày cho ông Khải về ASEM, hay là chính ông Cầm cũng không hiểu gì ráo trọi?

ASEM là một hội nghị giữa các nhà lãnh đạo Á và Âu để trao đổi ý kiến, do một sáng kiến của Pháp. Đây là hội nghị ASEM lần thứ hai, lần thứ nhất, ASEM 1, đã họp tại Bangkok cách đây hai năm.

## **Nguyễn Tấn Dũng sẽ làm thống đốc ngân hàng?**

Chức thống đốc ngân hàng quốc gia Việt Nam từ tháng 10-1997 cho tới nay vẫn bỏ trống kể từ ngày quốc hội Hà Nội bác bỏ đề nghị của ông Võ Văn Kiệt tái bổ nhiệm ông Cao Sĩ Kiêm. Ông Đỗ Quế Lương được chỉ định xử lý thường vụ.

Gần đây giới thạo tin cho hay ông Nguyễn Tấn Dũng có thể sẽ được bổ nhiệm vào chức vụ này. Ông Dũng năm

nay 49 tuổi, xuất thân từ ngành công an, đã leo rất nhanh các nấc thang quyền lực để vào trung ương đảng năm 1986, lúc mới 37 tuổi, trước cả ông Lê Khả Phiêu.

Sau đại hội VIII, tháng 6-1996, ông được vào bộ chính trị và trở thành một trong năm ủy viên ban thường vụ bộ chính trị. Sau đó ông được chỉ định làm phó thủ tướng thường trực, tức phó thủ tướng thứ nhất. Sự nghiệp đang lên thì cuối năm 1997, sau cuộc cải tổ bộ chính trị với sự ra đi của các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt và việc bổ nhiệm ông Lê Khả Phiêu vào chức vụ tổng bí thư, ông Dũng bị mất ghế trong ban thường vụ bộ chính trị.

Việc bổ nhiệm ông Nguyễn Tấn Dũng vào chức vụ thống đốc ngân hàng trung ương (với vị thứ của một bộ trưởng) sẽ là một sự thoái bộ khác của ông Dũng.

Cho tới nay ông Dũng chưa hề lập được thành tích nào đáng kể. Thành tích duy nhất của ông vẫn là hồi cuối năm 1984 ông đã gài bẫy bắt được nhóm kháng chiến quân Trần Văn Bá, Lê Quốc Quân, Hồ Thái Bạch. ba vị này sau đó đã bị xử tử và ông Dũng được tặng huân chương anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

## **Tăng cường quan hệ Việt - Mỹ**

Một phái bộ quân sự Hoa Kỳ, mà thành phần không được công bố, đã thăm viếng Việt Nam hồi cuối tháng 3-1998. Phái đoàn đã được thượng tướng Trần Hạnh, thứ trưởng quốc phòng tiếp đón. Phái đoàn này đã thăm viếng nhiều cơ sở huấn luyện của quân đội Việt Nam và nhiều đơn vị hải, lục, không quân. Việc đại sứ Petersen và đại tá O'Dowd, tùy viên quân sự Mỹ tại Việt Nam, tháp tùng phái đoàn chứng tỏ đây là một cuộc thăm viếng cấp cao.

Mặt khác, ngày 26-3-1998, bộ trưởng kế hoạch và đầu tư Trần Xuân Giá cũng đã ký kết với chủ tịch cơ quan đầu tư tư nhân OPIC George Munoz một thỏa ước về đầu tư của các công ty Mỹ tại Việt Nam. Với thỏa ước này, từ đây OPIC sẽ yểm trợ các nhà đầu tư Mỹ tại Việt Nam bằng cách cấp tín dụng và bảo hiểm cho các nhà đầu tư. Thỏa hiệp này là một tiếp nối tự nhiên sau khi tổng thống Bill Clinton bãi bỏ tu chính án Jackson-Vanik cấm các công ty Mỹ đầu tư vào Việt Nam.

## **Hà Nội có nguy cơ trở thành một thảm họa về môi trường**

"Chính quyền Việt Nam phải thức tỉnh. Hà Nội đang trên đà trở thành một thảm họa về mặt thiết kế đô thị giống như Manila". Đó là lời cảnh cáo của giáo sư David Smith của trường đại học Liverpool (Anh) tại Hà Nội ngày 4-4-1998 trước khi kết thúc chuyến thăm viếng và nghiên cứu Việt Nam.

Theo giáo sư Smith, chính quyền Việt Nam vẫn còn đang từ chối nhìn thẳng vào sự thực vì tình trạng Hà Nội còn nguy ngập hơn cả Sài Gòn do làn sóng người từ nông thôn đổ về. Hệ thống thoát nước bản từ thời thuộc địa Pháp để lại đã trở thành vô hiệu lực. Vấn đề theo giáo sư Smith thì quan tâm của Hà Nội hiện nay là đem tiền của vào xây dựng nông thôn thay vì thành phố, nhưng đó là một nhận định sai lầm lớn của ông Smith.

Có lẽ ông Smith chưa hiểu rằng cho tới nay Hà Nội đã bỏ rơi nông thôn và đã chỉ hoảng hốt quay về xây dựng nông thôn sau vụ Thái Bình. Nhưng chính vì thế mà lời tuyên bố của ông Smith đáng để ý: bấy giờ đặt trọng tâm vào nông thôn thì chẳng bao lâu chính quyền cộng sản sẽ phải đương đầu với những khó khăn lớn hơn tại các thành phố và tại ngay Hà Nội.

Ông Smith cho rằng con số 20% dân Việt Nam sống tại các đô thị là không đúng vì không kể đến số người đã và đang tiếp tục rời nông thôn. Theo ông con số 30% gần sự thực hơn. Dân số chính thức tại Hà Nội là 1,5 triệu người, nhưng ông Smith ước lượng con số này chỉ bằng một nửa sự thực.

Trong một lời tuyên bố khác, ông Smith ước lượng dân số Sài Gòn là 5 triệu người. Nhiều chuyên gia đô thị lại ước lượng dân số thực sự của Sài Gòn là 7 triệu. Sự khác biệt có lẽ là ở chỗ hai bên không có cùng một Sài Gòn, một số huyện ngoại thành có lẽ đã không được ông Smith kể là Sài Gòn.

## **Tình hình nông thôn thực sự căng thẳng tới mức nào?**

Vụ Thái Bình xảy ra từ giữa mùa hè 1997 nhưng mãi đến tháng 10 người ta mới bắt đầu biết đến. Cho tới nay, nhiều người vẫn nghĩ Thái Bình là tỉnh duy nhất có biến động. Rồi dần dần sự thực được hé mở qua các phát biểu tình cờ của quan chức nhà nước. Người ta được biết đã có lộn xộn tại rất nhiều nơi khác, nhất là ở các

# THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

tỉnh miền Trung. Riêng tỉnh Hà Tây thì chưa bao giờ nghe nói đến.

Mới đây, báo *Nhân Dân* số ra ngày 30-3-1998 đăng một tin có vẻ bình thường, nhưng đặc kỳ thì không bình thường chút nào. Bài báo thuật lại một hội nghị về giải quyết các mâu thuẫn và các "điểm nóng" tại Hà Tây. Hội nghị do hai ông Nguyễn Văn Tâm, ủy viên trung ương đảng kiêm bí thư tỉnh ủy Hà Tây, và Nguyễn Khánh Toàn, ủy viên trung ương đảng đồng thời là thứ trưởng nội vụ, chủ trì.

Qua báo cáo trong hội nghị thì trong năm 1997, riêng tại tỉnh Hà Tây có tới 75 vụ lộn xộn và nhiều nơi đã biến thành những điểm nóng. Theo hội nghị, nguyên nhân chính của những vụ lộn xộn này là việc quản lý đất đai, việc giải tỏa các khu đất có nhà dân chúng, có nhà thờ, chùa cho các công trình nhà nước, việc tranh tụng đất đai giữa dân chúng. Theo báo cáo, các "mâu thuẫn" này đã không được giải quyết nên đã đưa đến tình trạng "nóng bỏng".

Xem thế thì không phải chỉ có Thái Bình. Các vụ lộn xộn có thể nổ lớn bất cứ lúc nào và tại bất cứ nơi đâu. Nên nhớ lại là vụ Thái Bình, trong đó hàng trăm ngàn dân chúng thuộc 52 xã đã nổi dậy, chỉ bắt đầu bằng một vụ lộn xộn nhỏ tại làng Quỳnh Hoa, xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ.

Tình trạng căng thẳng lớn tại nông thôn đang gây lo âu lớn trong giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Ngày 21-4-1998, ông Trần Đức Lương đã khai mạc khóa họp của quốc hội bằng những lời tuyên bố rất báo động. Ông Lương nói Thái Bình chỉ là một trường hợp mà thôi. Xung đột giữa dân chúng xảy ra ở khắp nơi và bất cứ lúc nào, kể cả xung đột giữa nhân dân và chính quyền. Lời tuyên bố của ông Lương được báo chí quốc tế coi là lời cảnh cáo mạnh mẽ nhất từ trước tới nay.

Tình hình bất ổn tại nông thôn đã khiến ông Đỗ Mười, cựu tổng bí thư đảng và hiện là cố vấn bộ chính trị, tuyên bố cần phải dân chủ từ cơ sở. Ông Đỗ Mười đề nghị bầu cử tự do tại nông thôn.

Trong khi đó, ông Võ Văn Kiệt, cựu thủ tướng, từng được coi là cởi mở và tiến bộ, lại tuyên bố một cách cực kỳ tồi tệ. Ông Kiệt nói: *"Đa đảng sẽ dẫn tới hỗn loạn như những gì đã xảy ra tại Campuchia và Thái Lan. Nước ta và dân tộc ta chọn lựa chế độ hiện tại".* Có lẽ vì bị vướng mắc

những hồ sơ tham nhũng nguy hiểm cho bản thân và gia đình mà ông Kiệt đã phải ngoan ngoãn như vậy. Thái Lan còn hơn nhiều lần Việt Nam. Việt Nam được như Thái Lan cũng là may lắm rồi.

## Sau Long Bình đến Thủ Đức

Sau khi dẹp yên các vụ xuống đường chống đuổi nhà tại Long Bình, tỉnh Đồng Nai, ngày 31-3-1998 Chi Cục Di Dân thành phố và UBND quận 9 (Thủ Đức) ra lệnh đuổi 80 hộ dân trong khu nghĩa địa Phước Bình để xây dựng khu nhà ở do Công Ty Phát Triển Nhà và Dịch Vụ các Khu Công Nghiệp. Theo như kế hoạch dự trù, sau ngày 15-4-1998 những gia đình có hộ khẩu thường trú hoặc định cư ở đây từ trước ngày 30-4-1975 sẽ được tái bố trí chỗ khác, 27 gia đình không có hộ khẩu thường trú sẽ bị cưỡng chế lên các vùng kinh tế mới Dakru (tỉnh Bình Phước) và Tân Uyên (tỉnh Bình Dương) sinh sống.

Cũng nên biết những hộ dân ở khu nghĩa địa Phước Bình này đa số là anh em thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Trước kia khu vực này là nghĩa trang dành cho những chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa tử trận, được xây dựng ngay trong làng thương phế binh Thủ Đức, cạnh xa lộ Biên Hòa và sông Rạch Chiếc. Sau ngày 30-4-1975, ban quân quản cộng sản tịch thu nhà của và trục xuất hơn 2/3 gia đình trong làng thương phế binh tại đây về quê quán cũ hoặc đưa lên các vùng kinh tế mới.

Từ năm 1980, một số gia đình chịu không nổi đời sống cơ cực trên các vùng kinh tế mới về lại đây dựng chòi ở tạm trong khu nghĩa địa. Nay do nhu cầu xây nhà cho người ngoại quốc thuê, chính quyền cộng sản ra lệnh đập phá mở mã những chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa và đuổi các gia đình phế binh cư ngụ nơi đây để xây dựng nhà của.

Cộng đồng người Việt hải ngoại không thể im lặng trước những hành vi vô nhân đạo này, hãy vận động dư luận quốc tế ngăn chặn việc đàn áp những người tàn tật vì chiến tranh.

Mọi chi tiết, xin liên lạc với bác sĩ Phan Minh Hiền, 215 avenue Pierre Brosolette, 94170 le Perreux sur Marne, France.

## Bảo trợ sinh Việt Nam sang Pháp trình luận án

Trong khuôn khổ của chương trình trợ giúp sinh viên cao học của Hội Văn Hóa Giáo Dục Cam Tuyền, một nghiên cứu sinh về ban Toán, anh Đinh Ngọc Thanh, sẽ sang Pháp trình luận án tiến sĩ tại Đại Học Paris Nord (Paris 13), với đề tài "Régularisation de problèmes mal posés", lúc 14 giờ ngày thứ sáu 15-5-1998, tại Université Paris Nord (Villetaneuse), Institut Galilée, tầng 4, phòng B405. Đề tài này được hai giáo sư hướng dẫn, về phía Việt Nam giáo sư Đặng Đình Ấng (Đại Học Thành Phố Hồ Chí Minh), về phía Pháp giáo sư Alain Grigis (Đại Học Villetaneuse).

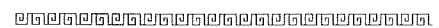
Đinh Ngọc Thanh là giảng viên của Đại Học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh. Để khuyến khích anh Thanh cùng cố võ cho chương trình trợ giúp sinh viên cao học của mình, Hội Cam Tuyền kính mời độc giả đến tham dự đông đảo buổi trình luận án của anh Thanh.

Trước đây Hội Cam Tuyền đã bảo trợ cho anh Đặng Đình Trọng, sinh viên cao học, sang Pháp trình luận án tại trường Polytechnique. Hội đang bảo trợ hai sinh viên khác: anh Nguyễn Thành Quang (Đại Học Vinh) do hai giáo sư Hà Huy Khoái (Đại Học TP Hồ Chí Minh) và A. Panchiskin (Institut Fourier, Grenoble) hướng dẫn, và anh Phạm Việt Sơn (Đại Học Đà Lạt) do hai giáo sư Hà Huy Vui (Viện Toán Học Hà Nội) và Lê Dũng Tráng (Đại Học Marseille) hướng dẫn.

Chương trình bảo trợ sinh viên Việt Nam sang Pháp trình luận án tiến sĩ rất mong sự hưởng ứng của quý độc giả và bạn hữu để có thêm phương tiện tài chánh nhằm tạo cơ hội cho những nhân tài của đất nước có cơ hội thăng tiến.

Mỗi học bổng trị giá 4.000 FF/năm (3.500 FF cho nghiên cứu sinh và 500 FF cho các phí tổn khác). Một hay nhiều người hảo tâm có thể đứng ra nhận bảo trợ một sinh viên.

Liên lạc: Hội Văn Hóa Giáo Dục Cam Tuyền, Manoir d'Aubonne, 14113 Villerville, France. Văn phòng thư ký: 38, rue de Lozère, 91400 Orsay, France (ĐT: 01.60.10.42.25).



## Chuyện tiểu lâm

Thời đó ông Lê Thanh Nghị là bộ trưởng của miền Bắc Việt Nam. Cứ mỗi lần thấy đài, báo đưa tin ông Lê Thanh Nghị đi nước này, nước khác là người dân hiểu ngay là ông lại vác rá đi xin viện trợ. Ông Nghị phải "xấu mặt xin tương để cả làng được húp".

Hôm đó, trong giờ giảng văn, cô giáo đang phân tích thơ Tố Hữu: "Ta sẽ xây những mỏ đồng, mỏ sắt, đóng những con tàu đi khắp đại dương". Đến đây, cô giáo chợt đặt câu hỏi: "Các em có biết nhà nước đóng tàu cho ai đi không?". Một em trong lớp nhanh nhẩu trả lời luôn (không thêm giờ tay): "Thưa cô, để cho ông Lê Thanh Nghị đi ạ!".

Việt Nam là gánh nặng của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Cùng vào thời kỳ này có câu chuyện tiểu lâm là trong một buổi họp quan trọng của đảng cộng sản Liên Xô, Brejnev đang diễn thuyết hùng hồn bỗng một phụ tá của ông vào rí tai ông nói một câu thì ông lẩn đùng ra ngắt lịm. Các bác sĩ xông vào cấp cứu, nhưng cứ tỉnh lại một cái là ông lại ngắt luôn. Các nhân viên KGB lập tức bắt nhân viên phụ tá để hỏi xem anh ta nói gì. Anh phụ tá mặt tái nhợt trả lời: "Tôi có nói gì đâu, tôi chỉ nói mỗi một câu là ông Lê Thanh Nghị vừa tới Mat-xcơ-va". Các bác sĩ tiếp tục chăm sóc ông Brejnev, cho thở đường khí và khi ông Brejnev tỉnh lại, tất cả đồng thanh hô to: "Ông Lê Thanh Nghị sang chơi thôi". Nhờ mẹo này mới cứu được Brejnev chứ không thì ông đã chết từ lâu rồi.

Rồi đến tổng bí thư Đỗ Mười. Trong một lần sang tiếp kiến Đặng Tiểu Bình, sau vài buổi làm việc thật căng, thấy Đỗ Mười không ngọt cảm tạ, Đặng Tiểu Bình đề nghị đích thân dẫn Đỗ Mười tham quan Vạn Lý Trường Thành.

Đang thung dung ngoạn cảnh, bỗng hai thầy trò nghe tiếng gió rít âm âm, ứ khí xông lên nòng nặc. Đặng Tiểu Bình hót ha hót hải hô to: "Chạy, chạy mau lên, yêu quái xuất hiện!". Hai thầy trò cùng đoàn tùy tùng liền vút mọi hành trang bỏ chạy. Càng chạy tiếng yêu quái càng gần. Đặng Tiểu Bình viết vài chữ vào một mảnh giấy: "Người mà còn đuổi tiếp, ta sẽ gọi quân đội bắn cho người một quả tên lửa", rồi vút ra đằng sau. Tiếng yêu quái tiếp tục đến gần. Đặng lại viết vào một mảnh giấy khác: "Coi chừng, ta ra lệnh ném cho người một quả bom nguyên tử!". Không ăn thua gì, yêu quái tiếp tục đuổi. Chạy một hồi, thấy Đặng Tiểu Bình tuổi già sức kém, Đỗ Mười thương hại nói: "Để

tôi ra tay!", rồi xin một mảnh giấy viết vội một câu ném ra đằng sau. Túc thì tiếng rít của yêu quái ngưng bật, mọi người dừng lại thở phào mừng rỡ. Đặng Tiểu Bình ôm chầm lấy Đỗ Mười cảm ơn rồi rít hỏi: "Đồng chí viết cái gì mà yêu quái sợ quá vậy?". Đỗ Mười bèn lên nói: "Tôi chỉ viết: nếu còn tiếp tục đuổi, con đường này sẽ đưa người tới chủ nghĩa cộng sản".

Vương Sử sưu tầm

## Trình diễn văn nghệ

Câu Lạc Bộ Thân Hữu Thông Luận kính mời quý vị cùng gia đình đến xem buổi trình diễn văn nghệ đặc biệt với ba nghệ sĩ chuyên nghiệp của sân khấu Cải Lương và Chèo cổ:

- Hai nghệ sĩ nổi tiếng của các đoàn Cải Lương Saigon Bạch Lê và Thanh Bạch sẽ có mặt trong vở "Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu" của tác giả Thành Trúc.

- Nghệ sĩ Kim Chính quen thuộc với quý vị sẽ cùng nghệ sĩ Bạch Lê trình diễn vở "Thị Mầu lên chùa", một vở hài kịch chèo cổ cười bẻ bụng từ đầu tới cuối.

Quý vị thích thơ sẽ được dịp nghe lại những bài thơ tuyệt hay trong một không khí Tao Đàn, cùng với những ca khúc tân nhạc được trình bày bởi những giọng ca truyền cảm.

**Chủ nhật 14-6-98 từ 15 đến 18 giờ** tại hội trường d'Artagnan, có ghế đệm rất tiện nghi và lịch sự tại địa chỉ :

Auberge de jeunesse, 80 rue Vitruve, 75020 Paris

Métro Porte de Bagnolet - Porte de Montreuil

(Đường Vitruve một chiều, dựng vào số 175 Bd Davout. Auberge de jeunesse nằm cách Bd Davout 200 thước)

Giá vé ủng hộ : 100FF

Liên lạc : Nguyễn văn Huy (ĐT: 01.60.17.68.00) trong giờ làm việc.

## Ngày thể thao và họp mặt

Để tạo điều kiện gặp gỡ thân mật giữa các gia đình cộng đồng Việt Nam tại vùng Paris và phụ cận, chúng tôi sẽ tổ chức một "Ngày thể thao và Barbecue" từ 9 giờ đến 20 giờ ngày 28-6-1998 tại: Centre sportif La Couldre, Route de Trappes, 78180 Montigny le Bretonneux

Chương trình gồm có: giải quần vợt, chạy bộ (footing), thiết cầu (pétanque) và nướng thịt (barbecue) ăn trưa.

Ghi tên trước với :

Tôn Thất Long ĐT: 01.30.64.03.88

Nguyễn Hữu Thư ĐT: 01.46.61.22.06

## Mục lục

1. Một mùa xuân dân chủ mới tại Trung Quốc  
**Thông Luận**
2. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Đài Loan  
**Huỳnh Hùng**
3. Quan hệ Việt-Mỹ: đường còn dài  
**Nguyễn Minh**
4. DCSVN thay đổi lãnh tụ theo phương thức "Vũ Như Cẩn"  
**Tôn Thất Thiện**
5. Cái đuôi "xã hội chủ nghĩa"  
**Trần Thanh Hiệp**
7. Một suy nghĩ về ngày 30-4-1975  
**Nguyễn Gia Kiểng**
11. Đồng thuận toàn dân  
**L.V.T**
12. Nông dân tại ba nước Nho giáo  
**Diệp Tường Bảo**
15. Quan hệ Việt Nam-Kampuchia  
**Nguyễn Văn Huy**
19. Các giá trị văn hóa cổ truyền  
**Tôn Thất Long**
21. Vài lời với ông Triệu Tử  
**Lê Rân**
23. Chuyện...khó nói  
**Hàn Sĩ**
25. Tại sao tôi dịch cuốn Người Trung Quốc Xấu Xí?  
**Nguyễn Hồi Thủ**
26. Cánh đồng âm nhạc trong mùa Xuân Việt Nam  
**Nguyễn Thị Trang**
28. Tin tức thời sự
32. Chuyện tiểu lâm  
**Vương Sử**

## Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

**Ban biên tập**